8° INDO-CHINOIS
146

Meiji

VIỆT-NAM MINH-TRỊ THƯ-XÃ

Việt-Sử' Đại-Toàn

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
Nº 1421

Quyển thứ nhất

TIỀN BIÊN

TỪ HÙNG-VƯƠNG ĐẾN THẬP-NHỊ-SỬ-QUÂN

dépot légal
certifié tirage conforme
1000 exemplaires
Hanoi le 23 avril 1926
Le Directeur Imprimeur

IN LẦN THỨ NHẤT

HANOI
IMPRIMERIE THUC-NGHIEP AN-QUAN
83, Rue du Chanvre, 83
1926

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

Nom d'auteur .....

Titre de l'ouvrage Việt-sử toàn-thư (Histoire complète du Vietnam). Tome I. De Hùng Vương à la période des Douze Sứ quân)

VIỆT-NAM MINH-TRỊ THƯ-XÃ

Việt-Sử' Đại-Toàn

R.F. BIBLIOTHÈQUE NATIONALE IMPRIMÉS

Quyển thứ nhất

DEPOT LEGAL ◦INDOCHINE◦ Nº J.421

TIỀN BIÊN

TỪ HÙNG-VƯƠNG ĐẾN THẬP-NHỊ-SỨ-QUÂN

IN LẦN THỨ NHẤT

8° Ind. Ch - 146

HANOI
IMPRIMERIE THUC-NGHIEP AN-QUAN
83, Rue du Chanvre, 83
1926

Ac 9173

Việt-Sử Đại-Toàn

TẬP THỨ HAI

Tiền triều

CHÍNH BIÊN I

TỪ ĐINH TIÊN-HOÀNG ĐẾN TRẦN HIẾN TÔN

(968 — 1341)

Đinh Tiên-hoàng (968-979).— Đinh Phế đế (979-980).

Lê Đại-hành (980-1005).— Lê Trung-tôn (1005).— Lê Long-Đĩnh (1005-1009).

Lý Thái-tổ (1010-1028). — Lý Thái-tôn (1028-1054). — Lý Thánh-tôn (1054-1072). — Lý Nhân-tôn (1072-1127).— Lý Thần-tôn (1128-1138). — Lý Anh tôn (1138-1175). — Lý Cao-tôn (1176-1210). — Lý Huệ tôn (1211-1225).— Lý Chiêu-hoàng (1225).

Trần Thái-tôn (1225-1258). — Trần Thánh tôn (1258-1278).— Trần Nhân-tôn (1278-1293). — Trần Anh-tôn (1293-1314). — Trần Minh-tôn (1314-1329). — Trần Hiến tôn (1329-1341).

Kho sách xưa Quán Ven Đường

Việt-Sử Đại-Toàn

Mấy lời mở đầu

Quốc sử tức là cái tộc-phả chung của nước, quốc dân ai cũng phải đọc quốc sử Có đọc quốc-sử mới biết gốc tích mình từ đâu? Tổ tiên mình thế nào ?Đất nước mình mở mang làm sao ? Chính trị mình biến đổi những gì ?

Xưa nay sử có hai thể : một là BIÊN NIÊN: hai là KỶ SỰ. Biên niên nghĩa là chép lấy năm làm cốt, việc chép theo năm. Ví dụ năm nay tháng này, ngày hôm nay có việc gì. Phép chép này như kinh Xuân-thu và các sử Tàu về sau — trừ sử Tư-mã-Thiên, sử Ban-Cố không kể — Kỷ sự thì chép lấy việc làm cốt, ví dụ việc chánh trị, việc giáo-dục, việc kinh tế v. v mục nào chép vào mục ấy từ đầu đến cuối, chỗ nào cần biết việc ấy về năm nào, tháng nào, ngày nào mới nói thêm vào. Sử Tàu như Tả-truyện, sử Tư-mã-Thiên, sử Ban-Cố, và sử các nước bạn Âu Mỹ bây giờ đều chép lối này.

Sử Biên-niên giống như quyển sổ nhật-ký, sử kỷ sự giống như sổ nhân danh, sổ cái và sổ gồm lỗ lãi. Bao giờ việc mới xảy đến cũng phải chép biên niên, nhưng sử biên-niên chỉ để làm tài liệu cho sử kỷ sự về sau mà thôi. Sử biên-niên thì việc không liên tiếp, ví dụ tháng này đánh giặc Nguyên, tháng sau mở khoa thi tháng sau nữa lại đến việc đánh giặc Nguyên, tháng sau lại đến việc khác; đầu quyển có vài dòng về việc giáo dục, giữa quyển có vài dòng, cuối quyển lại vài dòng v.v. muốn đem quyển sử biên niên mà khảo cứu một việc từ đầu đến cuối thấy là khó khăn. Bởi thế lối sử này chỉ để xem việc ấy việc nọ xảy ra, ngày nào, tháng nào, năm nào thì tiện, mà phần có ích cho độc giả thì ít.

Đức Khổng-tử chép kinh Xuân-thu là vì có chủ-nghĩa riêng. Đời bấy giờ chỉ vì không ai hiểu tôn vương mà nước Tàu đến loạn, ngài mượn kinh Xuân-thu mà ngụ cái ý nghĩa tôn vương để cứu cái tệ nước Tàu lúc bấy giờ nên mới có lối chép sử khác thường như vậy. Học thuyết của ngài về vấn đề chính trị vốn có

hai lối, là :ĐẠI-ĐỒNG và TIỂU-KHANG. Đại đồng tức là chính thể dân-chủ cộng hòa; tiểu-khang tức là chính-thể tôn-quân lập hiến. Theo như tôn-chỉ ngài thì đời vua Nghiêu vua Thuấn nhường thiên hạ ấy là đời đại đồng; đến đời sau không thể khôi phục chính-thể đại-đồng nên bất đắc dĩ phải dùng chính-thể tiểu-khang để cứu đời loạn. Vậy thì chủ-nghĩa tôn vương cũng là sự bất đắc dĩ một thời, không phải chủ nghĩa muôn đời bất dịch, nên ngài thường nói rằng : « Biết ta là kinh Xuân-thu; tội ta cũng là kinh Xuân thu ». Suy thế thì lối chép kinh Xuân-thu chỉ thích hợp với đời Xuân-thu mà thôi. Đem lối ấy mà chép việc nghìn đời thì không có nghĩa Ở cái đời ai ai cũng biết nghĩa tôn vương, ai ai cũng chỉ biết có nghĩa tôn vương thì nhà làm sử cần gì phải học đòi lối chép tôn vương của đức Khổng-tử ? Thậm chí sử Tư-mã-Thiên và Ban Cô (Hán-sử) đã chép lối kỷ sự rồi mà ông Chu-tử lại chê ra làm lối biên niên, như thế không khác gì đem quyển sổ của người ta đã giồn lỗ lãi rồi lại tách ra làm sổ nhật-ký vậy.

Sử ta trước kia đều theo lối biên-niên. Cũng có nhiều người biết thế là không tiện, nhưng không dám chép khác, sợ tội lệ chăng ?

Từ khi có người Đại-Pháp sang đây mới có lối sử kỷ-sự bằng chữ Pháp. Các nhà làm sử ta nhân đó mà chép sử kỷ-sự bằng quốc-ngữ. Song những bộ Việt-sử quốc-ngữ xuất bản trước nay toàn là những sách dùng để dạy học trong nhà trường chỉ chép những điều đại thể, mà những việc tiểu tiết đều lược bỏ đi. Ấy thế mà trong những việc tiểu tiết đó thường khi lại có cái bóng sét vang thừa của cổ-nhân, người sau có thể nhân đó mà khảo cứu được đôi chút ngấn tích của xã-hội quá khứ. Bởi thế bộ sử này ra đời cốt ý đem những bộ cổ sử và các sách ngoại truyện bằng chữ Hán từ việc to nhỏ, phàm những điều nên chép là nhặt nhạnh hết, qui vào từng mục, chép theo lối kỷ sự từng đời vua một để hiến độc giả một cái tài liệu khảo cổ trong những thì giờ nhàn rỗi ngoài buổi học nhà trường.

Vì cái mục đích tồn cổ mà gọi là Việt-sử đại toàn thực cũng biết là quá lạm, song cứ hiện nay mà nói thì có bộ này đủ hơn cả; vả lấy sức kỷ giả mà nói thì đã hết sức sưu tầm những

điều nên chép, muốn tường hơn nữa cũng không sao được. Tựu trung có chuyện hoang đường nhưng có chút dính dáng đến vấn đề xã hội hay là sự tích các danh nhân cũng phải lấy mà chép riêng ở bài phụ-lục nghĩa là không dám cho vào chính sử vậy

Có người nói : sử nước ta từ xưa đến nay không đáng gọi là quốc-sử. Điều đó thật có lẽ. Bởi vì nước ta vốn là nước quân-chủ, việc chép sử giao cho các quan đại-thần, chủ-nghĩa tôn- uân thất ư quá thiên, tư tưởng xã-hội rất là bạc nhược. sử học đã khiếm-khuyết, sử bút lấy gì làm hoàn-toàn ? Sử quan nào cũng thế, sử sách nào cũng vậy, chỉ lấy sử của ông Chu-tử bên Tàu là lối sử hoàng-thất làm kiểu mẫu, những việc riêng của hoàng-thất như lập Hoàng-hậu, dựng Thái-tử v. v. thì cho là việc trọng đại, chép rất to và rất tường, mà những điều quan hệ lớn đến nước, đến quốc-dân thường lại cho là việc nhỏ nhặt không chép đến. Sử đã không cần chép đến việc chung của nước của quốc-dân, còn gọi là quốc-sử được sao ?

Tuy nhiên, vẫn biết thế, nhưng ngoài những bộ hoàng-thất sử đó, ta không còn có bộ sử nào khác, nay ta muốn làm lại một bộ quốc-sử thật hoàn-toàn cũng không thể được. bởi vì không khảo cứu vào đâu mà làm được. Vậy thì: ta có nước ta phải yêu phải quí; ta yêu nước quí nước, ta phải yêu phải quí sách sử của nước ta; sử ta chỉ có thế, ta phải lấy thế làm quí. dù chẳng lấy gì làm hay cũng là cái ảnh hưởng của tiên-nhân. ngấn tích của nòi giống. Ngoài những việc riêng của hoàng-thất, thì thổ-địa ta mở mang thế nào. nhân dân ta tiến hóa làm sao, chính trị ta thay đổi thế nào cũng có thể nhân đấy mà biết được ít nhiều ngành - khái. Mỗi khi đêm khuya ngày tối, đem sử ra đọc, tưởng tượng cái công gây dựng của tổ tông khi xưa; nào là thánh-quân hiền-tướng, nào là hào-kiệt anh-hùng, nết tốt đức hay, công kỳ nghiệp lớn, tắm mưa gội gió, giãi nắng dầu sương, lấp bể đốt rừng, bới đất nhặt cỏ, khu trừ mãnh thú, chống chọi cường-lân, tân khổ gian lao, vẻ vang oanh liệt, người xưa tuy vắng, dấu cũ còn ghi; trông ra sóng cuốn sông Lô, gió gầm non Tản, quốc-hồn như phảng phất chưa tan, khiến người sinh kính, sinh mến, muốn khóc, muốn reo, hưng-khởi vô

cùng, cả n khái vô cùng, như vậy thì về phần « trí » tuy chưa thể gọi là quốc-sử, nh ng về phần « tình » phần « ý » thì cứ cho là quốc sử cũng được.

Ôi ! Nước ta lập quốc trước Tây-lịch hơn hai nghìn năm mà đến ngày nay vẫn còn thời-kỳ ấu-trĩ. Có ễ ông trời sinh riêng nước ta là một người co n út chậm lớn, lúc bé chậm lớn thì lúc lớn rồi sẽ lâu già chăng ? Tiên-nhân ở thời-kỳ ấu-trĩ, nước ấu-trĩ, sử cũng ấu-trĩ, trăm việc đều ấu-trĩ; bọn ta ở vào thời-kỳ sắp trưởng thành, ta có cái trách-nhiệm p ải tập ăn, tập nói, tập đi đứng, tập làm lụng để trở nên trưởng - thành. Mai sau nước sẽ thành ra nước trưởng-thành, sử sẽ thành ra sử trưởng-thành, ấ là cái hi-vọng của người chép sử và là cái hi-vọng chung của quốc-dân ta vậy. Nước bốn nghìn năm, dân hai mươi triệu, non sông Hồng-Lạc, nòi giống Tiên-Long, khí lực đang non, tinh t ần còn mạnh, nay về sau thế nào chưa biết, nay về trước hãy xem bộ Việt-sử này.

Ngày 25 tháng giêng năm B nh-dần

(9 Mars 19 6)

viế ở Kiếm-hồ thư- c

Trú - sơn Mai - Đăng - Đệ

Việt-Sử Đại-Toàn

NƯỚC VIỆT-NAM

Tên nước

Nước ta về đời Hùng-vương gọi là Văn-lang, đời Thục An-dương-vương gọi là Âu-lạc, đời Lý Nam-đế gọi là Vạn-xuân, đời Triệu gọi là Nam-Việt, nhà Đinh vua Tiên-hoàng gọi là Đại-cồ-việt, nhà Lý vua Thánh-tôn gọi là Đại-việt, đến đời Lý Anh-tôn, nhà Tống bên Tàu phong là An-nam quốc.

Đến Bản-triều vua Gia-long lên ngôi lấy quốc hiệu là Nam-Việt, nhưng lúc cầu phong bên Tàu, nhà Thanh đảo chữ Việt lên gọi là Việt-nam, vua Minh-mạnh lại đổi là Đại-nam

Ấy là những khi độc-lập, còn khi thuộc về nước Tàu cũng thay đổi nhiều tên : nhà Tần gọi là Tượng-quận, nhà Hán gọi là Giao-chỉ, Cửu-chân, và Nhật-nam, đời Tam-quốc, nước Ngô gọi ta là Giao-châu. nhà Đường gọi là An-nam đô-hộ phủ. sau đổi là Trấn-nam, sau lại gọi là An-nam. Đến như cái tên Xích-quỉ chắc là tự người Tàu họ gọi, lẽ nào mình lại tự đặt tên như thế. Vả là truyện về thời đại hoang đường, không nên kể đến làm gì.

* Chữ « đại » có ý tự đại, chữ « an » có ý thần phục nước Tàu, chữ Việt-nam có ý là ở phía Nam đất Việt, cũng như Việt-đông (Quảng-đông) và Việt-tây (Quảng-tây), người Tàu đặt cho như thế là có ý coi ta cũng như Quảng-đông, Quảng-tây của họ ; song chữ Việt tên nước ta viết khác chữ việt Quảng-đông và Quảng-tây, nêu ta không nhận mình là ròng rõi nước Việt bên Tàu thì nhận chữ Việt-nam làm tên nước cũng phải.

Đất nước

Nước ta về đời Thượng-cổ không thể biết cho đích xác được. Trong sử đem 15 bộ đời Hùng-vương ghép vào địa-đồ nước ta bây giờ chỉ được 14 bộ, còn 1 bộ (Bình-văn) không biết là đâu. Địa phận cả 14 bộ ấy đại khái là cả xứ Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ. Song chẳng qua cũng là nhà làm sử về sau đoán phỏng mà thôi.

Đời Triệu Vũ-đế (207 trước tây lịch) đóng đô ở Phiên-ngu tức là tỉnh thành Quảng - đông bấy giờ. Khi đó gồm cả Quảng - đông, Quảng-tây, xứ Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ. Khi thuộc đời Tam-quốc năm Giáp-thân (264), Ngô Tôn-Quyền chia ra làm hai: Quảng-châu (Quảng-đông Quảng-tây) và Giao-châu (Bắc-kỳ và phía bắc Trung kỳ). Sau Lý Nam-đế độc-lập chỉ lấy lại được Giao-châu ; Tiền Ngô-vương và Đinh Tiên-hoàng cũng vậy. Từ đó nước ta chỉ có phần đất Giao-châu, còn phần đất Quảng-châu thuộc hẳn về Tàu.

Đời Hồ-quí-Ly, năm Ất-dậu (1405) cắt đất Cổ-lâu 59 thôn nhường cho nhà Minh.

Đời Mạcđăng-Dung, năm Canh-tý (1540) cắt 5 động nhường cho nhà Minh.

Thế là về mặt bắc, ta chỉ mất đất, không mở rộng ra được chút nào.

Về mặt nam, từ tứ-Quảng trở đi, xưa kia còn là đất nước Chiêm-thành (Chàm) mà đất Nam-kỳ còn là đất Chân-lạp. Đời Lý Thánh-tôn năm kỷ-dậu (1069) đánh Chiêm lấy 3 châu Địa-lý, Ma-linh và Bố-chính (nay ở vào hạt Quảng-bình và Quảng-trị ,

Đời Trần Anh-tôn năm đinh-mùi (1307) gả Huyên-trân Công-chúa cho vua Chiêm-thành là Chế-mân, lấy châu Ô, châu Rí, đổi tên là Thuận-châu, Hóa-châu,

Đời Hồ-quí-Ly năm nhâm-ngọ (1402) sai Đỗ-Mẫn đánh Chiêm-thành, vua Chiêm là Ba-đích-lại dâng đất Chiêm-động (phủ Thăng-bình, tỉnh Quảng-nam) ; Quí-ly lại bắt phải dâng đất Cổ-lũy (Quảng-nghĩa) rồi chia ra làm 4 châu.

Đời Lê Thánh-tôn năm canh-thìn (1470) đánh Chiêm lấy đất Đồ-bàn (Bình-định), Đại-chiêm và Cổ-lũy để lập thêm đạo Quảng-nam. (1)

Đời Lê Kính-tôn, năm tân-hợi (1611) chúa Tiên (Nguyễn-Hoàng, Thái-tổ Gia-dụ hoàng-đế) đánh Chiêm-thành lấy đất, lập phủ Phú-yên.

---

(1) Quảng-nam đạo bấy giờ gồm tất cả từ Quảng-nam vào Bình-định.

Lê Thần-tôn năm qui-tị (1653) chúa Hiền (Nguyễn-phúc-Tần) đánh lấy đất từ sông Phan-lang trở ra, tức là Khánh-hòa bây giờ.

Đời Lê Hi-tôn, năm đinh-sửu (1697) Quốc-chúa (Nguyễn-phúc-Chu), lấy đất Phan-lý và Phan-lang làm huyện Yên-phúc và Hòa-đa, từ đó Chiêm-thành mất hẳn.

Năm mậu-dần (1698) chúa Nguyễn-phúc-Chu lấy đất Đồng-nai và Saigon của Chân-lạp.

Đời Lê Hiển-tôn năm đinh sửu (1757) chúa Nguyễn-phúc-Khoát lấy đất Vĩnh-long, Sa-đéc và Châu-đốc của vua Chân-lạp là Nặc-tôn dâng; lại lấy đất Hà-tiên của Mạc-thiên-Tứ dâng (Nguyên vua Chân-lạp cắt cho Mạc-thiên-Tứ).

Về mặt tây: đời Lê Nhân tôn năm mậu-thìn (1418) Tôn-bôn-man (giáp Nghệ an) xin nội phụ, đến Lê Thánh-tôn lấy đất ấy đặt phủ Trấn-ninh.

Tóm lại, nước ta Bắc có nước Tàu, tây có Ai-lao, nam có Chiêm-thành, Chân-lạp; lịch-sử ta tức là cái dấu vết cạnh tranh với những dân tộc đó. Tổ tiên ta tắm gió nội mưa, xung tên đột pháo, mấy nghìn năm tần cần lao khổ mới tạo thành mảnh đất ba kỳ này, phía bắc tuy có hụt đi nhưng mặt nam thì mở mang ra nhiều vậy.

Về phần nhân lực là thế, mà phần thiên-nhiên thì hai con sông Hồng-hà và Cửu-long chính là cái gốc sinh ra nước Việt-nam này: sông càng ngày càng bồi ra xa ấy là đất nước ta càng ngày càng nở ra rộng. Đời vua Đinh Tiên-hoàng cửa bể Kỳ-bá tức là tỉnh lỵ Thái-Bình bây giờ, mà ngày nay cửa bể Trà-lý, cửa bể Diêm-hộ cách tỉnh lỵ Thái-bình hàng hơn 30 kilomét. Trong Nam-kỳ cũng thế. Thực thì hai cái đồng bằng lớn Bắc-kỳ và Nam-kỳ này đều là đất hai con sông bồi đắp ra cả. Cái hình chữ S ngày nay hư thế, mai sau chưa biết thế nào.

Giống người

Các nhà nhân-chủng-học cho người Việt-nam thuộc về giống Mông-cơ. Gốc tích từ đâu mà đến thì có nhiều thuyết:

Nhiều người Tàu cho người Việt nam là dòng dõi Tam-miêu

bên Tàu, bị người Tàu đánh đuổi mà lui về phía nam. Nhưng giống Tam-miêu tức là người Mèo bây giờ, hiện nay còn ở rải rác khắp miền núi Quí-châu, Vân-nam, Ai lao, Diến-điện và miền núi nước ta, sao lại ẫn với người Việt-nam được?

Nhiều người Tây cho rằng người Việt-nam với người Thái (Thổ) đều là khởi nguyên tự miền núi Tây-tạng. Người Việt-nam theo sông Hồng-hà xuống làm nước Việt-nam; người Thái theo sông Cửu-long xuống làm nước Xiêm-la.

Ông Léonard Aurousseau khảo cứu ở sách Tàu thì cho rằng người Việt nam tức là ròng rõi người nước Việt về đời Xuân-thu (cuối thế-kỷ thứ VI trước tây lịch), kinh-đô ở thành Thiệu-hưng về tỉnh Chiết-giang ngày nay.

Đến năm 333 trước tây lịch nước Việt bị nước Sở diệt, người nước Việt mới chạy về phía nam chia ra làm 4 chi phái: 1e Đông-Âu hay là Việt-đông-hải ở miền Ôn-châu (phía nam Chiết-giang); 2e Mân-việt ở miền Phúc-châu (Phúc-kiên); 3e Nam-việt ở Quảng-đông và phía bắc Quảng-tây; 4e Lạc-việt hay là Tây-âu-lạc ở phía nam Quảng-tây và nước ta.

Hai thuyết trên là lời đoán lý, thuyết của ông Léonard Aurousseau thì kê cứu trong sách, dẫn chứng rất tinh tường. Ông lại lấy những tên « Việt » này làm chứng cho chữ « Bách-việt » lại xét đến họ nước Việt là họ Mị, cùng họ với nước Sở, nước Sở ở về địa phận Hồ-nam và Hồ-bắc nước Tàu, hồ Động-đình ở đấy, nên ông lại lấy làm chứng cho sử ta nói rằng: nước ta về đời thượng cổ phía bắc giáp hồ Động-đình, phía tây giáp nước Ba-thục là thật.

Kể các thuyết khảo cứu gốc tích người Việt-nam thì duy có thuyết này là giá trị hơn cả. Ông nói quyết rằng người Việt-nam với người nước Việt bên Tàu cùng giống là vì hai cớ chắc chắn: 1e Nước ta nhận tên là « Việt » cũng viết như chữ tên nước « Việt » bên Tầu; 2e trong Việt-sử nói rằng dân ta về đời thượng-cổ có tục vẽ mình, mà trong những sách ông khảo cứu về gốc tích nước Việt bên Tàu như Trang-tử, như Tư-mã-sử-ký v. v. đều nói rằng dân nước Việt có tục vẽ mình. Cùng một tên họ, cùng một

tục về mình mà trong sách Tàu và sách sử Nam nói lại hợp nhau thì chứng cớ nào chắc hơn nữa.

Song cũng nên biết rằng sách sử Nam về đời thượng-cổ là do tay người đời sau chép theo lên, nửa lấy ở lời tục truyền, nửa lấy trong sách Tàu ra, vậy thì những chỗ hợp với sách Tàu cũng không đủ làm bằng chứng, vì sử ta với sách Tàu cũng là một vậy. Cái tên « Việt » mà ta dùng làm tên nước cũng chẳng qua lấy ở sách Tàu; mà những sách Tàu nói về nước Việt (nước Việt bên Tàu) thiên cư về nam cũng là nói hàm-hồ từ Chiết-giang giở về nam thôi. Đời trước địa-dư chưa tinh, giao-thông chưa tiện, nhà làm sách kiến-văn chưa rộng, bờ cõi các nước không đích xác phân minh, thì những câu sách chép về cổ-thời cũng không lấy gì làm xác chứng cho giống người các nước được. Phương chi những sách Tàu khác lại nói khác, như : kinh Thư về đời vua Nghiêu (2357 — 2261 trước tây lịch) thì gọi chung miền nam là Nam-giao sách sử Tàu lại chép rằng « Cao-dương-thị nam chí Giao-chỉ (đời Cao-dương phía nam nước Tàu đến đất Giao-chỉ). (1); lại có sách nói rằng «Đường-Nghiêu nam phủ Giao-chỉ» (vua Đường-Nghiêu phía nam phủ-trị đất Giao-chỉ), cũng đều là tiếng gọi chung từ Ngũ-lĩnh về nam; trong Lễ-ký và Lã-thị xuân-thu cũng gọi những dân miền nam là Giao-chỉ; đời vua Hùng.

---

1) Chữ Giao-chỉ tra trong sách có nhiều nghĩa : Một nghĩa là giao ngón chân (chữ «chỉ» viết chữ «túc» một bên). Thuyết này nói rằng người Giao-chỉ có hai ngón chân cái quặt ra, lúc đứng bằng hai chân thì ngón chân cái đối với nhau nên gọi là Giao-chỉ. - Một nghĩa là chung-bến. Thuyết này nói rằng chữ « chỉ » viết lầm, đáng lý phải viết ba chấm thủy một bên. Vì người Tàu phân biệt chỗ tắm của đàn ông và đàn bà ; người Nam hay tắm sông, không phân biệt chỗ nào là chỗ tắm của đàn ông, chỗ nào là chỗ tắm của đàn bà nên gọi là Giao-chỉ. — Một nghĩa là chân hướng lại với nhau: Cổ-thời nhân loại có giống «đối- trú» (bên nam bên bắc ở đối mặt với nhau) có giống « lân-trú » (bên đông bên tây ở sắp hàng với nhau); Giao-chỉ tức là ý đối-trú, là tiếng chung của dân-tộc phía bắc dùng để gọi dân-tộc phía nam — Trong sử ta thì chữ « chỉ » viết chữ «phụ một bên ; Giao-chỉ cũng như Giao-châu nghĩa là cõi Nam giao vậy,

chia nước làm 15 bộ cũng có bộ Giao-chỉ, theo trong sử, Giao-chỉ là đất Hà-nội, Hưng-yên, Nam-định, nghĩa là chỗ trung-tâm nước ta ; Triệu-Đà làm vua nước ta cũng đặt ra quận Giao-chỉ, đến nhà Đông-hán lại lấy tên ấy gọi chung cả xứ Bắc-kỳ. Vậy thì biết đâu ngoài những người Việt bên Tàu kia lại có người Giao-chỉ nữa mà sách Tàu chưa hề chép đến ?

Tuy tên Giao-chỉ là tên đất, sau mới dùng để gọi người, nhưng tên Việt khi trước cũng là tên nước ; tên Giao-chỉ dùng để gọi tổng cả miền nam thì tên Việt cũng vậy.

Vả chữ «Việt» ngay từ đời Đường-Nghiêu (2357-2261 trước tây lịch) đã thấy : Trong sử Tàu chép rằng họ Việt-thường lai-triều dâng con rùa lớn. Vua Nghiêu nhân con rùa ấy làm ra lịch, gọi là (qui-lịch) Sử nước ta về đời ấy cũng chép vua Hùng chia nước làm 15 bộ, bộ Việt-thường là một. Đời Chu-Thành-vương sử Tàu cũng chép rằng họ Việt-thường lai triều dâng con bạch-trĩ. Vậy thì chữ «Việt» dùng để gọi tên một giống người ở vào khoảng nước ta còn có trước nước Việt về đời Xuân-thu ở tỉnh Chiết-giang bên Tàu những non 2000 năm. Thế mà cứ bằng ở sách Chiến-quốc-sách (1), sách sử-ký Tư-mã-Thiên, (2) sách Việt-tuyệt-ký (3) và lời Trương-thủ-Tiết (4), nói rằng nước Việt về Chiết-giang bên Tàu, năm 333 bị nước Sở diệt rồi mới thiên cư sang Nam, sao cho khỏi ngờ được ?

Tổng chi : ngày xưa nhân-chủng học đã không có, địa-dư học ại mập mờ, những sách cổ không lấy gì làm bằng cứ. Những thuyết nói về gốc tích giống người Việt-nam đều là không chắc cả. Người Việt-nam là ròng rõi Giao-chỉ, hay là ròng rõi Tây tạng ? hay ròng rõi Việt-thường ? Hay ròng rõi nước Việt về đất Chiết-giang bên Tàu ? Đều còn là nghi-vân cả. Chúng ta chỉ nên tin rằng :

Người Việt-nam riêng là một giống người.

— Lấy gì làm bằng cứ ?

— Bằng cứ ở tiếng nói. Tiếng nói của người Việt-nam tuy có pha ít tiếng Thái, ít tiếng Mường, ít tiếng Tàu, nhưng vẫn

---

1, 2, 3, 4, Là những sách mà ông Léonard Aurousseau đã dẫn trong bài khảo-cứu của ông.

riêng là một thứ tiếng .Tiếng nói đã riêng là một thứ tiếng nói thì giống người hẳn cũng riêng là một giống người. Không có dân-tộc nào từ chỗ này thiên-cư đi chỗ khác lại lập riêng ra một thứ tiếng nói khác hẳn với tiếng nói trước, nếu chỗ đất ấy không có dân-tộc ở và tiếng nói riêng.

Tuy nhiên, bao nhiêu lâu giao-tiếp với các dân - tộc láng riềng ; có khi thuộc về Tàu hàng hơn nghìn năm, người Tàu sang đây có chuyến đến mười mấy vạn người, sự hôn - nhân không bề cấm ngăn, sao chẳng có sự lai-máu lẫn nhau, cùng dung hóa trong cái lò thiên-diễn, điều đó thì có phần chắc vậy.

TIỀN BIÊN

HÙNG-VƯƠNG

(2879-258 Tr. T. L.)

Khâm-định-Việt-sử-thông-giám chép bắt đầu từ Hùng-vương, m: Kinh-dương-vương và Lạc-long-quân thì phụ chú xuống dưới cho là lờ truyền văn. Vì rằng Hùng-vương còn có lăng, có miếu, là di-tích ở nướ ta; dựng nước, đặt đô, chia nước làm 15 bộ, từ đó mới dần có chế-độ truyền 18 đời, hơn hai nghìn năm, so với sách Tàu như: Cao-dương thị nam chí Giao-chỉ », « Đế-Nghiêu trạch Nam-giao », và đời Chu Thành-vương thì « Việt-thường-thị lai triều », đều ở trong thời kỳ ấy, ấy là những bằng chứng có thể tin được. Còn như Kinh-dương-vương v vua Lạc-long là truyện diều-mang của nhà làm sử cũ bịa đặt ra, khôn thể tin được ; lại đem truyện Liễu-Nghị (1) trong tiểu-thuyết Tàu để làn bằng chứng thực không còn giá trị gì.

Kinh-dương nghĩa là phía nam sông Kinh, sông Kinh ở tỉnh Thiểm tây, hồ Động-đình thì thuộc tỉnh Hồ-nam và Hồ-bắc, có quan hệ g với ta ? Vả truyện quái đản hoang-đường, lẽ nào lại lấy làm bằn mà đặt làm ông vua mở đầu một nước. Vậy nay cũng theo sử Khâm định, lấy vua Hùng làm vua Thủy-tổ.

---

1) Đại khái truyện tiểu-thuyết ấy là: Liễu-nghị là một người học trò th bỏng về, đi qua Kinh-Xuyên, gặp một người thiếu phụ chăn dê ở bê đường, trông mặt rất là sầu thảm. Nghị nhân hỏi. Người thiếu-phụ tự xưng là con gái vua Động-đình, lấy chồng là con vua Kinh-xuyên (cũn là vua Thủy-tế). Vì chồng yêu vợ lẽ mà đầy đọa nàng, nên nhờ Ngh đi qua về Động-đình, thì đưa hộ một bức thư cho vua cha ở Thủy-phủ Nhân lại dặn Nghị khi đi đến bàn hồ, sẽ gõ vào một cây liễu to ở gần đây, thì dưới thủy-phủ sẽ có người lên đón.

Sau vua Động-đình được tin, cho em là Tiền-đường-quân đem quân sang đánh Kinh-xuyên, bắt con gái về, gả cho Liễu-Nghị.

Nước Văn-lang

Mới dựng nước, đặt hiệu là Văn-lang ; đóng đ ở Phong-châu.

Sử cũ chép: Khi xưa cháu ba đời vua Viêm-đế (Thần-nông) là vua Đế Minh đi tuần-thú phương nam (1) đến Ngũ-lĩnh (2) lấy Vụ-tiên-nữ, sinh được người con trai đặt tên là Lộc-Tục, Lộc-Tục thông-minh thánh-trí vua Đế-Minh yêu quí lắm, muốn truyền ngôi cho làm vua, nhưng Lộc-

Tục cổ nhường anh là Đế-Nghi. Đế-Minh mới truyền ngôi cho Đế-Nghi làm vua phương bắc, mà phong Lộc-Tục làm vua phương nam, gọi là Kinh-dương-vương.

Kinh-dương-vương lấy nàng Thần-long (con gái Đổng-đình-quân) sinh được người con trai tên là Sùng-Lãm, hiệu là Lạc-long quân.

Lạc-long-quân lấy bà Âu Cơ (con gái vua Đế Lai) sinh được trăm con trai (tục truyền đẻ ra trăm trứng, nở ra trăm người), ấy là tổ Bách-Việt (3).

Một hôm Lạc-long-quân bảo Âu cơ rằng : Ta là nòi giống rồng, nàng là nòi giống tiên, thủy hỏa tương khắc, khó ở chung với nhau được. Vợ chồng từ đấy ly biệt, chia con làm đôi : 50 con theo mẹ về miền núi, 50 con theo cha về bể (ở miền nam), cất con trưởng lên làm Hùng-vương nối ngôi vua.

Hùng-vương đặt quốc-hiệu là Văn-lang, đóng đô ở Phong-châu (4). truyền 18 đời đều gọi là Hùng-vương (5)

---

1) Sách Việt sử-khâm-định nói rằng xét trong sách Tàu, vua Đế-Minh chưa hề nam tuần.

2) Ngũ-lĩnh có nhiều người chú thích khác nhau : Sách Nam-khang-chí của Đặng-đức-Minh thì cho là năm ngọn núi : một ở Đại-rừu, hai ở Quế dương, ba ở Cửu-chân, bốn ở Lâm-hạ, năm ở Thủy-an. Trong năm ngọn núi này thì 4 ngọn ở địa phận Lưỡng-Quảng, nước Tàu, còn một ngọn ở Cửu-chân tức là Thanh hóa— Sách Quảng-châu-ký của Bùi-Uyên thì 4 ngọn núi ở địa phận Tàu cũng nói như Đặng-đức-Minh, duy có ngọn thứ ba thì nói ở Yết-dương (cũng là đất Lưỡng Quảng) chứ không phải ở Cửu-chân. Nhưng sách Lĩnh-ngoại đại-đáp của Chu-kí ứ-Phi thì cho Ngũ lĩnh là năm lối vào đất Lĩnh-nam (Lĩnh-nam ấy Lĩnh-ngoại đều là cái tên mà người Tàu gọi chung Lưỡng-Quảng trở về nam). Năm lối là : một lối từ Phúc-kiến vào Quảng-đông, một lối từ Giang-tây vào Quảng-đông : một lối từ Hồ-nam vào Quảng-đông .một lối từ huyện Đạo ở Hồ-nam vào Quảng tây, một lối từ huyện Toàn ở Quảng-tây vào Tĩnh-giang (Quảng-tây).

3.) Bách-việt nghĩa là mọi giống Việt : Ô-Việt ở Chiết-giang, Mân-Việt ở Phúc-kiến, Dương-Việt ở Giang-tây, Nam-Việt ở Quảng-đông, Lạc-Việt ở ta v. v. ấy là theo lời chú thích của người Tàu. Chữ « Bách » không phải là số đếm

4.) Phong-châu, sử cũ chua là đất Bạch-hạc, nhưng xét trong Địa-lý-chí đời Đường thì Phong-châu thống-trị năm huyện ;Sách Thái-bình-hoàn-vũ ký đời Tống nói rằng quận Thừa-hóa thuộc về Phong-châu, khi xưa là nước Văn-lang. Như vậy thì Phong-châu đáng là một khu vực hành-chính gồm mấy phủ Lâm-thao (Phú-thọ) Vĩnh-tường (Vĩnh-yên) v. v. Nay làng Cổ tích ở phủ Lâm-thao có núi Hùng-sơn, trên núi Hùng

có lăng có miếu vua Hùng, tưởng không nên cho riêng Bạch - bạc là Phong-châu vậy. Việt-sử-khâm-định cũng nói như thế.

5.) Sách An-nam-chí của Cao-hùng-Trưng chép rằng : « đất Giao-chỉ từ khi chưa có quận-huyện, có ruộng Lạc, theo nước chiều lên xuống cấy cấy ruộng ấy là dân Lạc, Thống-trị dân ấy là vua Lạc, giúp vua Lạc là tướng Lạc, đều ấn đồng thao xanh, gọi là nước Văn-lang ; phong tục thuần phác, truyền 18 đời »

Vì thuyết này nên có người cho chữ Hùng-vương là chữ Lạc - vương viết lầm. Nguyên Hán-văn chữ « Lạc » có nhiều thể, có chữ « Lạc » giống giống như chữ « Hùng », người viết tam sao thất bản, chữ «Lạc » nọ lầm ra chữ « Lạc » kia rồi chữ « Lạc » kia lại lầm ra chữ «Hùng» chăng ? Nói thế hoặc cũng có lẽ, song truyền đã lâu rồi dù có lầm cũng không nên chữa, không cần chữa và cũng không chữa được vậy.

Nội chính— Chia nước làm mười lăm bộ.

Theo sách Khâm-định Việt-sử thì 15 bộ đời Hùng là :

1e Văn-lang (Bạch-hạc, tỉnh Vĩnh-yên).
2e Giao-chỉ (Sơn nam) Nay gồm Hanoi, Hanam, Nam-định, Hưng-an, Thái-bình.
3e Chu-diên } Sơn-tây) Nay gồm Sơn-tây, Phú-thọ, Vĩnh-yên.
4e Phúc-lộc }
5e Vũ-ninh (Kinh-bắc) Nay là Bắc-ninh Bắc-giang.
6e Việt-thường (Thuận-hóa) Nay thuộc về Quảng-trị, Quảng-bình.
7e Ninh-hải (Quảng-yên).
8e Dương-tuyền (Hải-dương) cả Kiến-an.
9e Lục-hải (Lạng-sơn).
10e Vũ-định (Thái-nguyên, Cao-bằng).
11e Hoài-hoan (Nghệ-an).
12e Cửu-chân (Thanh-hóa) cả Ninh-bình.
13e Tân-hưng (Hưng-hóa, Tuyên-quang).
14e Cửu đức (Hà-tĩnh).
15e Bình-văn (?).

Nguyên 5 bộ trong sách Địa-dư-chí của ông Nguyễn-Trãi mà ông Nguyễn-thiên-Túng chú thích thì chỉ khảo cứu được 13 bộ trên ; đến các quan làm Việt-sử-khâm định lại xét trong sách Tấn-chí mới thấy bộ Cửu-đức, tự nhà Ngô đặt ra mà thuộc về tỉnh Hà-tĩnh.

Bộ Cửu-đức đến Ngô mới đặt ra mà sao đời Hùng-vương đã có tên ấy ? Coi vậy biết 15 bộ này cũng không lấy gì làm đích xác. Vả đem 15 bộ trên này mà xét thì đất nước ta bấy giờ chỉ vào khoảng Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ, mà sao trong sách lại nói rằng cõi đất đời Hồng bàng phía bắc giáp hồ Động-đình (Hồ-nam), phía nam giáp nước Hồ-tôn (Chiêm-thành), phía đông giáp Nam-hải, phía tây giáp Ba-thục (Tứ-xuyên) ? Có người nói rằng đời Hùng-vương nguyên có đất rộng như thế thật, đến đời Thục, nhà Tần đánh Lĩnh-nam đặt ra Quế-lâm, Nam-hải và Tượng-quận, nước ta mới mất đất về Tàu. Nhưng cũng là đoán phỏng, không lấy gì làm bằng cứ đích xác cả. Ta chỉ nên biết rằng đời Hùng-vương chia nước ra làm 15 bộ mà thôi.

Đặt tên quan

Mới đặt tên quan. Tướng văn gọi là « Lạc hầu », tướng võ gọi là « Lạc-tướng » các quan nhỏ gọi là « Bồ-chánh » (1), con trai vua gọi là « Quan-lang » (2) con gái vua gọi là « Mị-nương » (3). Đời đời cha truyền con nối gọi là « Phụ-đạo » (4)

1, 2, 3 Những tiếng « quan lang », tiếng « cô nàng », tiếng « ộng chiếng » ở trên mường bây giờ, và có nơi gọi chánh tổng là « bồ đính », có lẽ là tiếng cổ chăng.

4. Chữ « phụ đạo » trong sử nghĩa là đạo cha, nhưng đến triều Lê đổi làm chữ « phụ đạo » là giúp giập, cũng là tiếng trên Mường ?

Nghề đánh cá và tục vẽ mình

Bấy giờ nghề làm ruộng mới nhóm, dân dùng không đủ, bèn làm lưới, vó, để đánh cá tôm. Sử cũ chép rằng : dân vào nước đánh cá, thường bị giống thuồng-luồng làm hại (1). Dân tâu vua, vua bèn dạy dân lấy châm khắc hình thủy-quái vào mình, từ đó giống thuồng-luồng không làm hại nữa. Tục vẽ mình có từ đấy (2).

Trong Lĩnh-nam-chích-quái lại chép rằng. Trước đời Hùng-vương sự cần dùng của dân còn chưa được đủ : vỏ cây làm áo, nước cây làm rượu, hoa quả làm cơm, chim muông tôm, cá làm nhắm, củ gừng làm muối, gác cây làm nhà, dệt cỏ làm chiếu, đồ làm ăn chưa đủ, lấy dao đào đất, đốt cây gieo thóc ; đất sinh nhiều thóc nếp bỏ vào ống nứa mà nướng ăn ; chưa có trầu cau, việc dựng vợ gả chồng lấy muối làm lễ. Từ khi vua dạy dân khẩn ruộng chiêm, đan lưới đánh cá, sự ăn dùng của dân mới dần đủ vậy.

1.) Có sách nói rằng giống thuồng-luồng sợ rồng, vẽ rồng vào mình nên thuồng-luồng không dám làm hại. Nhưng cứ như trong Đại-việt-sử-ký thì vua Hùng-vương bảo dân rằng loài ở nước ghét loài ở rừng, nên hay làm hại, vẽ hình nó vào mình thì nó không ghét nữa.

Loài Thuồng-luồng thế nào ? — Trong sách Tàu nói rằng: nó tựa như rồng mà không có sừng. Ta thì tương truyền rằng thuồng-luồng như con rắn mà dài, từ rốn giở xuống vẩy ngược, hay ở các suối trên mạn ngược, bắt được người thì quấn chặt rồi cắn rốn rút ruột ăn. Nhưng thực thì ngày nay chẳng ai trông thấy thuồng luồng cả. Nên những truyện này cũng coi như truyện huyền hồ vậy.

2.) Tục vẽ mình về sau các đời vua nhà Trần vẫn còn theo, mãi đến đời Trần Anh tôn mới bỏ.

Ngoại giao. — Sai sứ sang Tàu

Đời Hùng-vương có hai lần sai sứ sang Tàu ; Một lần vào đời Đường-Nghiêu năm mậu-thân (2353 T. T. L.) ấy là bắt đầu việc bang-giao nước ta với Tàu vậy. Sách Thông-chí của Trịnh-Tiều nói rằng : « Đời Đào-đường, phương nam có họ Việt-thường sang triều, hiến con thần-qui. Con thần-qui này sống đã nghìn năm, vuông vắn hơn ba thước, lưng có lời chữ khoa-đẩu(1) ghi từ lúc tạo-thiên lập-địa trở lại. Vua Nghiêu sai lục ra làm lịch gọi là Qui-lịch.

Một lần vào đời Chu Thành-vương, năm tân-mão (1110 Tr. T. L.) (2) Sử-ký Tàu chép rằng phía nam nước Giao-chỉ có họ Việt-thường sang hiến con Bạch-trĩ, phải ba lần thông-ngôn mới hiểu tiếng. Ông Chu-công đem con bạch-trĩ làm lễ tiến miếu. Lúc sứ giả ra về quên lối. Ông Chu-công cho năm cỗ xe

có riềm, đều làm cách chỉ-nam. Sứ-giả cỡi xe ấy mà về, đi khoảng bể nước Phù-nam, nước Lâm-ấp, một năm mới về đến nước.

Sử Tàu chép thế, mà sách Phương-dư-kỷ-yếu thì nói rằng nước Phù-nam ở một cái cù-lao lớn về phía tây Nam-hải, phía bắc cách quận Nhật-nam (phía bắc Trung-kỳ) 7 nghìn dặm, phía tây cách nước Lâm-ấp (Chiêm-thành) 3 nghìn dặm. Như vậy thì sứ họ Việt-thường có phải là sứ vua Hùng chăng? Song bây giờ địa-dư học chưa tinh, Sử-ký chẳng qua cũng là đoán phỏng mà thôi.

---

1. Là lối chữ đời thượng-cổ, trông như hình con nòng-nọc.
2) Có sách chép là năm Ất-vị (1106 T. T. L.)

Giặc Thục. — Thục-vương Phán vào cướp nước. Vua nhảy xuống giếng. Nước Văn-lang mất.

Nguyên trước vua Hùng thứ 18 có người con gái là Mị-nương, đẹp lắm. Vua Thục nghe tiếng, sai sứ sang cầu hôn. Vua muốn cho, nhưng Lạc-hầu can, cho là Thục mượn tiếng cầu-hôn mà toan cướp nước. Vua mới thôi. Thục-vương lấy làm căm tức, dối lại con cháu ngày sau phải diệt nước Văn-lang. Đến đời cháu là Thục-Phán là người có dũng lược. Thường sang quấy vua Hùng. Vua Hùng quân mạnh tướng tài, trận nào đánh cũng được. Vì thế sinh lòng khinh địch, nói rằng: « Ta có sức thần, Thục không sợ à? » Từ đó không buồn sửa sang vũ-bị, ngày ngày rượu tiệc làm vui. Quân Thục kéo đến, vua còn say rượu chưa tỉnh. Lúc quân giặc đã đến nơi, bèn thổ ra huyết, nhảy xuống giếng tự trầm. Quân hàng về Thục.

***

Sử cũ chép bắt đầu từ Kinh-dương-vương đời Hồng-bàng năm nhâm-tuất (2879 T. T. L.), đến hết đời Hùng-vương thứ 18, năm quí-mão (258 T. T. L.), cộng là 2622 năm. Tính chia đều ra mỗi đời trị vì được hơn 150 năm. Sao mà sống lâu đến thế? Song đã là thời-kỳ nghi-sử thì ta cũng nên coi là truyện khuyết-nghi vậy.

NHỮNG TRUYỆN CỔ-TÍCH VỀ ĐỜI HÙNG-VƯƠNG

Đời Hùng-vương có nhiều truyện cổ-tích, hầu hết là hoang-đường. Sách này mục-đích cốt ở tồn-cổ, nên thuật kỹ hơn. Người xem nên chọn điều nên tin hãy tin mới khỏi cái hại xem sách.

Vả dù sách nào mặc lòng, có ích hay có hại cũng do ở trí phán đoán của người xem.

Những truyện cổ tích này tuy có hoang đường thật, nhưng về phương diện khác cũng có thể xem được, như : truyện Đổng-Thiên-vương có cái tư tưởng xả thí, truyện Chử-đồng-tử có cái quan-niệm giai-cấp, truyện trầu cau có tính cách luân lý, truyện bánh chưng có dấu vết phong tục... đại khái như thế không phải là không có ý vị hay, chỉ bởi người xem tự tìm ra đó mà thôi. Cho nên những truyện cổ-tích này ta có thể coi nó như một cái dấu hỏi, trả lời hay thì ra hay, trả lời dở thì ra dở, cái đối-tượng hay dở chính là bộ óc của người xem vậy.

II — Truyện Phù Đổng-Thiên-vương

Đời Hùng vương thứ sáu, ở làng Phù-đổng (Gióng) bộ Vũ-ninh (Bắc-ninh) có một người nhà giầu, có đức hạnh, sinh được một đứa con trai, lên ba tuổi mà cứ nằm ngửa một chiều, chẳng hề nói năng cười khóc gì cả. Ai cũng cho là đứa tiểu-nhi quái gở. Gặp lúc trong nước có giặc Ân sang quấy. Vua sai sứ đi rao khắp trong nước để tìm người tài ra dẹp giặc Tiểu-nhi ấy bỗng bật lên nói, thưa mẹ ra đón sứ-giả vào. Và nói với sứ về tâu vua xin cho một con ngựa sắt và một thanh gươm, vua không phải lo gì giặc nữa. Sứ về tâu vua, vua lấy làm lạ, cho đúc gươm và ngựa đem đến. Tiểu-nhi liền vùng dậy, vươn vai một cái, mình bỗng cao hơn hai trượng, rồi cầm gươm nhảy phắt lên ngựa, xông thẳng ra mặt trận. Người ấy trỏ gươm đi trước, quan-quân theo sau, đánh giặc ở chân núi Trâu-sơn, quân giặc tan nát, chết rất nhiều ; còn bao nhiêu đều xụp lạy xin hàng, kêu là « tướng nhà trời ».

Phá được giặc rồi, người ấy đi đến núi Vệ-linh (tức là núi Sóc-sơn ở huyện Kim-anh tỉnh Phúc-yên) cởi áo bỏ lại rồi cưỡi ngựa sắt bay về trời. Vua nhớ ơn, cho lập đền thờ ở chỗ nhà cũ Tức là đền đức thánh Gióng ở làng Phù-đổng bây giờ.

Sau vua Thái-tổ nhà Lý lại phong là Sung-thiên thần-vương. Dân làng Gióng hằng năm đến ngày mồng 8 tháng 4 mở hội to lắm, có diễn lại trận đánh giặc Ân khi trước.

Truyện ấy ở trong Lĩnh nam-chích-quái chép còn dài, nhưng trong sử lược bớt đi. Lúc đầu chép rằng vua Hùng không triều sính nhà Ân bên Tàu nên mới có giặc Ân. Vua lập đàn cầu đảo Long-vương thần ên bảo vua cho người đi khắp trong nước mà tìm. Vua mới cho sứ đi rao. Bà mẹ nghe thấy nhà vua huyền thưởng đánh giặc, nói bỡn con rằng : Con ta không đi đứng được mà đánh thế nào được giặc để lấy thưởng mà đền công cha mẹ. Vì thế Đổng-thiên-vương mới bật lên nói... Lúc đánh giặc, ngựa sắt thở ra lửa, cháy mất một làng, cho nên làng chỗ ấy mới gọi là làng Cháy. . Lại chép rằng khi đương đánh giặc, gẫy mất thanh gươm Thiên-vương nhổ tre bên đường quăng vào quân giặc. Những tre ấy rồi sau mầy lên thành khóm ở huyện Gia-bình, gọi là tre Đằng ngà.

Và ở đồng điền ên Bắc-ninh thường thấy có những cái chuôm nhỏ, tục truyền là vết chân ngựa.

Mấy lời bàn phụ

Đổng-Thiên-vương thực là một ông Phật. Xem hành-trạng của ông thì có lẽ trời đã mặc khải đạo Phật cho ông từ khi chưa có Phật-giáo bên Tàu truyền sang. Không nói không cười, ấy là lúc tiềm tu định tưởng ; có công không thưởng, ấy là lòng xả thí chân như ; báo đền xã hội rồi tự thân siêu thoát, có sạch nợ trần mới thành chính-quả vậy.

Một tay khử bạo trừ hung, cứu dân giúp nước, mà trước vua không tưởng, lộc nước không màng, ngựa sắt tế sinh vời, gươm thần tung đất, sắc mà không, không mà sắc, thiền mà động, động mà thiền, quả là một vị hiệp phật, nhập thế được xuất thế cũng được, cứu người được giết người cũng được Ngày nay đền Gióng tế chay, đền Sóc (1) tế mặn, có lẽ là bậc thái thượng không thể lấy pháp-môn tầm-thường lệ luận chăng ? Cho nên lấy công đánh giặc mà nói nên gọi ông là cứu-quốc anh-hùng, lấy sự ngộ-đạo mà nói nên gọi ông là Vô-ngôn bồ-tát.

1.) Thần-tích Sóc sơn có hơi khác thần-tích Phù-đổng, nên có sách phân biệt hai đền là khác nhau. Song trong Nhất thống chí thì nói trên Sóc-sơn thờ Phù-đổng-Thiên-vương. Và trên núi này cũng có những chỗ mà người ta gọi là vết chân ngựa đức thánh Gióng. Vậy đền Sóc-sơn có phải là đền thờ đức thánh Gióng hay không ?

∴

Truyện này chỉ là truyện thần-bí. Tiên cho làm bay nhưng lại ghét vì nỗi hoang-đường. Vì cho làm bay nên đem vào chính-sử, vì ghé hoang-đường nên mới bớt nhiều đoạn, sửa nhiều câu. Song bới đi sửa lại mà hoang-đường vẫn không khỏi hoang-đường sự thực vẫn không thành sự thực, thà để nguyên làm truyện cổ-tích còn hơn.

∴

Giặc Ân trong truyện này có ông cho là chính nhà Ân bên Tàu. Vì đời Hùng-vương ta bắt đầu từ đời Đế-Nghi cho đến đời Chu-Noãn-vương Tàu, thì Hùng-vương thứ sáu có lẽ ngang với đời Ân. Trong kinh Dịch lại có câu « Cao-Tôn phạt Quỉ-phương » ; người Tàu gọi ta là Xích-quỉ thì Qui-phương có lẽ là ta. Có ông lại cho là không phải. Vì đất nhà Ân chỉ đến sông Hoàng-hà, còn cách bao nhiêu xứ rợ mọi mới đến ta ; bỗng chốc sang đánh ta sao được ? Song tưởng đã là chuyện cổ-tích thì không có có không còn bàn làm gì. Lấy cớ mất sự thực mà đọc đến truyện qui-thần thì chẳng ra sao cả.

II — Truyện Sơn-tinh Thủy-tinh

Tục truyền rằng khi xưa có một người tên là Nguyễn-Tuấn, sau lại đổi là Nguyễn-Tùng, dòng dõi vua Lạc-long, quê ở động Lăng-sương, huyện Thanh-châu, bộ Tân-hưng (Hưng-hóa). Nhà nghèo, bố côi sớm, đến nương-nhờ thần-nữ núi Tản-viên là Ma-thị. Thường vào rừng kiếm củi, gặp thần-nhân trao cho một cái gậy trúc, và dặn rằng : « Gậy này là gậy tiên, chỏ người ốm người ôm khỏi, chỏ người chết, người chết sống lại Ta cho người để cứu dân độ thế ». Ông Nguyễn-Tùng nhận lấy gậy, từ đấy làm nghề chữa bệnh cứu đời. Một hôm về quê, qua bờ sông, thấy lũ trẻ chăn trâu đánh chết một con rắn. Trông trên đầu con rắn có chữ « Vương », ông biết là con rắn lạ, bèn cầm gậy chỏ vào đầu rắn ; rắn sống lại bò xuống sông đi mất.

Vài hôm sau, bỗng có một người con trai, đem vàng bạc châu báu đến tạ. Người ấy tự xưng là Long-cung Thái-tử, nhân hóa làm rắn lên chơi trên trần, bị lũ trẻ đánh chết, gặp ông cứu sống nay đến tạ ơn.

Ông nhất định không lấy. Long cung Thái-tử bèn cố mời ông xuống chơi thủy tế. Nhờ có sừng linh-tê của Thái-tử đưa ra, ông dùng để rẽ nước xuống chơi hồ Động-đình.

Long-vương trông thấy cả mừng lưu lại khoản đãi ba ngày. Lúc về lại dưa tiễn những của qui và lạ, ông cũng nhất định không lấy. Long-vương mới biếu một quyển sách ước.

Từ khi ông được quyển sách ước ấy đem về, ông dùng để cứu giúp nhân-dân, cầu gì được nấy, thần-thông biến-hóa không có thần-thánh nào bằng. Ông lên ở trên núi Tản-viên, ấy tức là thần Tản - Viên, người ta thường gọi là đức thánh Tản mà trong sách chép là Sơn-Tinh vậy

Khi ấy vào đời Hùng - Vương thứ 18. Vua có người con gái tên là Bạch - Hoa mị - nương, sắc đẹp có tiếng. Vua yêu quí lắm, định kén người nào tài đức kiêm toàn mới gả, bèn dựng lầu kén rể ở bên sông Bạch-hạc. Sơn Tinh nghe tiếng, viết thư cho Thủy - Tinh (tức là Long - Cung Thái - Tử) hẹn nhau cùng đến hội tuyển một ngày.

Hôm ấy vua ngự trên lầu thử tài hai người, thấy đều là bậc kỳ-tài cả. Vua phán rằng : « Trẫm chỉ có một con gái, lẽ nào được hai rểhiền ? ». Bèn hẹn ngày mai ai đem lễ cưới đến trước thì gả.

Thủy-Tinh trở về Động-Đình, còn đi tìm vật lạ, thì Sơn-Tinh ra ngay sau lầu, mở sách ước ra ước, lập tức có ngay mọi đồ châu báu vàng bạc, chim lạ thú kỳ, đem đến dâng vua. Vua y hẹn gả cho , ngay ngày hôm ấy cưới về núi Tản - Viên.

Thủy-Tinh đến sau, lấy làm căm tức, liền thổi gió, nổi mây, đổ mưa, dâng nước, đem các thủy-tộc đuổi theo. Sơn - Tinh chăng lưới sắt chặn ngang sông huyện Từ-liêm. Thủy-Tinh lại đi đường khác từ phủ Lý-nhân, ngược sông Hát (đáy), ra sông Cái, vào sông Đà, đánh úp đằng sau núi Tản - Viên ; lại làm ra nhiều đường sông nhỏ để đem nước vào đánh đằng trước núi. Đi đến đâu xoáy thành vực thành đầm đến đấy để chứa nước rồi dâng lên đánh nhau với Sơn-tinh. Sơn-tinh sai dân bản-thổ đan phên chắn nước, ném lá độc và bắn tên thuốc. Các giống thủy-tộc bị độc chết nổi đầy sông. Thủy-tinh thua kéo về hồ Động-đình. Từ đấy hai thần thù nhau, hàng năm cứ đến tháng bảy tháng tám lại đánh nhau.

Cũng vì cô Bạch-hoa-mị-nương này, Thục-vương cầu hôn không được, lấy làm căm tức, dặn lại con cháu phải diệt nước Văn-lang. Đến khi cháu Thục-vương là Phán đem quân sang

lấn. Vua vời Sơn-tinh đến hỏi. Sơn-tinh nói rằng : « Thục vốn l chi-phái họ Lạc-hùng, chia trị đất Ai-lao, đời đời làm thần phục Nay lại dám ngông cuồng như rứa. Tôi xin được lấy ba vạ quân, hẳn là phá được. Vua cho đi. Sơn-tinh thông suất chi quân, đánh ở Mộc-châu (Hưng-hóa) phá tan quân Thục.

Hai năm sau, quân Thục lại đến. Sơn-tinh lập mưu đánh lừa tướng Thục, lon lối Ái-châu (Thanh hóa), đi gấp hơn 50 dặn đường, đến thẳng kinh đô Thục, chia quân đánh úp, bắt được rất nhiều tướng sĩ đem về.

Vì có công đánh giặc, vua gia phong cho làm Đại-vương, muốn nhườngngôi cho. Nhưng Sơn-linh vốn là thần-tiên, không tưởng ngôi vua ; lại thấy cơ đồ Hùng-vương đã đến đời rốt, vận trời sắp hết, không thể lấy sức kéo lại được, bèn từ tạ về núi Tản-viên, dựng cung-điện ở đó. Chơi xem sơn-thủy, hơn mấy mươi năm trời, sau bỗng cùng Bạch-hoa-mị-nương lên mây biến mất. Nước Văn-lang mới diệt về Thục

III Truyện Chử-đồng-Tử

Chử đồng-Tử là con Chử-cù-Vân, người làng Chử-xá (bây giờ là châu Chử-xá, huyện Văn-giang), nhà nghèo, tính chí hiếu. Tục truyền rằng khi nhà Chử-cù-Vân phải cháy, của cải hết sạch, chỉ còn một cái khố vải, hai cha con thay đổi nhau, ai đi người ấy đóng.

Đến khi Cù-Vân sắp chết, dặn con tảng trần, còn khố để lại cho con. Cù-Vân mất, Chử-đồng-Tử không nỡ để cha chết truồng, lấy khố đóng cho cha rồi mới đem chôn. Từ đó, ngày ngày câu cá bênsông, thấy các thuyền buôn đi qua, lại náu hình xuống nước mà xin ăn.

Khi ấy là đời Hùng-vương thứ ba, vua có người con gái là Tiên-dung-mị-nương, nhan sắc xinh đẹp, mà phát nguyện không lấy chồng, chỉ hay giạo núi sông, xem phong cảnh. Một hôm Tiên-dung chơi thuyền cửa bể, về đến châu Chử-xá, lính tráng đông, thuyền bè nhiều, đàn sáo vang lừng, trông chiêng inh ỏi, cờ quạt nghi-vệ rất oai nghiêm. Chử đồng Tử trông thấy sợ hãi, vội vàng ẩn vào trong đám sậy, cào cát lên nép mình xuống dưới rồi lại phủ cát lên trên. Không ngờ Tiên-dung đến đấy thấy

phong cảnh ưa nhìn, liền đỗ thuyền lên bãi giạo xem; lại bắt quây màn trên bãi cát để tắm. Chợt thấy Chử-đồng-tử, hỏi duyên cớ. Chử-đồng-tử thưa hết chuyện đầu đuôi. Tiên-dung ngẫm nghĩ, cho là duyên giời dun dủi, bèn lấy Chử-đồng-tử làm chồng.

Hùng-vương được tin, cả dận nói rằng: Tiên - Dung không biết tiếc danh giá, đi lấy đứa hèn hạ, còn mặt nào mà trông thấy ta. Tiên-Dung vì thế sợ không dám về, bèn cùng chồng ở bãi Chử - Xá, buôn bán với cư-dân. Nghề buôn một ngày một thịnh, thuyền buôn tấu tập, chẳng mấy lâu mà chốn đó trở nên đô hội.

Nhân một hôm có người khách-thương nhủ đi buôn, Chử-đồng-tử theo ra ngoài bể. Đến núi Quỳnh-Lãng, gặp người sư tên là Phật-Quang, thờ làm thày, ở lại học đạo một năm. Phật-Quang truyền phép cho Đồng-Tử. Lúc về lại cho một cái gậy và một cái nón, dặn rằng : phép linh thông ở đây.

Đồng-Tử về giảng đạo lý cho Tiên-Dung nghe. Tiên-Dung cũng tỉnh ngộ. Hai vợ chồng bèn bỏ nghề buôn cùng nhau đi tìm thày học đạo.

Một hôm đi xa, trời tối đồng không, hàng quán không có, mới chống cái gậy xuống đường, che cái nón lên trên để nghỉ. Bỗng dưng chỗ ấy hiện ra thành quách lâu-đài, kho tàng dinh phủ, lại có Kim-Đồng, Ngọc-Nữ, võ-tướng, văn quan và quân lính chầu chực trong cung, canh gác ngoài thành, nghiễm nhiên thành một nơi kinh-khuyết.

Tiếng đồn đến tai vua, Hùng-vương cho là con gái sắp làm loạn, sai quân đến đánh. Mọi người xin chống lại quân vua. Nhưng Tiên-dung cười nói rằng:

— Việc này không phải ta làm ra, đều là trời xui nên cả. Ta dù sống chết đã có trời, dám đâu chống lại với cha.

Khi quan quân đến nơi, còn đóng ở bãi Tự-nhiên (bây giờ thuộc về Khoái-châu-phủ) cách bên kia sông cái, chưa kịp sang đánh. Nửa đêm hôm ấy bỗng nhưng trời nổi cơn giông, mưa to gió lớn ; trong giây lát, chỗ bà Tiên - dung ở, cả nhà cửa người vật đều bay lên trời ; chỉ còn lại cái đầm mà thôi. Dân cư ở đấy bèn lập đền thờ, và gọi bãi ấy là bãi Tự-nhiên, đầm ấy là đầm Nhất-dạ (một đêm).

Cái đầm nầy về sau vua Triệu-việt-vương chống nhau với quân Lương, đóng quân ở đó, nhân cầu khấn Chử-đồng-tử, được cái móng rồng cắm vào mũ đâu - mâu, đánh được quân Lương, giết được Dương-Sàn. Sau Trần-bá-Tiên sang. Triệu-việt-vương lại lui giữ đầm ấy, ban ngày im hơi lặng tiếng, ban đêm lại chèo thuyền độc-mộc (chắc là cái trải) ra đánh. Quân giặc không sao lường được, vì thế đầm ấy lại gọi là « Dạ-trạch ».

Đền Chử-đồng-tử nay ở làng Đa-hòa, phủ Khoái-châu, Hưng-yên.

IV — Truyện Bánh chưng

vua Hùng-vương thứ sáu đã phá giặc Ân rồi, muốn truyền ngôi cho con, bèn hội 22 ông Quan-lang lại, bảo rằng : « Các con, con nào tìm được trân-cam mĩ-vị để cuối năm tế tiên-vương cho hết đạo hiếu, thì ta truyền ngôi cho».

Các con thi nhau đi tìm của ngon vật lạ. Duy người con thứ 18, tên là Tiết-Liêu vì mẹ mất sớm, không ai giúp đỡ ngày đêm lo lắng, không biết làm thế nào, bỗng nằm mộng thấy thần-nhân đến bảo rằng :

« Vật trong trời đất không gì quí bằng gạo. Gạo là thức ăn sống người. Nên lấy gạo nếp làm bánh, hoặc làm tròn, hoặc làm vuông, để tượng hình trời đất ; lấy lá bọc ngoài, đặt nhân trong ruột để tượng hình cha mẹ sinh thành ».

Ông Tiết-Liêu tỉnh dậy, nghĩ ra, cả mừng nói : « Thần giúp ta rồi ! » Bèn chọn gạo nếp thật tốt, gói làm bánh vuông để tượng hình đất, bỏ chõ chưng chín, gọi là **Bánh chưng** ; lại giã sôi làm bánh tròn để tượng hình trời, gọi là **Bánh dày**.

Đến hẹn, các ông Quan-lang đều đem cỗ đến, sơn-hào, hải-vị không biết bao nhiêu mà kể. Duy ông Tiết-Liêu chỉ có bánh dày và bánh chưng. Vua lấy làm lạ, hỏi. Ô g đem thần mộng tâu vua. Vua nếm bánh thấy ngon, khen ngợi hồi lâu, bèn truyền ngôi cho Tiết-Liêu. Từ đó năm nào đến tết cũng làm bánh chưng cúng tế. Dân gian bắt chước, cho đến ngày nay khắp trong nước đâu đâu cũng làm bánh chưng cúng tết,

Ông Tiết-Liêu lên ngôi rồi, các anh em chia đảng đánh nhau. Ông nào cũng cắm tre gỗ làm trại để thủ hiểm. Vậy nên trong nước có từng sách, từng trại, từng thôn, từng tang, là thủy từ đó.

V —. Truyện trầu cau

Đời Hùng-vương, có một ông Quan-lang, mình cao lớn, nhân vua đặt tên cho là Cao, bèn lấy Cao làm họ.

Sinh hai con trai, con lớn đặt tên là Tân, con thứ là Lang. Hai anh em cùng học phép đạo sĩ là Lưu-Huyền. Huyền có người con gái tên là Liễn gả cho Tân.

Tân từ khi có vợ, thường khi nhạt nhẽo với em. Em lấy làm cảm thẹn, bỏ nhà ra đi, không cho anh biết. Giữa đường, có cái suối rất sâu, không đò, không thể qua được. Em đến đó khóc lóc rất thảm rồi chết, hóa làm một cái cây, mọc ở bên suối.

Anh chạy tìm em, thấy em chết rồi, gieo mình bên cây cũng chết, hóa làm đá bọc quanh cây.

Vợ không thấy chồng về, cũng chạy theo, thấy chồng chết rồi, cũng ôm đá mà chết, hóa làm một thứ cây leo, lá cay mà thơm, quấn khắp cả cây và đá.

Lưu-Huyền lấy làm thương sót, lập đền lên thờ. Người ta cho là anh em kính yêu, vợ chồng tiết-nghĩa, nên nhiều người qua lại thường đem hương hoa đến lễ.

Gặp lúc vua Hùng tuần hạnh, đóng quân trước đền, thấy lạ, hỏi chuyện đầu đuôi, ngậm ngùi hồi lâu. Đoạn sai hái lá, vua tự nhai thử thấy thơm ; nhổ cốt lên hòn đá, thấy đỏ. Bèn đốt đá lấy vôi, hợp với quả cây, lá dây cùng ăn thì vị thơm tho mà môi tươi đỏ. Vua cho là ngon, lấy đem về. Từ đó thành tục nhai trầu.

VI —. Truyện Đưa bấu

Đời Hùng-vương, có người tên là Mai-Tiêm, vốn người ngoại-quốc ; thuyền buôn chở đến, bán làm tôi vua. Vua yêu quí lắm, cho tên là Mai-Yển, hiệu là An-Tiêm lại cho một người vợ lẽ nữa.

An Tiêm được giàu sang, sinh ra kiêu ngạo, thường nói rằng : « Những của này đều là của ta có từ kiếp trước cả.» Vua nghe thấy, cho là phụ ơn, dận nói rằng : « Đã vậy, thì cho ra ở ngoài bể, chỗ không ai đi lại, thử xem còn có của kiếp trước nữa không ? Đoạn, vua đày ra cái bãi cát ngoài cửa bể Nga-sơn, chỉ cho lương đủ 4 tháng, hết lương là chết.

Người vợ thấy vậy khóc lóc. An-Tiêm cười nói rằng : « Trời sinh thì trời dưỡng, sợ gì ? ».

Ở đó ít lâu, bỗng có một con nhạn trắng từ phía tây bay lại, kêu mấy tiếng, và nhả hạt dưa trên mặt đất. Hạt dưa ấy sau nầy lên xanh tốt, khai hoa kết quả. An-Tiêm mừng nói rằng : « cái này chính là của trời đem đến nuôi ta đây.» Bổ ra ăn, vị ngọt mà mát, bèn để hạt lại trồng ; không biết tên dưa là gì, thấy chim mang từ phương tây lại, nên gọi là « tây qua » (dưa phương tây). Sau có nhiều dưa, ăn không hết, đem đổi thóc gạo nuôi vợ con ; lại nhân những thuyền buôn và thuyên đánh cá qua lại đó, An-Tiêm đều mời lên ăn, giống dưa mới truyền khắp mọi nơi. Vì giống dưa tự An-Tiêm truyền ra, nên ai cũng gọi vợ chồng An-Tiêm là « Tây qua phụ mẫu » (ông dưa, bà dưa).

Sau vua nghĩ đến lại nhớ, cho người đến xem còn không. Khi người sai về báo, Hùng-vương than ngợi rằng : Nó nói là của kiếp trước, thực là không sai !. Vua bèn triệu về, lại cho quan chức như cũ, nhân đặt tên bãi cát ấy là bãi An-Tiêm, thôn ấy là Mai thôn. (Bây giờ thuộc huyện Nga-sơn, Thanh-hóa).

PHỤ-LỤC

Truyện Việt-thường

Truyện họ Việt-thường sang triều nhà Chu, dâng con Bạch-trĩ. Có sách chép thêm một đoạn rằng :

« Ông Chu-công hỏi sứ-giả :

— Người Giao-chỉ, vắn tóc, vẽ mình, đầu trần, chân không, răng đen là tại làm sao ?

Sứ-giả đáp :

— Vắn tóc cho tiện vào rừng, vẽ mình để tránh thuồng-luồng, chân không cho tiện trèo cây, đầu trần cho đỡ nóng bức, nhai trầu để trừ ô-uế nên răng đen ».

THUỘC THỤC

(257-207 Tr. T. L.)

Thục này không phải là nước Thục bên Tàu. Sử cũ chép Thục-vương-Phán, họ Thục tên Phán, người Ba-thục. Đã Thục-vương, lại họ Thục, lại người Ba-thục, thực là lẩn quẩn không thông. Việt-sử-khâm-định bác đi. Nhưng lại nói rằng đất Thục ở Tứ-xuyên cách Văn-lang 2, 3 nghìn dặm, lẽ nào vượt qua được những rợ Kiên-vi, Cùng-tạc, Rạ-lang (1) v. v. mà sang kiêm tính nước Văn-lang, như thế cũng hơi câu nệ quá. Nọa sông không hạn chế được Anh-hùng; xưa nay những người vượt trùng-dương đi chiếm đất ngoại-quốc cũng nhiều, phương chi đất Tứ-xuyên với ta, xa cách chưa bao, mà những dân ở đất Vân-nam kia chẳng qua là những bộ-lạc rợ mọi, lấy gì làm ngăn trở cho lắm. Chỉ có một điều rằng: Tra trong sử Tàu: nước Ba-Thục đã bị diệt về Tần từ năm Ất-tị (316 Tr. T. L.) rồi, thì bấy giờ (257 Tr. T. L.) còn đâu là vua nữa mà sang đánh Văn-lang? Ấy là chứng cớ chắc chắn rằng Thục này không phải là Ba-Thục vậy.

Xem truyện Sơn-tinh, Thủy-tinh trong Lĩnh-nam-chích-quái thì Thục này vốn là dòng dõi Lạc-hùng, đời đời trị đất Ai-lao, mà làm phiên-thần của Văn-lang. Song truyện chích-quái không thể tin được. Vậy thì dòng dõi họ Thục không thể nào biết cho đích xác. Trong Việt-sử-khâm-định cũng chỉ đoán phỏng là một họ Thục nào ở phía Tây-bắc giáp giới nước Văn-lang mà thôi.

Dòng dõi họ Thục đã không biết đích xác, thì vua nhà Thục cũng nên coi là vua ngoại-quốc vào chiếm nước. Vì vậy đời này chép là đời « Thuộc Thục ».

Nước Âu lạc và Loa-thành

Năm Giáp-thìn (257 Tr. T. L.) Thục-Phán đã cướp nước Văn-lang rồi, tự xưng là An-dương-vương, đổi quốc-hiệu là Âu-lạc, đóng đô ở Phong-khê (nay thuộc huyện Đông-anh, tỉnh Phúc-an).

---

1) Mấy tên này là tên các rợ mọi. Nay thuộc đất Vân-nam.

Đến năm Bính-ngọ (255 Tr. T. L.), An-dương-vương xây Loa-thành ở Phong-khê Thành rộng hơn nghìn trượng, quanh co như hình trôn ốc nên gọi là Loa-thành, lại có tên nữa là Tu-long-thành. Thành xây cao lắm nên người nhà Đường lại gọi là Côn-lôn-thành. Hiện nay còn có dấu tích ở làng Cổ-loa, huyện Đông-anh, tỉnh Phúc an.

Tần đánh Lĩnh-Nam

Khi ấy ở bên Tàu, Tần Thủy-hoàng đã thống nhất thiên-hạ, nghe tiếng đất Bách-việt có nhiều châu báu, muốn đánh lấy làm quận-huyện. Năm Đinh-hợi (214 Tr. T. L,) tức là năm thứ 44 An dương-vương và là năm thứ 33 Thủy-hoàng, Tần sai Đồ-Thư làm hiệu-úy, Sử-Lộc vận lương, đem những kẻ có tội, những trai nhà nghèo phải đi gửi rể, những lái buôn khắp các nơi để làm lính sang đánh Lĩnh-nam. (Tiếng chung từ Hồ-nam giở về nam). Lấy đất Lục-lương (1) đặt ra ba quận, gọi là Quế-lâm (2) Nam-hải (3) và Tượng-quận. (4)

---

1) Sách Tàu chua rằng người Lĩnh-nam hay ở Sơn-lục và tính cương-lương, nên gọi là Lục-lương.

2, 3, 4.) - Theo sách Lĩnh-ngoại-đại-đáp của Chu Khứ-Phi thì Quế-lâm là Quảng-tây, Nam-hải là Quảng-đông, Tượng quận tức là đất nước ta. Song nếu Tượng-quận thật là đất ta thì An-dương-vương đã bị diệt từ năm Đinh-hợi (214 Tr. T. L.) rồi, sao lại đến năm Qui-tị (208 Tr. T. L.) mới diệt về Triệu ? Nói rằng dân Việt khởi lên diệt Đồ-Thư ngay. Song dân Việt đây chưa chắc là dân Việt ta hay dân Việt ở Quảng đông Quảng-tây bên Tàu. Nay khảo trong địa-dư Tàu thì tỉnh Quảng đông có huyện Nam-hải, tỉnh Quảng-tây có huyện Quế lâm và huyện Tượng. Như vậy thì Quế lâm, Nam-hải và Tượng-quận đời Tần có lẽ ở cả vào đất Quảng-đông Quảng-tây bên Tàu cũng nên. Chu khứ Phi là người đời Tống, cách đời Tần xa quá ; những sách khảo cứu cũng không được tường như địa-dư bây giờ ; Chữ Bách-Việt người Tàu lại thường dùng để gọi chung cả miền đất từ Chiết giang trở sang đến ta, thường vì thế mà trỏ lầm Tượng-quận sang ta, rồi những nhà chép Việt sử ta— cả Khâm-định nữa —cứ theo như thế cũng chưa biết chừng.

Cũng vì ý nghĩa ngờ này, có người nói nước ta ngày trước bắc giáp Động-đình là thật, đến đời Thục -- vương này mới mất phần đất từ Quảng-đông, Quảng tây trở đi. Song cũng chưa dám chắc, lưu lại để đợi các nhà khảo-cứu về sau.

Người Việt không chịu làm dâu nhà Tần, trốn vào rừng ở, ngầm đặt người mạnh giỏi lên làm tướng, nhân khi quân Tần trễ nải, khởi lên đánh giết Đồ-Thư.

Chuyến quân Tần đánh Bách-Việt này có một việc nên tham khảo, là việc Sử-Lộc xây cừ nối để vận lương. Sách Lĩnh-ngoại-di-thư của Âu đại-Nhâm chép rằng :

Sử-Lộc, gốc tích là người Việt. Lúc Tần sai Đồ-Thư đem 5 quân (mỗi quân là 12 500 người) đánh Bách-Việt, dùng Lộc vận lương. Lộc tính đường chở lương đi vòng ra bể thì xa, bèn sếp đá làm cừ, đắp đập sông Tương cho nước ngược vào cừ, chầy khích 60 dặm, đặt 36 cửa ngăn (đầu môn), hễ thuyền vào một cửa thì đóng một cửa, cho nước chứa lại mà tiến dần vi thế có thể trèo sườn núi mà lên, giốc ngược mà xuống, vừa tiện thuyên bè, vừa lợi việc làm ruộng, gọi là **Linh-cừ**.

Theo sách Thái-bình-hoàn-vũ-ký thì cái cừ này ở cách phía nam huyện Hưng-an (Quảng-tây) 20 dặm, bắt đầu từ huyện Linh lăng đến huyện Quế-lâm (đều là đất Quảng-tây).

Nhâm Ngao, Triệu Đà lấn Âu lạc

Nhà Tần đã lấy đất Bách-Việt rồi, cho Nhâm-Ngao làm quan úy quận Nam-hải, Triệu Đà làm quan lệnh huyện Long-xuyên (Quảng-đông), đem 50 vạn dân đi thú Ngũ-lĩnh (1). Hai người bèn mưu kiêm-tính miền nam. Bốn năm sau là năm Tân-mão (210 Tr. T. L.) Tần Thủy-hoàng chết. Nhâm-Ngao bảo Triệu-Đà rằng : « Tần sắp mất rồi. Dùng kế mà phá Thục, có thể lập một nước tự chủ ». Hai người bèn đem quân sang cướp Âu-lạc. Triệu-Đà đóng quân ở núi Tiên-du (2), đánh nhau với Thục-

---

1.) Đã chua ở đời Hùng-vương trang số 11.

2.) Sách An nam-chí của Cao-hùng-Trưng chép rằng : Tiên-du sơn lại có tên là Lạn-kha-sơn ở huyện Tiên-du (Bắc-ninh). Trên núi có đá bàn cờ. Tương truyền rằng khi xưa có người tiều-phu đứng xem hai người tiên đánh cờ mà cán búa cầm trong tay đã mục nát bao giờ không biết (Nghĩa là đã trải mấy đời người rồi). Vì thế gọi là núi Lạn-kha (nát cán búa).

Bây giờ là núi Phật tích

vương. Thục-vương đem nỏ ra bắn; Đà thua chạy. Khi ấy Nhâm-Ngao đem quân thủy đóng dưới sông, nhân mắc bệnh cũng phải rút về.

Đà thấy Thục-vương thế mạnh, không thể địch được, bèn lui giữ Võ-ninh-sơn (1), sai sứ giảng hòa. Thục-vương mừng, bèn chia đất từ sông Bình-giang (tức là sông Thiên-đức) trở về bắc phần Đà, trở về nam phần Thục. Đà sai con là Trọng-Thủy sang làm tin, nhân lại cầu hôn. Thục-vương gả con gái là Mị-châu cho Trọng-Thủy. Trọng-Thủy đánh lừa Mị-châu dò được quân cơ, giả cách thăm cha, về mách Triệu-Đà, Đà mới quyết ý đánh Thục.

Họ Thục mất nước

Lúc Nhâm-Ngao bệnh sắp chết, bảo Triệu-Đà rằng: « Nhà Tần vô-đạo, thiên-hạ đều lấy làm khổ. Nghe tin lũ Trần-Thắng khởi loạn, lòng người bồi rồi chưa biết theo bên nào. Đất này xa xôi hẻo lánh, ta e quân giặc thừa cơ quấy rối, vậy muốn nổi quân, dứt đường sạn-đạo, phòng bị lấy mình, chờ xem chư-hầu xoay trở ra sao. Vả đất Phiên-ngu (Quảng-đông) núi sông hiểm trở, mặt đông mặt tây đều rộng mấy nghìn dặm, lại có người Trung-quốc giúp cho, có thể lập riêng một nước được đó. Các trưởng-lại trong quận này không ai đủ nói chuyện được, nên chỉ bảo riêng một ông dấy thôi.» Đoạn làm tờ để lại cất Đà làm Nam-hải-úy thay mình.

Ngao chết rồi, Đà lên thay, lập tức truyền hịch đi các châu huyện Hoành-phố, Dương-sơn và Hoàng-cốc-quan rằng: Quân giặc sắp đến, phải kíp tuyệt đường sạn-đạo, họp quân phòng thủ. Hịch đến các châu huyện đều ứng theo. Đà nhân lấy pháp-luật giết dần những quan lại nhà Tần, đem người thân-đảng của mình ra thay. Quyền chính đã về hết tay Đà, Đà bèn phát quân sang đánh Âu-lạc.

An-dương vương không phòng bị trước, thấy tin giặc đến còn

1.) Tức là Trâu-sơn, ở huyện Tiên-du, Phù-đổng-Thiên-vương đánh giặc Ân ở đấy. Sách An-nam-chí của Cao-hùng-rưng chép rằng: Võ-ninh-sơn ở Võ-ninh-châu, trên đỉnh có ngọn núi Tinh-Thủy. Trong núi có con rắn đá, gọi là Ngọc-kinh. — Trong sách Lĩnh-nam-chính-quái của ta thì giống này gọi là Việt-tinh.

đánh cờ cười nói rỉnh rang. Khi quân Đà đến gần, An-dương-vương xoay trở không kịp, đánh thua, lên ngựa chạy về phía nam ; đến bể cùng đường bèn nhảy xuống bể. (1) Đó là việc năm Qui-tị (207 Tr. T. L. An-dương-vương năm thứ 50 vậy.

Đời Thuộc - Thục bắt đầu từ năm Giáp-thìn (257 Tr. T. L.) đến năm Qui-tị (207 Tr. T. L.) cộng là 50 năm.

Truyện nỏ thần

Sử cũ chép truyện nỏ thần đầu cuối như sau này :

Khi An-dương vương xây Loa-thành, xây rồi lại lở, mấy lần không xong. An-dương-vương lấy làm lo, bèn lập đàn cầu khấn trời đất thần kỳ, toan hưng công xây lại. Bỗng có một thần-nhân đến cửa thành trỏ thành mà cười rằng : « Thành đắp đến đời nào xong?» — An-dương-vương lấy làm lạ, mời vào hỏi. Thần-nhân trả lời rằng : « Nhà vua hãy chờ Thanh-giang sứ-giả đến sẽ biết », rồi từ tạ ra về.

Sáng sớm hôm sau, An-dương-vương ra cửa thành, thấy con rùa vàng ngoi trên mặt sông, từ phía đông lại. Con rùa này biết nói tiếng người, tự xưng là Thanh-giang-sứ-giả. An-dương-vương mừng lắm, lấy mâm vàng đựng lấy đem về để trên điện, hỏi vì đâu mà thành lở. Rùa nói rằng :

— Đấy là linh hồn con vua đời trước, muốn báo thù xưa, thường ẩn núp ở núi Thất diệu (2), hợp với tinh con bạch-hạc đã nghìn năm và một con ma là hồn người nhạc-công ngày trước chết chôn ở núi ấy ; bên núi có một nhà hàng, chủ hàng tên là Ngộ-không, có một người con gái và một con gà trắng, ấy chính là dư-khí của giống tinh kia ; hành khách qua lại ngủ đỗ ở hàng này đều bị ma làm chết ; chúng quỉ tụ họp thành đàn nên mới có sức mà làm đổ thành. Nếu giết con gà trắng, trừ tinh-khí kia đi thì thành xây khắc được.

1.) Nay ở trên núi Mộ-dạ về xã Hương-ái, huyện Đông-thành, tỉnh Nghệ an có đền thờ An-dương-vương. Ở núi này có nhiều chim công nên gọi là đền Công. Tương truyền rằng đây là chỗ An-dương-vương nhảy xuống bể.

2.) Núi Thất-diệu ở huyện Yên-phong, tỉnh Bắc-ninh.

An-dương-vương đem rùa đến nhà hàng, giả làm khách đến trọ. Chủ hàng ra khước, nói rằng « Ở hàng này có ma. Ngài là bực quí nhân, nên đi ngay, chớ ở đây mà khốn». — An-dương-vương cười rằng: « Sống chết có trời; ma làm gì nổi? », bèn ngủ trọ ở đó.

Đêm hôm ấy, quỉ đến gọi cửa; rùa vàng ở trong quát mắng; quỉ phun lửa làm đủ trò dọa nạt cũng không được vào. Đến gà gáy, chúng quỉ chạy cả, Rùa mời An-dương-vương đuổi theo, đến núi Thất-diệu thấy chúng quỉ biến mất, rồi mới trở về. Sáng ngày ra, chủ quán chắc là khách chết rồi, gọi người nhà đến chôn, thấy khách còn ngồi nói chuyện, liền xụp xuống lạy, nói rằng: « Ngài như thế chắc là bậc phi-thường. Ngài có phép thiêng xin cứu sinh-linh với? » — An-dương vương liền bảo giết con gà trắng để cúng. Gà chết, người con gái nhà chủ cũng chết. Đoạn, An dương-vương sai người đào núi, lấy được những đồ nhạc khí cổ và xương người đem đốt và tung ra sông. Từ đó, yêu-khí mới tuyệt; thành đắp không đầy nửa tháng là xong.

Khi rùa vàng từ biệt ra về, An-dương-vương cảm tạ và hỏi kế giữ nước. Rùa vàng bèn trút một cái móng chân đưa cho An-dương vương và nói rằng: « Quốc gia yên, nguy, do ở số trời nhưng người cũng phải phòng bị. Nếu thấy giặc đến, dùng móng này làm lẫy nỏ mà bắn».

An-dương-vương sai Cao-Lỗ (1) làm một cái nỏ, lấy móng rùa làm lẫy, gọi là «**Linh-quang-kim-trảo-thần-nỗ**».

Khi Triệu-Đà sang đánh lần trước, trận đánh ở núi Tiên du, An dương vương đem nỏ thần ra bắn bắn một phát chết một vạn người, ba phát chết ba vạn người. Triệu-Đà biết không địch nổi, mới lui về đóng núi Vũ-ninh và sai sứ xin hòa.

An-dương vương đã chia đất giảng-hòa với Triệu-Đà rồi, lại nhận nhời Triệu Đà cầu hôn mà gả con gái là Mị-châu cho con giai Triệu-Đà là Trọng-Thủy (2).

Trọng-Thủy đã lấy được Mị-châu rồi, dỗ dành vợ cho xem trộm nỏ thần, lừa hủy móng rùa đi, thay lẫy khác vào, rồi giả

1.) Sách Thái-bình-hoan-vũ-ký của Tàu chép là Cao-Thông

2.) Sách Thái-bình-hoan-vũ-ký chép rằng: An-dương-vương đãi Cao-Thông không ra gì. Cao-Thông bỏ đi.

tảng xin về thăm cha, để báo tin cho Triệu-Đà biết. Khi sắp ra về, Trọng-Thủy bảo Mị-châu rằng:«Tình vợ chồng không nỡ quên mà ơn cha con cũng không thể dứt. Nay tôi về thăm nhà, nếu muôn một hai nước thất hòa, đôi ta cách trở, tôi làm thế nào tìm thấy nhau đây ? » — Mị-châu nói rằng :«Thiếp có cái mền lông ngỗng, thường khoác luôn mình, hễ thiếp có phải đi đâu, thiếp sẽ lấy lông ấy rắc ra chỗ ngã ba đường về lối thiếp đễ, chàng cứ trông đấy mà tìm.»

Trọng-Thủy về kể với Triệu Đà, Đà liền khởi binh sang đánh Âu-lạc. An-dương-vương không biết lấy nỏ đã mất rồi, ghe tin giặc đến, còn đánh cờ rửng rưng, cười rằng : « Đà không sợ nỏ thần ta à ? ». Quân Đà đến chân thành, An-dương-vương mới rở đến nỏ, thì nỏ đã hỏng rồi ; quân thua. An-dương-vương mới đem Mị-châu lên ngựa mà chạy về phía nam. Chạy đến núi Mộ-rạ, gần bờ bể, cùng đường, thuyền không có liền kêu rùa vàng đến cứu. Rùa lên quát rằng « Giặc ngồi sau lưng ! giết đi !»—An-dương-vương tuốt gươm chém Mị-châu. Mị-châu ngửa mặt khấn trời rằng « Thiếp là thân con gái, nếu có lòng bạn nghịch, thì chết đi xin hóa làm bụi nhơ; bằng thiếp một niềm ngay thật, bị người ta đánh lừa, thì xin hóa làm châu ngọc để rửa hồ này ». An dương-vương chém Mị-châu rồi, cầm sừng văn-tê (1) bảy tấc, theo rùa, rẽ nước vào bể.

Trọng-Thủy theo dấu lông ngỗng đem quân đuổi đến núi Mộ-rạ, thấy xác vợ chết nằm đó, ôm lấy khóc rất thảm, rồi đem về táng ở Loa thành. Lúc đem về đến nơi, xác Mị-châu đã hóa làm ngọc-thạch. Trọng-Thủy thương nhớ Mị-châu, mỗi khi qua chốn lầu trang, lòng đau như cắt, bèn nhảy xuống giếng tự tử.

Nay ở Cổ loa trước đền thờ An-dương-vương có cái giếng, tương truyền rằng Trọng-Thủy chết ở giếng ấy.

Tục lại truyền rằng khi Mị-châu chết, máu chảy xuống bể,

1.) Sừng tê có vằn trắng, lại gọi là thông-thiên-tê. Sách Bão-phác-tử nói rằng : được cái sừng tê này mà khắc hình con cá, ngậm vào miệng thì xuống nước, nước phải rẽ ra Lại có sách nói rằng đốt lên mà soi thì trông thấy cả qui thần (truyện Ôn-Kiều).

những con trai ăn phải, hóa ra có ngọc trân-châu (một trai . Về sau hễ ai được ngọc trai ở bể đông, đem về lấy nước giếng ở Loa-Thành mà rửa thì ngọc càng sáng đẹp thêm lên.

PHỤ-LỤC.— Trong sách Thục-vương-bản-kỷ của Dương-Hùng bên Tàu chép rằng : « Người Trương-Nghi đắp thành cho nước Thục, theo lối chân rùa mà đắp ». Thục này là Thục bên Tàu hoặc giả người xưa nhân truyện này, nhận lầm Thục nọ ra Thục kia, rồi bịa ra truyện hoang đường này chăng ?

Sách Bác-vật-chí chép rằng : « An-dương-vương có thần-nhân tên là Cao-Thông làm nỏ cho An-dương-vương, bắn một phát chết 200 người ». Vậy thì nỏ này là nỏ thần hay là nỏ tên thuốc của dân Mán trên thượng du ?

Truyện Lý-ông Trọng

Về đời thuộc-Thục này, nước ta có một người tên là Lý-ông Trọng,(1) người huyện Từ-Liêm (bây giờ thuộc hạt Hà-Đông), mình cao 2 trượng 3 thước, khí-chất đoan-trọng khác thường. Lúc trẻ tuổi làm huyện-lại, bị quan đốc-bưu đánh đòn, than rằng: « Làm đời người lại chịu hèn đến thế ư ? » Bèn sang Tàu theo học rồi làm quan nhà Tần. Thủy-hoàng cho làm quan Tư-lệ hiệu-úy, đem quân giữ đất Lâm-Thao (2). nước Hung-Nô (3) phải sợ tiếng. Sau già về làng rồi mất. Thủy Hoàng lấy làm lạ, đúc đồng làm tượng đặt ở ngoài cửa Tư-mã cung Hàm-Dương (4). Trong bụng tượng có thể dung được vài-mươi người. Hung-nô tưởng là quan Hiệu-úy còn sống, không dám sâm phạm đất nhà Tần.

1.)— Truyện này trong sách Tàu như An-nam-chí, Đại-thanh nhất-thống-chí, Quảng-dư-ký đều có chép,. Nhưng Nhất thống-chí và Quảng-dư ký lại chép là Nguyễn-ông-Trọng. Bởi vì những sách này theo sách An-nam-chí-lược. Sách An-nam-chí lược là của người nước ta về đời Trần làm ra; mà đời nhà Trần thì bao nhiêu họ Lý đều đổi là họ Nguyễn cả. dân gian cũng thế, lịch sử cũng vậy. Nói là kiêng tên ông Trần-Lý là thân sinh ra ông Trần Thái-tôn, nhưng thực thì có ý làm cho dân quên nhà Lý đi vậy.

2.)— Nay là phủ Lâm-thao tỉnh Thiềm tây.

3.) — Là một nước ở phía bắc nước Tàu.

4.) Kinh đô nhà Tần, nay là đất Thiềm-tây.

Sau đến đời Thuộc Đường, Triệu-Xương sang làm Đô-hộ, đêm thường mộng thấy Ông-Trọng giảng nghĩa Xuân-Thu Tả truyện cho nghe (chả biết có thật hay mượn thần thánh để lòa người) nhân hỏi đền chốn nhà cũ lập đền lên thờ.

Đến nay sau Cao Biền lại sửa lại, và tạc thêm tượng, gọi là đền Lý-hiệu-úy Nay là đền Trèm ở làng Thụy-hương, huyện Từ-liêm tỉnh Hà-đông.

THUỘC TRIỆU

(207 — 111 Tr. T. L.)

Triệu-Đà vốn người ở huyện Chân-định nước Tàu, làm quan lệnh huyện Long-xuyên nhà Tần ; sau nối chân Nhâm-Ngao làm quan úy quận Nam-hải, đánh lấy đất Âu lạc, lập riêng một nước, truyền ngôi 5 đời, cả thảy được 96 năm, kể cũng là một triều vua vậy. Song đối với dân ta không có chính-sách gì hay, mà đối với nước Tàu thì xưng đế được mấy năm rồi lại xưng thần, vì thế Việt-sử-khâm-định không chép làm đời chính-thống.

Nước Nam-Việt. — Triệu-Đà xưng Vương

Năm Quí-tị (207 Tr. T. L.), Triệu-Đà đã kiêm-tính nước Âu-lạc rồi, bèn tự lập làm vương, tức là Vũ-vương, đặt tên nước là Nam-Việt, đóng đô ở Phiên ngu (nay là tỉnh thành Quảng-đông). Cách mười năm sau, là năm Quí mão (197 Tr. T. L.), Triệu sai hai quan sứ sang cai trị quận Giao-chỉ(1) và quận Cửu-chân (2).

Triệu-Vũ-vương thụ phong nhà Hán

Triệu-Đà tự xưng làm Nam-Việt-vương được một năm thì ở bên Tàu Lưu-Bang cũng diệt được Tần và Sở, dựng co

---

1, 2.)— Trong Việt-sử-khâm-định chua : Quận Giao-chỉ gồm cả bộ Giao-chỉ, bộ Chu-diên, bộ Phúc-lộc, bộ Vũ-ninh, bộ Ninh-hải, bộ Dương-tuyền, bộ Lục-hải, bộ Vũ-định, bộ Tân-hưng đời vua Hùng khi trước và là đất Bắc-kỳ bây giờ ; Triệu đặt làm quận và chia làm 10 huyện.

Quận Cửu-chân gồm cả ba bộ Cửu-chân, Hoài-hoan và Việt-thường của vua Hùng, mà bây giờ là đất Thanh-hóa, Nghệ-an, Quảng-bình, Quảng-trị và Thừa-thiên. Triệu đặt làm quận mà chia làm 12 huyện. Đến đời Hán Vũ-đế lấy 5 huyện ra đặt quận Nhật-nam, còn 7 huyện để nguyên tên là quận Cửu-chân. Đến đời Lương đổi làm Ái-châu.

Theo như lời chua này thì quận Giao-chỉ và quận Cửu-chân đời Triệu này khác bộ Giao-chỉ và bộ Cửu-chân đời vua Hùng nhiều. Xem thế mới biết 15 bộ đời Hùng-vương thực là đáng ngờ lắm.

nghiệp nhà Hán (tức là Hán-Cao-đế). Sau đó 11 năm là năm Ất-tị (196 Tr. T. L.) Lưu-bang đã dẹp yên thiên-hạ, nghe tin Triệu-Đà tự lập ở đất Việt, bèn sai Lục-Giả sang phong cho Triệu-Đà làm Nam-việt-vương (1).

Lục-Giả đến nơi, vào yết kiến Triệu-vương. Triệu-vương ngồi chồm chệ mà tiếp kiến, không chịu đứng dậy. Lục-Giả thấy vậy nói rằng : « Vương vốn là người Tàu, thân thích mồ mả đều ở Chân-định ; nay lại quật cường ở đây, toan kháng-hành với Hán, làm một địch-quốc, há chẳng lầm lắm ru? Vả nhà Tần thất chính, hào-kiệt nổi lên đùng đùng ; thế mà Hán-đế chỉ trong 5 năm, phá được Tần, diệt được Sở, bình định được thiên-hạ, đó là Trời cho, không phải sức người làm được. Nghe tin Vương tự lập ở đây, lại không giúp thiên-tử cùng giết kẻ bạo nghịch, các quan văn vũ đều muốn dời quân sang nam nhưng Hán thiên-tử thương dân vừa lao khổ rồi, nên bãi đi và sai sứ mang ấn tín sang phong cho Vương. Đáng lý Vương nên ra ngoài thành đón rước, lạy mà yết kiến, trông về bắc xưng làm thần mới phải. Nay lại muốn lây nước Việt tân tạo chưa thành này mà khinh nhờn sứ-giả của Thiên-tử. Hán mà nghe thấy, đào mồ mả nhà Vương, giết họ hàng nhà Vương, nổi quân tới Việt, thì Vương làm thế nào ?».

Triệu-vương nghe nói, vùng dậy nói rằng : « Ở đây lâu ngày, thành ra lỗi cả lễ nghĩa ! ». Nhân hỏi Giả rằng : « Ta với Tiêu-Hà (2) Tào-Tham (3) ai hơn ? » — Giả nói : « Vương muốn như

1.)— Nên biết chữ « Vương » với chữ « Hoàng », chữ « Đế » khác nhau. Nguyên nước Tàu khi xưa, đời Tam-hoàng thì vua xưng là « Hoàng » ; kế đó đến đời Ngũ-đế thì vua xưng là « Đế » ; sau đến đời Tam-vương thì vua xưng là « Vương ». Nhà Tần nối đời Tam-vương, tự lấy mình làm « đức kiêm Tam-hoàng, công quán Ngũ-đế », nên tự xưng là « Hoàng-đế » mà chữ « Vương » để phong làm đầu các chư-hầu trước. Từ nhà Tần giở về sau, đời nào làm vua cũng theo cái lệ ấy ; cả nước ta cũng thế. Đây nhà Hán phong Triệu-vương làm Nam-việt vương thế là coi Nam-Việt là một chư-hầu mà Triệu-Đà là bày tôi của nhà Hán vậy. Triệu-Đà lúc này còn tự xưng là « Vương » cũng có ý chưa dám kháng hành với nhà Hán. Sau xưng đế mới thực là lập riêng một nước vậy. Bởi thế trong sách này có nhiều chữ « Vương » chỉ dịch là « Vương » không dịch là « nhà vua ».

2. 3.)— Là hai quan đại-thần nhà Hán.

hơn.» — Lại hỏi : « Ta với Hán hoàng-đế ai hơn ? ». — Giả nói : « Hoàng đế nối nghiệp Ngũ đế. Tam-vương, thống-trị Trung-quốc. Trung-quốc bây giờ người hàng ức vạn, đất vuông vạn dặm, vật thịnh người giầu, quyền chính ở một nhà, thực là từ khi có trời đất đến giờ chưa bao giờ từng có như thế. Nay vương có quân chẳng qua 10 vạn, ở rải rác khoảng đất trên rừng dưới bể này, ví cũng như một quận của nhà Hán, sao lại ví với Hán-đế?» — Triệu-vương cười rằng : «Ta tiếc không khởi nghiệp ở Tàu, nên làm vương đất này, sao đã không bằng Hán-đế ? » — Giả nín lặng có ráng chùn. — Đoạn, Tiệu-vương lưu Giả ở lại mấy tháng, và nói rằng : « Ở đây không ai đủ nói chuyện, có tiên-sinh đến, cho ta được nghe những điều chưa từng nghe.» Lại cho Giả đồ châu báu bỏ túi giá đáng nghìn vàng. Lúc Giả về lại cho nghìn vàng.

Triệu-vũ vương xưng đế

Năm mậu-ngọ (183 Tr. T. L.) là năm thứ 25 Triệu-vũ-vương, ở bên Tàu Lưu-Bang mất rồi, con là Lưu-Doanh (Huệ-đế) lên ngôi được 7 năm cũng mất rồi, Lã-Trĩ (Lã-hậu) là vợ Lưu-Bang lâm-triều đã được 4 năm, Lã-hậu bỗng hạ lệnh cấm dân Tàu không được buôn bán đồ sắt và các đồ làm ruộng với dân Nam-việt. Triệu-vương thấy vậy tức dận, bèn tự lập làm Nam-việt Hoàng đế, nói đổ tội cho Tràng-sa-vương là dèm pha nên chuyện, hòng cậy uy Hán kiêm tính Nam-Việt làm đất mình, và cử binh đánh Tràng-sa (tỉnh Hồ-nam bây giờ), lấy mấy quận rồi lại rút về.

Cách một năm sau là năm Canh-thân (181 Tr. T. L.), Hán sai Lâm-lư-hầu là Chu-Táo đem quân sang đánh Nam-việt, báo thù trận Tràng-sa. Nhưng gặp mùa thấp-nhiệt, quân Tàu bị bệnh dịch chết nhiều, đánh không được đành phải rút về. Từ đó Triệu-vương thanh-thế lừng lẫy, lấy binh uy, tài-vật mà chiêu phủ nước Mân-việt (Phúc kiến), nước Tây Âu (Chiết-giang) đều làm dịch-thuộc cho mình, có đất hơn một vạn dặm, đi xe hoàng-ốc (1) kéo cờ tả-đạo,(2) nghi-vệ Thiên-tử, y như vua Hán vậy.

1.) — Xe lót lụa vàng bên trong.

2.)— Cờ làm bằng lông ly-ngưu cắm ở bên tả xe hoàng-ốc.

Triệu-Vũ-vương thần phục nhà Hán

Hai năm sau, Lã-hậu chết, Lưu-Hăng là con thứ Lưu Bang lên làm vua Hán, (tức là Hán Văn-đế), đặt người thủ ấp ở Chân-định, để trông coi phần mộ họ Triệu và cúng tế giỗ tết, vời anh em Triệu vương cho làm quan, thưởng tứ rất hậu rồi hỏi Tể-tướng là Trần-Bình cử lấy người sang sứ Nam-việt. Bình lại cử Lục-Giả. Văn-đế cho Lục-Giả làm Thái-trung-đại-phu và một quan yết giả làm phó, sai mang thư sang Triệu-vương. Thư rằng :

« Kính thăm Nam-việt-vương, rất lao tâm khổ ý. Trẫm là con « trắc-thất đức Cao-hoàng-đế, phải bỏ ra ngoài, phụng mạng cai trị « bắc-phiên là đất Đại, vì đường sá xa xôi, thẹn mình ngu-phác, « nên trước nay chưa từng viết thư đến thăm vương.

« Từ khi đức Cao-hoàng-đế bỏ quần-thần, đức Hiếu-huệ-« hoàng-đế qua đời, bà Cao-hậu tự coi chính-sự, chẳng may có « bệnh, các họ Lã mới chuyên-quyền làm loạn, tự biết không « chuyên chế được, mới đem con họ khác nối ngôi đức Huệ-đế. « May nhờ uy-linh của Tôn-miếu, mưu-sức của công-thần, đã » trị được hết kẻ loạn-thần.

« Trẫm vì các vương, hầu, quan lại không tha, không lên ngôi không được. Mới rồi trẫm nghe vương có đưa thư cho Lâm-« lư-hầu, tìm anh em thân và xin bãi hai tướng ở Tràng sa. Vì « thư của vương, trẫm đã bãi tướng-quân là Bác-dương-hầu. « Còn anh em vương ở Chân-định, Trẫm đã sai người thăm « nom và bắt sửa sang phần mộ tiên-nhân tử tế.

« Trước đây, trẫm nghe tin vương đem quân cướp phá ngoài « biên mãi mãi không thôi, dân Tràng-sa rất khổ, Nam quận lại « càng quá. Như thế, cho đến nước của vương nữa, liệu có được « lợi riêng chăng ? Tất là chết nhiều quân sĩ, hại nhiều tướng « lại, làm cho vợ người ta phải góa, con người ta phải côi, cha mẹ « người ta mất con; được một mất mười, trẫm không nỡ làm thế. « Trẫm muốn định lại những chỗ cương giới khuất khúc không « được thẳng-thắn, đem hỏi các quan. Các quan nói rằng : đất

« Tràng-sa giới hạn với đất Vương, đức Cao-hoàng-đế đã « định từ trước trẫm không được thiện tiện thay đổi.

Nay trẫm được đất của Vương không đủ lấy làm to, được « của của Vương không đủ lấy làm giầu. Vậy ừ Ngũ lĩnh trở « về Nam, mặc Vương tự trị lấy. Tuy nhiên, Vương xưng hiệu « là đế, hai bên cùng là đế mà không có một người sứ đi « lại giao thông, thế là ganh nhau. Ganh mà không nhường, « nhân giả không thèm làm.

« Trẫm nay muốn cùng Vương đều bỏ sự không hay về trước, « từ nay lại thông sứ như xưa. Vậy sai Lục-Giả đem ý trẫm sang « nói rõ cùng Vương, Vương cũng nên nghe đi, đừng cướp « phá nữa.

« Nhân có 50 nếp áo hạng tốt, 30 nếp áo hạng vừa, 20 nếp áo « thường, làm quà cùng Vương. Mong rằng Vương nghe nhạc « giải buồn, thăm nom lân-quốc.

Lục-Giả đến nơi, Triệu-vương xem thư thấy lời lẽ khiêm tốn nhân-nhượng, bèn tạ lỗi, xin vâng lời chiếu làm phiên-thần, nộp chức cống mãi mãi. Ngay khi ấy hạ lệnh trong nước bỏ đế chế, xe hoàng-ốc, cờ tả-đạo. Và đáp thư rằng :

« Man-di đại-trưởng lão-phu thần, Đà, muội tử tái bái, dâng « thư lên Hoàng-đế bệ-hạ.

« Lão-phu vốn xưa là kẻ lại đất Việt, Cao-đế yêu cho tỷ-« thụ (1) phong làm Nam-việt-vương. Hiếu-huệ-hoàng-đế lên « ngôi, nghĩa không nỡ dứt, dãi lão-phu rất hậu. Đến khi Cao-« hậu lâm-triều lại phân-biệt Hoa với Di, hạ lệnh rằng : « Không « được bán vàng, sắt, và đồ làm ruộng cho Nam-việt ; còn ngựa, « trâu, dê, có bán chỉ bán con đực, không được bán con cái ».

Lão-phu ở nơi hẻo lánh này, trông chừng ngựa, trâu, dê « đã già cả rồi, nghĩ bụng không có vật cúng tế thì phải tội « chết, vì vậy đã sai Nội-sử là Phan, Trung-úy là Cao, Ngự-sử « là Bình, ba lượt dâng thư sang tạ quá, đến không trở về.

---

1)– Ấn của vua gọi là tỷ ; thụ là dây thao.

« Lão-phu lại phong-văn rằng những phần-mộ cha mẹ lão-phu « đã bị phá hủy, anh em họ hàng lão-phu đã bị tru-di, nên có « bàn với nhau rằng bây giờ trong đã không được vẻ vang với « Hán, ngoài lại không gì tự-cao-dị lấy mình, vậy có đổi hiệu là « đế ; chẳng qua là tự đề nước mình, không dám hại gì đến « thiên-hạ.

« Cao-hậu nghe tin, cả giận, tước bó sổ Nam-việt, không cho « thông sứ. Lão-phu thấy thế, trộm ngờ Tràng-sa-vương dèm « pha nên chuyện, nên mới đem binh đánh biên-giới Tràng- « sa.

« Vả ở phương nam ẩm thấp này, trong các man-di như Đông- « mân, Tây-Âu đều xưng là vương cả, lão-phu xưng đế chẳng « qua là cách mua vui lấy một mình, dám đâu để đến tai Thiên- « vương.

« Lão-phu ở đất Việt đã bốn mươi chín năm nay, bây giờ đã « có cháu rồi, mà thức khuya dậy sớm, ngủ không yên, ăn không « ngon, mắt không dám trông sắc đẹp, tai không dám nghe tiếng « vui, chỉ vì cớ không được thờ nhà Hán. Nay nhờ bệ-hạ đoái « thương, cho phục hiệu cũ, thông sứ như xưa, lão-phu dẫu chết, » xương cũng không nát. Từ nay xin cải hiệu, không dám xưng « đế nữa.

« Nhân có sứ-giả, xin kính dâng ngọc Bạch-bích một đôi, lông « trả nghìn lốt, sừng tê mười cỗ, đồi mồi tía năm trăm, uế-đố (1) « một lọ, trả sống bốn mươi con, công hai đôi, muội tử tái « bái tâu lên Hoàng-đế bệ-hạ

Lục-Giả mang thư về tâu Hán-đế. Hán đế rất lấy làm bằng lòng. Từ đó Nam Bắc giao hiếu, không đánh nhau nữa, dân được yên nghỉ làm ăn.

Về sau Triệu-vương phàm sai sứ sang Hán thì xưng là vương, triều cống cũng như chư-hầu vậy, nhưng ở trong nước thì vẫn xưng hiệu cũ.

Triệu-vũ-vương mất năm Giáp-thìn (137 Tr, T. L.) hưởng thọ 121 tuổi, làm vua hơn 70 năm. Cháu đích-tôn là Triệu-Hồ (con

---

1.) Trong sách Tàu nói rằng quế-đố là một cây quế, to bằng ngón tay, sắc tía, vị thơm, đem tẩm mật thì thành một thức ăn rất quí. Nhưng cứ như lục truyền thì quế-đố là con cà cuống.

giai Trọng Thủy) nối ngôi, tức là **Triệu-Văn-vương**

Giặc Mân-việt

Năm Bính-ngọ (135 Tr. T. L.) Triệu-Văn-vương vừa lên ngôi được hai năm, thì vua Mân-việt (tỉnh Phúc-kiến bây giờ) tên là Rĩnh đem quân sang cướp phá biên-giới. Triệu - Văn - vương lấy mình là chư-hầu nhà Hán, phải giữ ước-pháp nhà Hán, không dám thiện tiện hưng binh, bèn sai người mang thư sang nói với Hán. Hán-đế bây giờ là Lưu-Triệt (Vũ-đế) vốn là một ông vua hiếu-chiến có tiếng ở nước Tàu, được tin, lập tức nổi đại-binh, chia hai đạo đánh Mân-việt : Một đạo Vương-Khôi làm tướng đi lối Dự-Chương (Giang-tây), một đạo Hàn-an-quốc làm tướng đi lối Cối kê (Chiết-giang). Quân Hán chưa đến nơi, Rĩnh đương phát binh cự Hán, thì em Rĩnh là Rư-Thiện cùng với họ hàng Rĩnh giết Rĩnh, lấy đầu đem nộp Vương - Khôi. Trước khi họ làm điều tàn-nhẫn như thế, họ bàn nhau rằng : « Tại Rĩnh đánh Nam-việt không xin phép nên Hán mới đánh. Quân Hán nhiều mà mạnh ; dù trận đầu may ra mình được, trận sâu nó kéo đến lại nhiều hơn, tất đến diệt nước mới thôi. Không bằng giết vua để tạ tội, xin Hán bãi binh cho. Ấy cái tư tưởng của giống Mân-việt là thế, có biết đâu vua chết mà nước cũng chẳng còn.

Vương-Khôi được đầu Rĩnh rồi, bèn cho bảo Hàn-an-Quốc đóng quân lại, và sai sứ mang đầu Rĩnh về nộp Hán-đế. Hán-đế sai Trang-Trợ sang bảo ơn-ý cho Triệu-vương biết và dụ Triệu-vương vào chầu. Triệu-vương lậy dạp đầu xuống đất nói rằng : « Thiên-tử vì quả-nhân mà rấy quân trị tội Mân-việt, quả-nhân dẫu chết cũng không báo được ơn ». Đoạn, cho em là Anh-Tể sang Hán làm tin, và bảo Trợ rằng : «Nước mới bị giặc, quả-nhân chưa thể đi ngay được. Sứ-giả hãy về trước. Quả-nhân sửa soạn rồi vào chầu sau ».

Song lúc Trợ về rồi, quần-thần đều can rằng : « Nhà Hán giết người Rĩnh là cốt để kinh-động nước mình. Vả Tiên-đế có dặn lại rằng : « Thờ Hán cốt không thất lễ, nhưng rút lại

chớ có nghe lời nói khéo mà vào chầu. Vào chầu là không được về, ấy là cái cách mất nước đó.» Triệu-Văn-vương nghe lời nói ấy ,bèn cáo bệnh, không sang chầu Hán.

Triệu-Văn-vương làm vua được 12 năm (137 — 125 Tr. T. L.) thì mất. Con là Anh-Tê lên nối ngôi, tức là **Triệu-Minh-vương.**

Triệu-Minh-vương cũng trị vì được 12 năm (125 — 113 Tr. T. L.) thì mất. Con thứ là Hưng lên làm vua, tức là **Triệu-Ai-vương.**

Triệu-Ai vương xin thuộc về Tàu

Khi Triệu-Minh-vương còn là Thái-tử (Anh-tê) sang làm tin bên Hán, ở Tràng-an (nay là Thiềm tây) lấy một người đàn bà ở Hàm-đan (nay thuộc đất Trực-lệ) là nàng Cù-thị, sinh ra Triệu-Hưng. Minh-vương lên ngôi được một năm, dâng thư sang Hán, xin lập Cù-thị làm Vương-hậu và Hưng làm thế-tử. Ngay khi ấy Hán đã mấy lần sai sứ sang dụ vào chầu, nhưng Minh-vương sợ chầu Hán thì phải theo phép nhà Hán cũng như các chư-hầu trong nước Tàu, nên cứ cáo bệnh không đi và sai con là Thú-Công sang thay.

Đến năm Mậu-thìn (113 Tr. T. L.) Triệu-Minh vương mất, Triệu Ai-vương (Hưng) lên ngôi, mẹ là Cù - thị được tôn là Thái - hậu, Hán lại sai sứ sang dụ vào chầu. Sứ-giả lần này là An-quốc (họ) Thiếu-qui (tên) vốn là nhân-tình cũ của Cù-thị từ khi Cù-thị chưa về với Minh-vương. Hán Vũ-đế (Lưu-Triệt) biết thế nên mới dùng Thiếu-qui làm sứ, cốt ý đem ái-tình sai khiến việc chính-trị. Lại sai bọn biện-sĩ (người ăn nói giỏi) là Chung-Quân để nói nhời cho khéo, dũng sĩ là Ngụy-Thần để giúp sự quả quyết, bọn này cùng đi với sứ-giả ; còn vệ-úy là Lộ-bác-Đức đem quân đóng ở Quế-dương (Quảng-tây) để đón lúc về.

Khi ấy Triệu-Ai-vương còn thơ trẻ, Cù-thị lại tư thông với Thiếu qui; chuyện xấu xa đồn dậy trong nước, nhiều người

không phục Cù-thị. Cù-thị sợ có loạn, mưu giựa thế Hán, bèn bộ cho mình, bèn khuyên Ai-vương và quần-thần phụ thuộ về Hán. Lập tức làm thư nhờ sứ-giả đưa về Hán, xin cùng hàng với chư-hầu trong nước Tàu, ba năm một lần vào chầu, và xin trừ bỏ biên-quan (nghĩa là không phân biệt quốc-giới nữa) Hán-đế nhận nhời rồi cho Thừa-tướng Nam-Việt một cái ấn bằng bạc, quan Nội-sử, quan Trung-úy, quan Thái-phó mỗi quan một cái ấn, nghĩa là những quan to trong nước đều do quyền nhà Hán bổ dụng, còn những quan nhỏ được tự đặt lấy ; lại bỏ hình Kình (1), hình Tị (2) mà dùng pháp-luật nhà Hán theo như các chu-hầu trong nước Tàu, để sứ-giả ở lại phủ-trị.

Thế là nước Nam-Việt của Triệu-Vũ-vương thành hẳn một nước chư-hầu phụ thuộc về Hán rồi.

Lã-Gia giết sứ Tàu

Thừa - tướng Nam-Việt bấy) giờ là Lã - Gia, tuổi đã già, làm quan đã trải ba triều. con giai đều lấy công-chúa, con gái đều gả cho tôn-thất Triệu-vương, họ hàng ra làm quan Trưởng-lại đến hơn 70 người, lại liên-nhân với Tần-vương ở Thương-ngô (3) ; thế lực đã to lại rất được lòng người.

Khi ấy mẹ con Triệu Ai-vương đang sửa soạn hành-trang vào chầu nhà Hán, Lã-Gia mấy lần can, Triệu-vương đều không nghe. Gia nhân phẫn chí, thường cáo bệnh không tiếp kiến sứ Tàu. Sứ Tàu muốn giết Gia nhưng thế không làm nổi. Cù-thị cũng sợ Gia làm trước, bèn cậy sứ-giả bày mưu giết Gia.

Hôm ấy trong cung đặt một tiệc rượu mời sứ-giả, các đại-thần đều dự tiệc. Em Gia làm tướng võ, đem quân đóng ngoài cung. Lúc uống rượu, Cù-thị bảo Gia rằng : « Nam - Việt phụ

1, 2.) Kình là đục chàm vào mặt, tị (hay nghi) là cắt mũi tội-nhân. Những hình-pháp này đều là hình-pháp cũ của Tàu, đến đời Hán mới bỏ. Xem đây thì Nam-Việt vẫn dùng hình luật cũ của Tàu, đến đây Hán Vũ-đế mới bắt theo luật Hán.

3.) — Tần vương tên là Triệu-Quang, cùng họ Triệu-vương.

ộc về Tàu là lợi cho nước. Thừa-tướng lại không bằng lòng, ta cớ làm sao ? ». Cù-thị có ý khích cho sứ-giả nổi hung nhưng sứ-giả hồ-nghi không dám. Gia trông mặt mắt biết ý, liền đứng dậy đi ra. Cù-thị toan cầm mác phóng theo, nhưng Triệu-vương ngăn lại. Gia ra, lấy quân của em đưa về. Từ hôm ấy cáo bệnh không vào chầu, cùng các đại-thần mưu toan làm loạn. Triệu-vương vốn không có ý giết Gia, Gia cũng biết thế nên rùng rằng mấy tháng không khởi sự. Cù-thị muốn giết Gia nhưng một mình làm không nổi. Sứ-giả thì nhút nhát không dám làm. Hán-đế nghe tin ấy, định sai Trang-Sâm đem hai nghìn quân sang. Sâm nói : « Lấy sự hòa-hảo mà đi thì vài người là đủ ; lấy võ-lực đi thì hai nghìn người không làm gì được ». Bấy giờ có một quan tướng quận Tế-bắc là Hàn-thiên-Thu đứng dậy hăng hái nói rằng : « Nước Việt con con này, lại có quốc-vương và Thái-hậu làm nội-ứng, chỉ một mình Lã-Gia rắc rối, thần chỉ xin hai trăm dũng-sĩ, tất chém được Lã-Gia đem nộp ». Hán-đế bèn sai Thiên-Thu cùng với em Cù thị tên là Cù Lạc đem hai nghìn quân vào nước Việt.

Lã-Gia nghe tin, bèn hạ lệnh rằng : « Vua còn trẻ tuổi, Thái-hậu vốn là người Tàu, lại tư thông với sứ Tàu, chỉ muốn phụ thuộc về Tàu, đem hết cả của quí-báu của Tiên-vương vào dâng cho Hán, để mua chuộc cho mình ; lại đem nhiều người đi theo, định đến Tràng-an thì bán làm tôi tớ, thực là chỉ biết cái lợi một lúc mà không nghĩ gì đến xã tắc họ Triệu, không tính gì mưu kế muôn đời ». Đoạn, Gia cùng em đem quân vây cung vua, giết Triệu Ai-vương và Cù-thị, giết An-quốc-Thiêu qui và tất cả sứ Tàu ; đoạn rồi sai người báo tin cho Tần-vương ở Thương-ngô, và truyền bảo các quận ấp lập Thuật-dương-hầu (1) tên là Kiến-đức (2) lên làm vua, tức là Thuật-dương-

---

1.) — Chữ này trong mấy bộ Việt-sử in đều in là Thuật-dương, mà người học thi đều học là Vệ-dương. Vì chữ «Thuật» với chữ « Vệ » dễ lẫn nhau lắm. Song đây cứ theo Việt-sử-khâm-định, dù phải hay không, tưởng cũng chẳng quan hệ mấy.

2.)— Kiến-đức là con trưởng Minh-vương ; mẹ là người Nam [illegible]

vương. Đó là việc mùa đông năm Kỷ-tị (112 Tr. T. L.) Triệu-Ai-vương vừa trị vì được một năm vậy.

Lã-Gia lập Kiến-đức làm vua xong thì quân Hàn-Thiên-Thu cũng vào đến cõi đã đánh phá mất mấy ấp nhỏ. Lã-Gia lừa cho đến gần còn cách Phiên-ngu 40 dặm thì đem quân ra đánh, giết hết lũ Thiên-Thu. Đoạn, sai người gói cờ tiết (1) của Hán đem để núi Tái-thượng (núi Đại-rũu), rồi một mặt làm thư sang Hán tạ tội, một mặt chia quân giữ những nơi hiểm-yếu để phòng chống cự quân Tàu.

Họ Triệu mất nước

Mùa thu năm sau, Hán-đế nghe tin, sai Phục-ba tương-quân là Lộ-bác-Đức ra huyện Quế-dương xuống sông Hoàng-thủy; Lâu-thuyền (2) tương-quân là Dương-Bộc ra huyện Dự-chương (Giang-tây) xuống cửa Hoành-phố; Qua-thuyền (3) tương-quân là Nghiêm ra đất Linh-lăng xuống sông Li-thủy; Bạ-lại (4) tương-quân là Giáp xuống huyện Thương-ngô; Trì-nghĩa-hầu là Quí (5) đem quân nước Dạ-lang (6) xuống sông Tường-kha (7); cả 5 đạo quân đều hẹn ngày hội đánh Phiên-ngu.

1.)— Lấy đuôi ngựa làm từng chùm một, sâu một dây dài, treo lủng lẳng vào đầu một cái cán, gọi là cờ mao. Các quan có đi khâm mạng thì có cờ này gọi là cờ tiết.

2.)— Thuyền có lầu ở trên mui, gọi là lâu-thuyền.

3.)— Có sách chua rằng: Người Việt hay lặn dưới nước đội thuyền; lại hay có cái hại thuồng-luồng, nên đặt dao mác ở dưới gầm thuyền, gọi là Qua-thuyền. Lại có sách chua rằng qua-thuyền là thuyền chở Khí-giới.

4.)— Lại là tên một con sông ở đất Việt, lại có nghĩa là nước chảy siết.

5.) Quí là người nước Việt. Sử cũ không chép họ. Trong Bách-việt-tiên-hiền-chí chép là Hà-Di.

6.) — Là một nước to hơn cả trong các nước rợ mọi về phía tây-nam nước Tàu. Trong sách nói rằng nước này phía đông giáp Giao-chỉ, phía tây giáp nước Điền (Vân-nam). Trong Từ-nguyên thì chua rằng đất Dạ-lang ở phía tây Quí-châu.

7.)— Tường-kha tức là sông Tây-giang ở Quảng-đông bây giờ.

Quân Dương-Bộc đến trước, đánh Tầm-hiên (tại huyện Thủy-hương, Quảng-đông), phá Thạch-môn (1), bắt được thuyền chở thóc của quân Việt, nhân giun thuyền ấy đi trước, đánh đồ quân tiên-phong nước Việt, bắt người Việt làm quân đến mấy vạn người, đóng lại đó chờ Lộ-bác-Đức. Bác-Đức vì đường xa, đến trễ hẹn mà chỉ có hơn nghìn quân. Mai người bèn cùng tiến đánh Phiên ngu. Triệu-vương và Lã-Gia vào thành cố thủ. Dương-Bộc vây mặt đông nam, Lộ-bác-Đức vây mặt tây-bắc. Trời đã tối, Bộc tung lửa vào đốt thành. Người trong thành vốn nghe tiếng Lộ-Bác-Đức mà đêm tăm không biết quân hắn nhiều hay ít. Bác-Đức bèn làm ra nhiều doanh-lũy để đợi người đến hàng và sai người vào dụ hàng; người nào ra hàng trước cũng trao ngay cho ấn tín (nghĩa là cho làm quan) rồi lại buông ra cho về để dụ người khác. Mặt kia Dương-Bộc cứ hết sức đánh. Đến gần sáng người trong thành về hàng hết cả bên Lộ-bác-Đức. Thế mới biết những dân-tộc đã thèm quan mà lại có bụng yêu mình hơn nước, thì quan-chức chính là cái mồi tốt để rủ họ mắc câu vậy.

Triệu-vương và Lã-Gia đương đêm phải bỏ thành, cùng mấy trăm người trốn về miền bể. Lộ-bác-Đức lại hỏi quân ra hàng biết chỗ Gia trốn, sai người đuổi theo. Hiệu-Tư mã là Tô-Hoằng bắt được Triệu-vương, quan Lang nước Việt là Đô kê bắt được Lã Gia. Thương-ngô vương vốn là cùng họ Triệu-vương, nghe quân Hán đến, ra hàng ngay. Quan Giám quận Quế-lâm nước Việt tên là Cư Ông lại khuyên bảo dân Âu-lạc đều ra hàng. Thế là trận này Hạ-lại tương-quân, Qua-thuyền tương-quân và quân Dạ-lang của Trì-nghĩa-hầu, ba đạo này chưa đến nơi mà nước Nam-Việt đã bị đạo Lộ-bác-Đức và Dương-Bộc bình định được rồi. Mỗi quan câu nước cũng nhảy lắm thật.

Khi ấy hai quan sứ cai trị quận Giao-chỉ và quận Cửu-chân ta cũng mang một trăm con trâu, một nghìn hũ rượu và sổ hộ hai quận, đón quân Hán ra hàng. Bác-Đức nhân phong cho

---

1.) — Thạch-môn nghĩa là cửa đá, ở phía bắc huyện Phiên-ngu, đây là chỗ Lã-Gia tích đá ở sông để cự với Hán lần trước, nhân thế mới có tên tây.

hai quan sứ làm chức Thái-thú quận Giao chỉ và quận Cửu-chân, làm chủ các Lạc-tướng trị dân như trước; từ đó nước Việt mới thuộc về Tàu. Ấy là việc mùa đông năm Canh-ngọ (111 Tr. T. L.), Thuật-dương-vương lên ngôi được một năm mà ở bên Tàu là năm Nguyên-đỉnh thứ sáu Hán Vũ-đế (Lưu-Triệt) vậy.

Nhà Triệu khởi từ Triệu-Vũ-vương năm Quí-tị (207 Tr. T. L.) đến Thuật-dương-vương năm Canh-ngọ (111 Tr. T. L.), cộng là 96 năm.

Bàn về Lã-Gia

Tiên-nho là Ngô-thời-Sĩ bàn về Lã-Gia(1) có nói rằng: Lã-Gia là thế-thần họ Triệu, đương lúc vua trẻ nước nguy, mà ngoại-giao không giữ lễ sự-đại, nội-trị không khéo cách đỗ-tồn, trong để thành cái mưu của Cù-hậu, ngoài làm khích lòng dận của Hán-đế, không tính sức mình, tự thủ bại-vong, khiến cho cõi Nam-giao này phải dịch thuộc về Tàu, cái tội của Gia không trốn đâu được. Song Gia riêng không lấy ấn bạc của Hán làm vinh, quả quyết cho việc phụ-thuộc về Tàu là không tiện, như thế không thể bảo là không « trí »: giết Thiều-Quí, giết Thiên-Thu, gói trả cờ tiết, chống cự quân Tàu, làm hả lòng tiên-quân ở dưới chín suối, như thế không thể bảo là người không «dũng»; bỏ một vua lại lập một vua, chỉ biết có con cháu Vũ-đế, xã-tắc họ Triệu, sống chết cũng đành, ngoài ra không tưởng, như thế không thể bảo là người không « trung ». Đấng quân-tử bàn người, nên lục lấy những chỗ sở trường vậy.

---

(1) Nay ở núi Tản trên Sơn-tây có một phiến đất bằng, gọi là vườn-lục truyền là nhà cũ của ông Lã-Gia ở đó.

THUỘC TÀU

(từ năm Canh-ngọ 111 Tr. T. L.) cuối đời nhà Triệu cho đ năm Mậu thìn (968) đời Đinh-Tiên-hoàng, hơn nghìn năm giờ nhà làm sử thường gọi chung là thời-kỳ thuộc Tàu. Nếu những quan cai-trị của Tàu hồi bấy giờ đều là những người nhân từ đại lượng, không phân biệt giồng nọ giống kia, người Hán người Việt, thì nước Việt-nam cũng nhập với Tàu làm một nước rồi. Chỉ vì quan Tàu nhân ít mà ác nhiều, cái chính-sách áp-chế tức là cái lò than lửa nung-đúc ra những đấng anh-hùng, nên trong thời-kỳ hơn nghìn năm kia không toàn là thuộc Tàu cả, thỉnh-thoảng lại chen vào mấy năm độc-lập. Những thời-kỳ độc lập ngắn ngủi ấy chính là sản-mẫu của thời-kỳ độc-lập lâu dài về sau. May hay rủi ? họa hay phúc ? Ta không thể biết mà ta cũng chưa nên bàn. Chỉ biết rằng nước Việt-nam đã trót thành một nước chiếm riêng một quãng đất trên hoàn-cầu thì cái thời-gian thuộc Tàu hẳn phải là cái đoạn buồn tẻ trong lịch-sử Việt-nam. Buồn tẻ nhưng mà quan hệ. Sự quan-hệ sẽ bàn về sau ; nay hãy đem đoạn lịch-sử hơn nghìn năm ấy so với sử Tàu làm một biểu đối-chiếu như sau này, để tiện xem đọc.

VIỆT SỬ :	BẮC SỬ:
Thuộc Tàu lần thứ nhất cộng 149 năm 111 Tr. T. L. — 39 sau T. L.	Tây-hán 202 Tr. T. L. — 8 sau T. L.
Trưng-vương 3 năm 40 — 43	Vương-Mãng 9 — 24
Thuộc Tàu lần thứ hai 143 năm 43 — 187	Đông-Hán 25 — 220
[illegible]-vương 38 năm [illegible] — 226	Tam-quốc 221 — 264
Thuộc Tàu lần thứ ba 317 năm 225 — 544	Tây-tấn 265 — 419

Lý-Nam-đế 57 năm
545 — 602

Thuộc Tàu lần thứ tư 336 năm
603 — 939

Ngô-vương và Thập-nhị-sứ-quân 27 năm
940 — 967

Nam-bắc-triều
420 — 588

Tùy
589 — 617

Đường
618 — 906

Ngũ-qui
907 — 959

THUỘC TÀU LẦN THỨ NHẤT

(111 Tr. T. L. — 39 sau T. L.)

Giao-chỉ-bộ — Chín quận

Hán Lưu-Triệt (Vũ-đế) đã đánh được nhà Triệu rồi, lấy đất Nam-việt chia ra chín quận như sau này :

1e	Nam-hải	(Quảng-đông)
2e	Thương-ngô	(Quảng tây)
3e	Uất lâm	(Quảng tây)
4e	Hợp-phố	(Quảng-đông)
5e	Giao-chỉ	(Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ)
6e	Cửu-chân	(Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ)
7e	Nhật-nam(1)	(Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ)
8e	Châu-nhai	(Hải-nam)
9e	Đam-nhĩ	(Hải-nam)

---

(1) — Nhan-sư-Cổ nói rằng « Nhật-nam » nghĩa là ở bên nam mặt giời ; Như-Thuần nói rằng : Mặt giời đứng đầu thì bóng ở dưới mình nên lại gọi là « tị-ảnh ».

Quận Nhật-Nam tức là bộ Việt-thường đời Hùng-vương, đời Tần thuộc đất Tượng-quận ; đời Triệu thuộc huyện Cửu-chân ; Hán chia ra quận Nhật-nam, đời Ngô ; đời Tấn, đời Tống vẫn theo như Hán ; sau phải nước Lâm-ấp chiếm mất, đến đời Tùy lại đánh Lâm-ấp lấy lại đặt làm Đăng-châu, rồi lại đổi làm Tị-ảnh-quận; sau lại mất về Chiêm-thành; ngày nay tức là đất Quảng bình, Quảng-trị.

Cả chín quận này gọi chung là Giao-chỉ-bộ. Vậy Giao-chỉ-bộ bấy giờ gồm cả Quảng-đông, Quảng-tây, Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ bây giờ (1). Thống trị cả toàn bộ thì có một quan Thứ-sử, dưới quyền quan Thứ-sử thì mỗi quận có một quan Thái-thú. Mỗi quận chia làm nhiều huyện, (2) huyện có quan lệnh và trưởng lại. Về quận Giao-chỉ thì lại có các Lạc-hầu, Lạc-tướngđược thế-lập cai-trị dân bản thổ.

.1 — Trong Việt-sử-khâm-định đem 7 quận (không kể Châu - nhai và Đam-nhĩ) đối với 3 quận nhà Tần trước thì : Nam-hải tức là quận Nam-hải nhà Tần ; Thương-ngô và Uất-lâm tức là quận Quế-lâm (bây giờ là Quảng-tây); còn Hợp-phố, Giao-chỉ, Cửu-chân và Nhật-nam đều là đất Tượng-quận cả. Hợp-phố bây giờ là đất Liêm-châu ở Quảng-đông. Thế thì cái thuyết nói Tượng-quận không phải là đất ta cũng có lý vậy.

2. — Phép cai-trị đời Hán, châu gồm quận, quận gồm huyện. Bộ Giao-chỉ cũng như một châu của Hán Theo sách « Tiền-hán địa-lý-chí » thì trừ hai quận Châu-nhai và Đam-nhĩ không kể, còn 7 quận lúc bấy giờ chia ra các huyện như sau này :

1e Quận Nam-hải có 6 huyện là :

Phiên-ngu, Bác-la, Trung-tú, Long-xuyên, Tứ-hội, Yết-dương.

2e Quận Thương-ngô có 10 huyện :

Quảng-tín, Tạ-mộc, Cao-yếu, Phong-dương, Lâm-hạ, Đoan-khê, Phùng-thừa, Phú-xuyên, Lệ-phố, Mãnh-lăng.

3e Quận Uất-lâm có 12 huyện :

Bố-sơn, An-quảng, A-lâm, Quảng-nạt, Trung-lưu, Quế-lâm, Đàm-trung, Làm-trần, Định-chu, Tăng-tực, Lĩnh phương, Ung-kê.

4e Quận Hợp-phố có 5 huyện :

Từ-văn, Cao-lương, Hợp-phố, Lâm-doãn, Chu-lư.

5e Quận Giao-chỉ có 10 huyện :

Liên-thụ, An-định, Cấu-lậu, Mi-linh, Khúc dương, Bắc-đới, Kê-từ, Tây-vu, Long-biên, Chu-diên.

6e Quận Cửu-chân có 7 huyện :

Tư-phố, Cư-phong, Đô-bàng, Dư-phát, Hàm-hoan, Vô-thiết, Vô-biên.

7e Quận Nhật-nam có 5 huyện :

Chu-ngô, Tị-ảnh, Lư-dung, Tây quyển, Tượng-lâm.

Quan Thứ-sử trước nhất tên là Thạch-Đới. Trong sử chép rằng khi ấy trị-sở đóng ở Long-uyên(1).

Từ đây cho đến hết đời Tây-hán, hơn một trăm năm, không thấy chép gì đến việc Giao-chỉ cả. Mãi đến đời Đông-hán Lưu-Tú (Quang-vũ) lên làm vua được năm năm, năm Kỷ-sửu (29) mới thấy chép rằng quan Mục (tức là Thứ-sử) Giao-chỉ là Đặng-Nhượng sai sứ cống hiến nhà Hán. Nguyên Đặng-Nhượng là quan nhà Hán, lúc Vương-Mãng cướp ngôi Hán-đế, Đặng-Nhượng cùng các Thái thú giữ cõi không chịu phục họ Vương. Khi Lưu-Tú đã diệt được Vương-Mãng rồi, tướng nhà Hán là Sầm-Bành vốn quen biết Nhượng, viết thư cho Nhượng kể công-đức nhà Hán. Nhượng bèn cùng các Thái-thú các quận là bọn Tích-Quang, Đỗ-Mục v. v. sai sứ cống hiến nhà Hán. Hán đều phong làm liệt-hầu.

Tích-Quang và Nhâm Diên

Theo như sách Hậu-hán-thư thì về đời Hán Quang-Vũ (25—56) có hai quan Thái-thú có nhân-chính : Một quan Thái-thú quận Giao-chỉ tên là Tích-Quang ; một quan Thái-thú quận Cửu-chân tên là Nhâm-Diên.

Tích-Quang là người ở Hán-trung, làm Thái-thú quận Giao-chỉ từ đời Tây-hán Bình-đế (đầu thế-kỷ thứ nhất), lấy « lễ-nghĩa » dạy dân. Quang-Vũ (Lưu-Tú) lên làm vua phong làm Riêm-thủy-hầu.

1.) — Tức là Long-biên. Sách Thủy-kinh-chú nói rằng đời Hán Hiến-đế năm Kiến-an thứ 13 (208) mới đắp thành, nhân có con giao-long quẫn quại dưới sông mới đổi tên là Long-uyên. Đời Lý đổi là Thăng-long, nay là Hà-nội.

Song cứ như sử Tàn thì trị-sở bấy giờ ở huyện Liên-thụ, sau dời sang Thương-ngô, sau đời nhà Hán Hiến-đế lại dời sang Poliên-ngung ; đến đời Ngô dời sang Long-biên, như vậy thì đời Tiền-hán chưa hề đóng trị sở ở Long-uyên. Vả tra huyện Liên-thụ (hay lũ) thuộc về quận Giao chỉ, mà nay ở làng Lãng-khê về huyện Siêu-loại, tỉnh Bắc-ninh còn có dấu thành cũ, có lẽ trị-sở đời Tây-hán đóng ở đó chăng.

Nhâm-Diên làm Thái-thú quận Cửu-chân khoảng đầu đời Quang-Vũ. Tục Cửu-chân vốn kiêm ăn về nghề săn bắn, không biết cày cấy ; dân phải ăn đong ở quận Giao-chỉ nên thường thiếu thốn luôn. Diên đến, mới sai đúc cày bừa, dạy cho khai khẩn ruộng đất ; ruộng cày cấy một năm một nhiều, dân nhờ đó cũng được no đủ.

Nhâm-Diên lại dạy dân làm lễ cưới xin, sức các thuộc huyện cho con giai từ 20 đến 50 tuổi, gái từ 15 đến 40, cứ độ tuổi mà lấy nhau ; những nhà nghèo không có lễ cưới thì bắt từ Trưởng-lại trở xuống bớt tiền lương ra giúp cho họ cưới. Một lúc mà có hơn hai nghìn người lấy nhau. Những người nhờ Nhâm-Diên mới có vợ thì khi sinh con thường đặt tên con là Nhâm để tỏ lòng biết ơn.

Nhâm-Diên làm quan 4 năm thì được triệu về Tàu. Người Cửu chân lập sinh-từ lên thờ.

Nhà làm sử lại kết luận rằng phong tục Tàu truyền sang Lĩnh-nam là thủy tự hai quan Thái-thú này. Song đức Dực-Tông phê rằng « Triệu-Đà vốn người Trung-quốc, trị nước truyền đời đã non trăm năm, xem như bức thư đáp lại Hán Văn-đế thì là người vốn có học thức, lẽ nào lại chưa biết dạy dân cày cấy cưới xin mà phải đợi đến hai quan Thú này mới có ? Phương chi nói rằng : « cùng một lúc mà có hai nghìn người lấy nhau, xem thế đủ biết là truyện chép không thực, không thể tin được ». Vả xem trong sách tàu về truyện này còn có những câu như « dân Lạc-việt không có lễ pháp giá thú » và « người đẻ con ra mới biết có họ hàng » thực quả là lời nói ngoa : Dân Lạc-việt cấy ruộng Lạc-điền ; sự hôn-nhân gây hiềm Thục-quốc ; một nước có vua, có quan, có tướng, sao lại không có lễ-nghĩa ? Đó đều là điển-tích trong sách Tàu cả. Vậy thì lễ-nghĩa giá thú và sự cấy cày đã có tự đời Hùng-vương và An-dương-vương, không phải đợi đến Triệu-Đà, phương chi đến đời Đông-hán còn sau mấy trăm năm ? Sự nói ngoa tưởng đã rành rành vậy.

Song ta cũng có thể tin rằng Tích Quang và Nhâm-Diên là

hai quan Thái-thú tốt. Khẩn đất hoang làm ruộng, giúp dân nghèo lấy vợ, truyền văn-minh Khổng-Mạnh, chính phong tục nhân-dân, chắc là công-đức của hai quan Thú đối với dân ta có như thế. Vì sử Tàu tô điểm thêm ra, nên mới thành chuyện không thực đó thôi.

TRƯNG-VƯƠNG

(40 — 43)

Trưng-vương là một bậc nữ-lưu khởi lên vì nghĩa, đành nỗi kẻ tham-tàn, cứu dân trong vòng thủy-hỏa, anh - hùng thay ! Ngọn gió Đồng-nhân, mảnh giăng sông Hát, suy - tính phẳng phất, khiến người còn khởi kính dưới ngàn thu, nào ai dám phân biệt tu-mi với cân-quắc?

Tuy Lãng-bạc cô quân, Cấm-khê thất-thế, ba năm độc-lập, sự-nghiệp chưa được là bao, song bắc-thuộc hơn nghìn năm giời, có bà khởi lên, quốc-dân mới phấn-khởi được cái chí-khí tự-cường, mới nảy nở được cái tinh-thần vũ-dũng ; lá cờ Giao-chỉ phất phới trên thành Mi-linh, đã in sâu trong óc người la một cái tư-tưởng : người Tàu không phải là thần-thánh, giống Việt không phải là đê hèn, rồi sau mới có ông Phùng-đại-vương, ông Mai-Hắc-Đế, ông Lý-Nam-Đế, ông Ngô-vương-Quyền, rồi sau nước Nam mới còn là nước Nam. Trưng-vương thực có công tái-to nước Việt-nam vậy.

Nước Việt-nam còn là nước Việt-nam, thì Trưng-vương phải là một bậc đế-vương chính-đáng trong lịch-sử. Sách Đại-việt-sử-ký của cụ Ngô-sĩ-Liên chép đời Trưng - vương riêng là một triều ; mà Việt-sử-khâm-định lại không cho làm một đời chính-thống, chỉ vì Trưng-vương làm vua được có ba năm. Thiết tưởng lấy thành bại luận anh-hùng đã là chuyện thế-tục ; mà lấy đời vua ngắn dài làm chính-thống hay không chính-thống, nghĩa sử sao khỏi hẹp hòi. Phục quốc có nghĩa, cứu dân có công, trên nối mối vua Hùng, dưới mở đường Ngô, Đinh, vua Trưng không đáng là chính-thống thì vua nào đáng là chính-thống ?

Vua Trưng lấy lại nước

Vua húy là Trắc, họ Lạc, sau lại đổi là họ Trưng, người huyện Mi-linh (1) quận Giao-chỉ, là con gái quan Lạc-tướng và là vợ ông Thi-Sách ở huyện Châu-diên (2).

Ông Thi-Sách cũng là dòng Lạc-tướng, được thế-tập chức Lạc-tướng coi dân bản-thổ huyện Châu-diên.

Khi ấy Hán Lưu-Tú (Quang-Vũ) sai Tô-Định sang làm Thái-thú quận Giao-chỉ. Định là người tham-nhũng tàn-bạo, nhân-dân đều oán dận, lại bắt ông Thi-Sách đem giết (3). Vua vốn là người mạnh giỏi, bèn cùng em gái là Trưng-Nhị nổi quân phục thù ; tiếng nghĩa truyền đi, các hào-kiệt trong nước đều ứng theo, bèn kéo quân về vây dinh Thái-thú. Tô-Định chạy về Nam-hải (4). Quân vua đi đến đâu, giặc lướt đến đấy ; dân các quận

---

1.)— Sử cũ chua rằng Mi-linh tức là An-lãng ở Sơn-tây. Sách Địa-dư-nhí của ông Nguyễn-Trãi nói rằng Mi-linh tức là Phúc-thọ. Sách Vân-đài-loại-ngữ của ông Lê-quí-Đôn nói rằng Mi-linh tức là Phong-châu lại nói rằng Mi-linh tức là An-lãng. Sách Địa-lý-chí nhà Đường thì nó Mi-linh thuộc về đất hai huyện Phúc-lộc (tức Phúc-thọ) và Đường-lâm. Sách Văn-hiến-thông-khảo chua rằng : huyện Gia-ninh, huyện Thừa-hóa, huyện Tân-xương đều là đất Mi-linh đời nhà Hán. Sách Đường-thư lại nói rằng Phong-châu có 5 huyện là : Gia-ninh Thừa-hóa, Tân-Ixương, Cao-thượng, Châu-lục. Như vậy thì Mi-linh tức Phong-châu à hẳn.

2.)— Huyện Châu-diên nhà Hán mới đặt. Nay là phủ Vĩnh-tường tỉnh Vĩnh yên.

3.)— Đoạn này Trong Trưng-vương Thánh-tích nói rằng vì Tô-Định tham tàn, vua Trưng cùng chồng toan khởi binh đuổi Định. Ông Thi-Sách khởi sự ở Vũ-giang. Trưng-vương khởi sự ở Hát-môn; việc chưa thành thì ông Thi-Sách bị giết.

4.)— Trong Trưng-vương-thánh-tích chép rằng : Khi ấy có câu đồng rao rằng : « giời mưa nước chảy sông Đoài, cỏ lên đè lúa, cá trôi lênh-đênh ». Định cho là điềm hay. Đến khi Tô-Định thua rồi, người ta mới tán câu kia : Sông Đoài nghĩa là sông Hát ở phía tây ; cỏ là chữ « thảo » lúa cho là chữ « hòa », cá là chữ « ngư ». Ba chữ hợp lại tức là chữ « Tô » vậy.

Cửu-chân, Nhật-nam và Hợp-phố đều theo cả, không mấy lúc mà lấy lại được 65 thành đất Lĩnh-nam. Quan Thứ-sử và các Thái-thú chỉ giữ được khỏi chết. Vua lên ngôi đóng đô ở Mê-linh. Phong cho em làm Binh-khôi-công chúa; còn tả-tướng là bọn Đô-Dương, hữu-tướng là bọn Lê-Chân đều có phong thưởng cả (1). Bấy giờ là năm Canh-tí (40), năm đầu Trưng-vương và là năm thứ 16 Hán Quang-vũ bên Tàu vậy.

Giặc Mã-viện

Hán Lưu-Tú nghe tin vua Trưng ta lấy lại nước, bèn sai quận Tràng-sa, quận Hợp-phố, sắm xe, thuyền, sửa cầu, đường, khai ngòi lạch, chứa lương thảo, phong Mã-Viện (2) làm Phục-ba-tướng-quân, Lưu-Long làm phó tướng, đem bọn Lâu-thuyền-tướng-quân là Đoàn-Chí sang lấn nước ta (3).

1.)— Mấy câu này trích dịch bộ Hoàng-việt-Họa-hồ-sử của ông Huấn Nghĩa-phong.

2)— Mã-Viện là một người danh-tướng đời Đông-Hán. Trong sử Tàu nói rằng: Viện có đại-tài, tính khẳng khái, thường nói rằng: « Trượng-phu nên phải có chí: càng khổ càng bền lòng, càng già càng hăng hái »; lại nói: « Làm con giai nên chết ở chốn biên giã, lấy da ngựa bọc thây mang về, há nên nằm trên giường chết ở trong tay đàn bà con trẻ ». Lúc Lưu-Tú khởi binh, Viện theo Lưu-Tú, đánh được nhiều trận, làm trung-hưng công-thần; lại có con gả cho Thái-tử. Chuyến này Hán sai đến Viện đi, đủ biết vua tôi Lưu-Tú không dám coi vua Trưng là thường vậy.

3)— Đoạn này, bộ Hoàng-việt-Họa-hồ-sử của ông Huấn Nghĩa phong chép rằng: quân Hán chia nhiều đạo sang lấn: một đạo quân bộ đi đến Qui-môn-quan (ở Ôn-châu, tỉnh Lạng-sơn) gặp quân vua Trưng đón đánh, vỡ tan tành.» Không biết khảo cứu ở sách nào, tưởng cũng có lý lắm. Vì sách Tàu chép, như trên kia, Hán-đế sai mấy quận sắm xe thuyền, sửa cầu đường v.v. và có Lâu-thuyền-tướng-quân thì rõ ràng là quân Tàu sang cả đường thủy và đường bộ; thế mà sau chỉ thấy nói Mã-Viện đi về bể đến hồ Lãng-bạc, còn đường bộ không thấy nói đến, có lẽ thua mất. Trong Trưng-Vương-thánh-tích thì nói rằng Mã Viện sang đánh trận trước bị thua. Vua Trưng tuy được nhưng vẫn xin hàng. Mã-Viện ngần ngại, lập đồng-trụ rồi rút quân về.

Trận Lãng bạc — Quân ta lui

Trưng-vương năm thứ ba (42), mùa xuân tháng ba, Mã-Viện theo ven bể tiến quân, lận núi phá cây hơn nghìn dặm, đến hồ Lãng-bạc (1) đánh nhau với quân ta. Quân ta toàn là quân ô hợp, không luyện tập, thấy quân Hán đến đông, chúng sợ không địch nổi. Vua bèn lui giữ Cấm-khê (2).

Trận Cấm-khê — Quân ta thua. — Nước mất

Trưng-vương năm thứ tư, Quí-mão (43), mùa xuân tháng giêng, vua và em là Trưng-Nhị đánh nhau với quân Hán ở Cấm-khê : quân ta thua. Hai bà phải chạy về xã Hát-môn thuộc

---

1.)— Lại có tên là Răm-đàm, tức là hồ Tây bây giờ. Truyện Mã-Viện của Tàu chép rằng : Lúc Viện ở Giao-chỉ về, thường dùng nói chuyện với quan thuộc rằng : «Ngày trước em họ ta là Thiếu-du thấy ta hằng bái muốn làm to, thường lấy làm thương mà nói rằng : Người ta ở đời, miễn được no cơm ấm áo, cỡi xe êm, cho ngựa đi thẳng thẳng, làm chức Duyện-lại ở quận, giữ phần mồ tiên-nhân, được tiếng khen lương-thiện ở làng xóm, thế là đủ rồi ; cầu phú quí lắm, chỉ khổ mình thôi. Khi ta ở khoảng Lãng-bạc, Tây lỵ, chưa đánh được giặc, trên thì mây mù dưới thì nước lũ, khí độc hun xông, ngửa mặt trông chim riều rà rà sa mặt nước, mới ngẫm lời nói của Thiếu-du ngày trước, không thể sao được nữa».

Sử Tàu chép thế có ý tỏ ra Mã-Viện là người hào sảng mà thôi. Thực thì Mã-Viện không phải là người có cái tư tưởng như thế. Xem như về sau Viện ở nước ta về đã được phong hầu, đến khi có giặc Vũ-lăng, Viện đã 62 tuổi, còn xin đi đánh. Hán-đế chê già, Viện nhảy ngựa trông đi nhìn lại tỏ là còn dùng được. Hán-đế cười rằng : quặc thước thay lão này ! rồi sai đi. Trận ấy quân thua, Viện phải chết trận. Như vậy thì những câu chau đời phong-nhã kia dù có ở miệng Viện ra cũng là câu dối đời mà thôi.

2.)— Cấm-khê trong mấy bộ sách của Tàu chép là Kim-khê: Sách Thủy-kinh-chú nói rằng Kim-khê ở phía tây-nam huyện Mi-linh. Sách Nam-việt-chí nói rằng Trưng-Trắc chạy vào hang Kim-khê ; lại chưa rõ ở huyện Tân-xương về Phong-châu (tức Mi-linh). Xem như vậy thì Cấm-khê ở đâu mà Vĩnh-khương (Vĩnh-yên) nhưng chưa biết đích là chỗ nào.

Kho sách xưa Quán Ven Đường

huyện Phúc-lộc (nay là huyện Phúc-thọ, tỉnh Sơn-tây). Sau quân Hán lại đuổi đến, thế bức quá, ngày 6 tháng 2 năm ấy (1), hai bà nhảy cả xuống sông Hát (tức là cửa sông Đáy) tự trầm. Các tướng của hai bà là bọn Đô-Dương chạy về huyện Cư-phong ở quận Cửu chân (nay thuộc đất Thanh-hóa) sau bị Mã-Viện đến đánh, phải ra hàng. Thế là nước ta lại thuộc về Tàu.

Quốc-dân thương mến vua Trưng, lập đền lên thờ (2).

Tiên-nho là Ngô-thời-Sĩ có bàn rằng :« Nước ta khi ấy thuộc Tàu đã lâu rồi, phép tắc đã thành khuôn, quan-lại đã thành nếp, dân phục tùng đã quen đi rồi ; người chết mả đã xanh, lòng bực-tức của hậu-sinh đã nguội, dù có ai muốn nổi lên cũng không có đất dụng-vũ ; lại gặp lúc Đông-hán mới trung-hưng, tướng tài không thiếu, ai dám ghẹo hùm trong lúc bây giờ. Thế mà vua Trưng bối tóc đứng lên, người nước tin theo quân Tàu khiếp sợ, hơn 60 thành không ai dám kháng cự, vua tôi nhà Hán ăn ngủ không yên ; tiếng tăm lừng lẫy trong ngoài, sự nghiệp rỡ ràng trời đất, như thế đã là khó. — Trưng-vương là đàn bà mà làm được như thế mới lại càng khó.

« Chị nặng thù chồng, em vì nghĩa chị, tiết-phụ, nghĩa-nữ, họp ở một nhà, như thế mới kỳ ! — Vua vong-quốc hoặc bị bắt hoặc ra hàng, gái tảng-gia hoặc theo người hoặc bị nhục ; mà bà Trưng chị chết vì xã-tắc, bà Trưng em cũng liều với

---

1.) Làng Đồng-nhân mở hội ngày mồng 6 tháng hai. Làng Hát-môn thì tế ngày mồng 6 tháng ba gọi là ngày nóa; bèmấy làng Đồng-nhân cũng tế. Trong sử chỉ chép tháng Giêng thua ở Cấm-khê mà thôi. Vậy ngày tự trầm thực chưa biết đích là ngày nào.

2.)— Đền Hát-môn là chỗ hai bà tự trầm, nên ngày rước không dùng điếu đỏ.— Đền Đồng-nhân ở Mê-mọi là chỗ dân rước được tượng ở dưới sông, đời Lý Anh-tôn mới lập đền. Có làng Phùng-cổng lên rước, làng Thượng-hải tích Thái-bình v.v. và nhiều làng có đến thờ hai bà nữa, không tính hết hết.

Trong bộ Hoa-hồ-sử chép rằng: Đời Lý Anh-tôn, đại hạn, vua sai đảo vũ. Đêm vua mộng thấy hai người đàn bà đội mũ phù-dung, áo vua, đai đỏ, cỡi ngựa sắt, theo gió mưa tới. Vua hỏi thì xưng là hai bà Trưng, vâng mạng trời, làm mưa. Khi tỉnh dậy, Anh-tôn sai sửa lại đền, làm lễ Quốc-tế.

• Kho sách Quán Ven Đường, Chủ quán Huỳnh Chiếu Đẳng•

giang-san, khiến cho vua tôi nhà Hán không được mà cam tâm. dẫu thua cũng còn vinh, dẫu chết cũng không nát, thế mới lại càng kỳ

« Than ôi ! son phai phấn rữa, xưa nay chôn biết mấy hồng-nhan ? Từ bà Nữ-Oa luyện đá vá trời đến giờ, chỉ có chị em Trưng-vương thôi vậy ».

Đồng-trụ

Trong sử chép : Mã-Viện sang ta chuyến này có lập cột đồng để phân giới hạn nước Tàu. Song đồng-trụ ở chỗ nào thì mỗi sách nói một khác.

Sách Thủy-kinh-chú của Lịch-đạo-Nguyên(thế-kỷ thứ năm) nói rằng: Mã-Viện lập kim-tiêu làm giới hạn cực-nam. Kim-tiêu tức là đồng-trụ.

Sách sử đời Tùy (cuối thế-kỷ thứ 6) nói : Lưu-Phương đánh Lâm-ấp, qua đồng-trụ của Mã-Viện, đi về nam 8 ngày nữa đến kinh-đô nước ấy». Như thuyết này thì qua đồng-trụ rồi mới đến Lâm-ấp, ở vào khoảng Nghệ an, Hà-tĩnh chăng ? Sử đời Đường Hiến-tôn (806—820) chép rằng : An-nam Đô-hộ là Mã-Tông lại dựng hai đồng-trụ ở chỗ Mã Viện dựng trước để tỏ là con cháu Mã Viện. (không nói là ở đâu cả). — Sách Thông-Điển của Đỗ-Hựu nói rằng Ở phía nam nước Lâm-ấp, đường thủy đường bộ hơn hai nghìn dặm, có nước Tây-đồ-di, đó là chỗ Mã-Viện dựng đồng-trụ để phân giới hạn. Như thuyết này thì lại qua Lâm-ấp xa rồi mới đến đồng-trụ, ở vào khoảng hết Trung-kỳ giáp Nam-kỳ chăng? Sách Tân-đường thư nói rằng :Lâm-ấp chạy về châu Đà lãng, cái bến lớn ở phía nam châu ấy có 5 đồng-trụ) Quả núi bình như cái rù, phía tây là dãy núi lớn, phía đông là bể. Đó là đồng-trụ của Mã-Viện. Sách Thái bình-hoàn-vũ-ký đời Tống chép rằng Mã-Viện đánh Lâm-ấp, từ quận Nhật-nam đi hơn bốn trăm dặm đến nước Lâm-ấp; lại hơn hai nghìn dặm nữa có nước Tây-đồ-di, Viện đến nước ấy dựng hai đồng-trụ ở chỗ giáp giới huyện Tượng-lâm, chia giới hạn với nước

Tây-đồ đi. Đường thủy đi từ Nam-hải (Quảng-đông) hơn ba nghìn dặm đến nước Lâm-ấp, đến đồng-trụ thì năm nghìn dặm. Mấy thuyết dưới nói tựa tựa như nhau.

Xét trong Giã-sử ta chép rằng. Tỉnh Phú-an có sông Đà-diễn ; phía nam sông ấy có bến lớn ; phía tây bến ấy có núi Thạch-bi, chu vi chừng mười dặm, quả núi này phía tây tiếp rẫy núi lớn (Tràng-sơn = Chaîne Annamitique) núi non chồng chất, phía đông tới bể; trên đỉnh núi có một tảng đá cô cao như chẻ. Cứ như nhời sách Thông-điển, sách Đường-chí v. v. thì đồng-trụ có lẽ ở đây chăng. Song tảng đá trên núi này cao ước 10 trượng, rộng sáu, bầy trượng, rõ ràng là tảng núi thiên-nhiên, không phải sức người dựng lên, tưởng không thể trở làm đồng-trụ được.

Sách Đại-thanh-nhất - thống - chí lại nói rằng : Tương truyền rằng đồng-trụ ở đồng Cổ-xâm về Khâm-châu (Quảng-đông . Viện có thề rằng :«Đồng-trụ chiết, Giao-chỉ diệt» nghĩa là đồng-trụ mà gẫy thì giống Giao-chỉ phải diệt. Vì thế, người Việt qua đó, sợ đồng-trụ gẫy, lấy đá phụ vào, lâu thành gò núi. Như thuyết này thì đồng-trụ lại ở tỉnh Quảng-đông.

Tóm lại là mỗi thuyết một khác, không biết đâu là đích xác cả. Bởi thế nên trong Thủy-kinh-chú chịu nói rằng: non sông dời đổi, đồng-trụ lặn vào bể mất rồi.

Vì đồng-trụ mập mờ như thế nên trong lịch-sử ta đã mấy phen sinh ra vấn đề giao-thiệp với Tàu; đời Trần, người Nguyên lại lấy vấn-đề này làm mối chiến tranh .Ngày nay cũng nhiều người còn muốn tìm cho ra chỗ đồng-trụ, nhưng khó lòng lắm. Không những địa-điểm đồng-trụ mập mờ, cả mục-đích đồng-trụ cũng mập mờ : Theo trong sử thì Mã-Viện đánh được Trưng-vương rồi mới lập đồng-trụ làm giới hạn cực-nam nhà Hán, nếu đồng-trụ để phân giới với nước ta thì Viện đã đánh được nước ta rồi, còn phân giới làm gì ? Chính vì lẽ đáng ngờ ấy mới sinh ra những thuyết đoán-phỏng về sau : Những sách nói rằng đồng-trụ ở Lâm-ấp hay ở Tây đồ.di cũng là những thuyết đoán phỏng, nghĩa là nước Nam bấy giờ đã là đất nước Tàu rồi , phía nam nước Tàu tức là phía nam

nước-Nam, đồng-trụ không phải để phân giới với nước Nam, mà để phân giới với nước Lâm-ấp hay là nước Tây-đồ-di, nói như thế cho khỏi vô lý đó thôi. Nhưng Lâm-ấp và Tây-đồ di bấy giờ đã thành nước gì, chẳng qua là những bộ lạc mán mọi, đối với nước Tàu to lớn bấy giờ có cần gì phải phân giới ? — Mới đây lại có người đoán là đồng trụ để kỷ công. Song thuyết này không có bằng chứng — Trong Trưng-vương-thánh-tích thì nói rằng : Mã-Viện đánh thua mãi, Trưng-vương tuy được nhưng vẫn xin hàng, nộp chức-cống. Viện nhận nhời, lập đồng-trụ và rút quân về. Như thuyết này thì hoặc giả lập đồng-trụ là cái mưu Mã-Viện, để cho yên lòng, chờ khi quân ta trễ nải rồi sang đánh lần sau mới được chăng ? Thánh-tích là chép về sau, lấy ở lời tục truyền, cũng không tin chắc được. Song đem lời tục truyền của ta này hợp với lời tục-truyền của Tàu như trong Đại-thanh-nhất-thống-chi nói trên kia thì cái thuyết đồng-trụ ở Khâm-châu không phải là vô-lý vậy.

Kết cục giặc Mã-Viện

Mã-Viện lấy nước ta rồi, thấy huyện Tây-vu có 3 vạn 3 nghìn hộ, bèn xin chia làm hai huyện là huyện Phong-khê và huyện Vọng-hải. Hán-đế ưng cho. Viện lại lập thành-quách, đặt tỉnh ấp, đắp thành Kiển-giang (1) ở Phong-khê. Ba năm sau Viện mới về Tàu. Trong sử Tàu chép rằng Viện về chuyến này được phong là Tân-tức-hầu, lại nói rằng khi Viện ở Giao-chỉ thường ăn hạt ý-rĩ, vì ăn vào nhẹ mình và trừ được lam chướng, lúc về chở theo một xe ý-rĩ. Sau đi đánh giặc Vũ-lăng, thua chết, bị quan Giám-quân là Lương-Tùng buộc tội ; lại có người nói với Hán-đế rằng : xe chở ở Giao-chỉ về toàn là sừng văn-tê và ngọc minh-châu cả. Hán-đế dận, hạ chiếu thu ấn-tín Tân-tức-hầu. Con cháu sợ không dám đem xác về quê quán. Nhà làm sử Tàu là Ban-Cố hết sức tán-dương Mã-Viện, khiến cho người đọc sử Tàu — cả người Nam ta nữa — đều giận Hán

---

1.)—Thành tròn như tổ kén nên gọi là Kiển-thành. Sách Đại-thanh-nhất-thống-chi nói rằng thành ấy ở huyện Yên-lãng.

quang-vũ và thương cho Mã-Viện hàm oan. Song cứ như lời tục truyền ở nước ta, thì Viện cũng không phải là người tốt. Câu chuyện « giặc Mã-Viện » lưu truyền ở dân ta đã hơn nghìn năm nay, cho đến bây giờ, các ông già bà lão (1) ở khắp chốn hương-thôn vẫn thường nói cho con cháu nghe. Câu chuyện ấy chỉ tóm lại là : « Giặc Mã-Viện sang ta đốt hết nhà, lấy hết của, giết hết đàn ông, cưỡng hiếp đàn bà, nên giống Giao-chỉ tuyệt diệt từ đấy ». Lời tục-truyền tuy có quá đáng, song vì đâu mà nên cái bia miệng như thế? Chắc là Viện không khỏi có tham, có ác, có lấy nhiều của, có giết nhiều người. Vậy thì xa ý-rĩ kia, Viện cũng chẳng oan mấy nỗi. Việc ngoại nghìn năm, xương tàn chín suối, cờ xoay cuộc mới, người khác đời xưa, ta chẳng nên nhắc lại những điều tàn-ác của Mã-Viện để người mình thù ghét người Tàu, nhưng cũng phải biết như thế cho khỏi nô-lệ sử Tàu.

Phụ lục : Hai bà nữ-tướng của Trưng-vương

Cứ trong sự tích bách thần thì vua Trưng còn có hai bà nữ-tướng là bà Lê-Chân và bà Bát-nạn. Bà Lê-Chân là thần đền Nghè ở Haiphong. Nguyên xưa bà là người làng An-biên tên nôm là làng Vẻn, ở huyện Đông-triều, tỉnh Hải-dương, hiện nay họ Lê ở làng ấy hãi còn. Khi vua Trưng nổi lên, bà theo vua Trưng làm nữ-tướng đánh đuổi Tô-Định. Sau vua Trưng thất-thế tự-trầm, bà cũng tự trầm. Về sau, nhân có thần mộng, dân H phòng rước bà về lập đền lên thờ, tức là đền Nghè. Khi ấy Hải phòng mới là nơi tụ tập những thuyền buôn và thuyền đánh cá, chưa thành làng mạc gì ; sau khi có đền rồi mới lập làng và đặt tên làng là Vẻn theo tên làng cũ của bà.

Bà Bát-Nạn là thần làng Tiên-la, về huyện Duyên-hà, tỉnh Thái bình, duệ-hiệu là Bát-nạn-công-chúa, dân miền ấy quen gọi là bà Bát Nàn mà không biết tên húy là gì. Khi Tô Định cai

---

(1.)—Những ông cụ bà cụ này phần nhiều là những người không biết chữ ; chứ những người có học, đã đọc qua sử Tàu thì thường lại cãi bênh cho Mã Viện.

trị Giao chỉ, chồng bà cũng bị giết. bà cầm hai tay hai con dao, đương đêm phá vây đâm giết quân Tô-Định, chạy đến làng Tiên-la, thì trời đã gần sáng, vào chùa, nấp sau lưng tượng. Đêm hôm ấy hương-mục làng Tiên-la và sư chùa ấy thấy Phật báo mộng rằng chùa có công-chúa đến. Sáng ngày ra sư tìm trong chùa, thấy bà máu mê đầy mình, quần áo nhuộm sơn. Sư hỏi thì bà không nói, xuống ao tắm gội rồi xin thụ pháp ở chùa. Sau nghe tin bà Trưng khởi binh, bà ra ứng mộ, đem quân tiền-khu, hiệu là Nữ-nương-tương-quân. Đánh được Tô-Định rồi, bà lại về ở chùa Tiên-la ; sau tự nhiên vô bệnh mất ở đó. Dân xã ấy lập đền lên thờ, mỗi năm đến 16 tháng Ba mở hội to lắm.

Hai truyện này trong các sử đều không chép ; chỉ có bộ Hoàng-việt-họa-hồ sử của ông Huấn Nghĩa-Phong có một câu nói : nữ tướng là Lê-Chân cũng được phong thưởng mà thôi. Truyện thần-tích có nhiều điều không thật, song trong những điều không thật cũng có điều có thể tin được. Người đọc sử nên tự chọn lấy.

Này vua Trưng là nữ lưu khởi lên, thế nào không có nữ-lưu ra làm quân làm tướng ? Tô-Định giết hại nhiều người thì vợ người chết, con người chết, thù Tô-Định mà theo vua Trưng hẳn cũng nhiều, không những hai bà này, chắc còn nhiều bà cũng có. Nhưng thương ôi ! nước đã thuộc người, làm gì có sử, trong thời-kỳ bắc thuộc, mai-một biết mấy anh-hùng ! Như hai bà này cũng còn là may vậy.

THUỘC TÀU LẦN THỨ HAI

(44 — 187)

Chính-trị nhà Đông-hán

Sau khi Mã Viện đánh được vua Trưng, lấy đất Giao chỉ thuộc về Đông hán rồi, dân Giao-chỉ lại càng khổ sở. Các quan Thứ-sử Thái-thú phần nhiều là bọn tham tàn, lấy của không biết chán. Từ năm Vĩnh-hòa đời Hán Thuận đế(136), cho quan Thứ-sử Giao chỉ có quyền đô-giám quận huyện, quyền hành lại càng to. Thuế khóa đã nặng, rao-dịch lại nhiều, cùng khổ không có chỗ kêu, dân Giao-chỉ bấy giờ không khác gì thân trâu-ngựa. Mạnh ăn thịt yếu, còn ai biết nhân-đạo là gì? Tuy nhiên, áp chế lắm thì phản-động nhiều, gia dĩ sau khi Vua Trưng quật khởi, dân-khí không đến nỗi tiêu trầm, nên cuộc phản-kháng cũng khởi lên luôn luôn, ấy cũng là lẽ tất nhiên vậy.

Những cuộc phản-kháng của nhân-dân

Các cuộc phản-kháng, kể thứ tự trước sau như sau này :

1e — *Cuộc phản-kháng của dân Nhật-nam.*—Năm Nhâm-dần (89) đời Hán Hòa-đế dân huyện Tượng-lâm về quận Nhật-nam hơn 3 nghìn người khởi lên, đốt phá quan-tự. Sau các quận huyện đem quân đến đánh, những tay cừ-súy bị giết, còn quân phải ra hàng.

2e—*Cuộc phản-kháng của dân Tượng-lâm — Khu-Liên dựng nước Lâm ấp.*—Năm Đinh-sửu (137) đời Hán Thuận-đế, người ở huyện Tượng-lâm, quận Nhật nam, tên là Khu-Liên đem mấy nghìn người đánh huyện Tượng-lâm, đốt thành tự, giết Trưởng-lại, lấy đất bộ Việt-thường (Quảng-bình, Quảng trị) khi xưa, tự lập làm Lâm-ấp quốc-vương, ở thành Điền-sung. Ấy là thủy-tổ nước Lâm-ấp mà sau này là nước Chiêm-thành vậy.

Trong những cuộc phản-kháng quan Tàu về thời kỳ này thì có cuộc này là to hơn cả. Quan Thứ-sử quận Giao-chỉ bấy giờ

là Phàn Diễn phát quân hai quận Giao-chỉ và Cửu-chân cả thảy hơn một vạn người đi cứu. Song quân-sĩ vừa ngại đi đánh xa vừa ghét chính trị tham tàn, lại quay đánh lại phủ Thứ-sử Phàn-Diễn tuy đánh vỡ được bọn linh này, nhưng quân-thế Khu Liên vì đó càng ngày càng thịnh. Sang năm sau, Hán sai Giả-Xương sang sứ quận Nhật-nam, cùng các châu-quận hợp sức đánh Khu-Liên cũng không được, lại bị Khu Liên vây hơn một năm ; quân lương không tiếp ứng được. Hán đế lấy làm lo, phải triệu tập Công, Khanh, bá-quan, tứ phủ bàn hỏi phương-lược. Coi vậy đủ biết cái thanh-thế Khu-Liên bấy giờ, mà giống Chiêm-thành cũng không đến nỗi hèn vậy.

Cuộc hội-nghị của triều-đình Hán này, các quan đều bàn đem bốn vạn quân Tàu sang đánh. Nhưng có Lý-Cố bác đi. Và bày cách « lấy man-di đánh man di ». Đại khái Cố bàn rằng : Nam-châu là nơi khí-hậu thấp-nhiệt, lam-chướng nặng nề. Quân-sĩ đi hàng muôn dặm, nhọc mệt lắm, phí-tổn nhiều ; đến nơi kẻ thì chết chóc, người thì ốm đau, không thể dùng được nữa, lại phải tiếp quân khác, làm như thế là «cắt ruột gan mà vá tứ chi». Ngày trước Ích-châu có giặc. Doãn-Tựu đem quân đến đánh mà Ích-châu thành câu ngạn ngôn rằng : « Giặc đến còn khá, Doãn đến giết ta ». Sau đời Tựu về, giao quân cho quan Thứ-sử ở đấy là Trương Kiều, Kiều dùng tướng-lại ở đấy, chỉ khéo khu-xử mà giẹp yên được giặc.

Vậy xin kén người có dũng-lược, có nhân-huệ, ở thể làm tướng soái được thì dùng làm Thứ-sử và Thái-thú, và cho ở cả quận Giao chỉ. Hiện nay quận Nhật-nam quân ít, lương hết, đánh không được, giữ không xong, nên dời cả lại-dân về quận Giao chỉ ; sau khi dẹp yên được giặc rồi, sẽ lại cho về. Đoạn rồi, các quan cứ « mộ quân man-di, giúp tiền của cho nó đánh lẫn nhau, treo giải thưởng đứa nào phản-gián lấy được đầu giặc thì được phong-hầu làm quan ». Ấy cái cách của Lý-Cố là thế.

Hán đình nghe lời bàn của Lý-Cố, dùng Trương Kiều làm Thứ sử quận Giao-chỉ, Chúc-Lương làm quan Thái-thú quận Cửu-chân. Kiều và Lương đến nơi, cứ y phương pháp mà làm,

chẳng mấy lúc quân giặc nửa hàng nửa tan hết cả, nước Lâm ấp lại tuyệt. Cái thế lực kim tiền và quan tước, diệt nước người ca cũng dễ lắm thay.

3e *Cuộc phản-kháng của dân Nhật-nam.— lần thứ hai.*— Năm Giáp-thân (144) đời Hán Thuận-đế, hơn nghìn người quận Nhật-nam lại khởi lên đánh đốt huyện thành, lại liên kết với dân Cửu-chân nữa. Sau quan Thứ-sử Giao-chỉ là Hạ-Phương dùng ơn chiêu dụ, chúng ra hàng cả.

4e *Cuộc phản-kháng của dân Nhật-nam.— lần thứ ba.* — Chu-Đạt là người huyện Cư-phong, quận Nhật nam (nay thuộc Thanh-hóa), nhân thấy quan lệnh huyện Cư-phong tham bạo không chán, Đạt bèn khởi lên đánh giết quan huyện lệnh. Đạt có quân đến bốn năm nghìn người, tiến lên đánh quận Cửu-chân. Thái-thú quận Cửu-chân là Nghê-Thức chết trận. Hán sai quan Đô-úy quận Cửu chân là Ngụy-Lãng đến đánh. Đạt bị thua nhưng còn đóng giữ quận Nhật-nam, mà thế quân lại cường thịnh hơn lên. Đến năm Canh-tí (160) Hán Hoàn-đế lại sai Hạ-Phương làm Thứ-sử. Phương lại lấy ơn chiêu-dụ, hơn hai vạn quân Chu-Đạt đến Phương xin hàng.

5e *Cuộc phản-kháng của dân Giao-chỉ và dân Hợp-phố.*— Cũng đời Hán Hoàn-đế, các quận Giao-chỉ, Hợp-phố cùng mán Ô-hử (1) khởi cuộc phản-kháng. Mục-thú là Chu-Ngung đánh không được. Người bản-châu là bọn Lương-long nhân đó khởi lên đánh phá quận huyện, quân Long đông đến mấy vạn người. Đến năm Tân-dậu (181) Hán (Linh-đế sai Chu-Tuấn cứu Chu-Ngung. Tuấn qua quê nhà, mộ gia-binh hợp với quân bản-bộ chia hai đạo tiến. Khi mới đến chỗ giáp giới, Tuấn đóng quân lại, cho người do-thám, và tuyên dương uy-đức để chấn động lòng dân, đoạn mới hợp quân quận cùng tiến. Lương Long thua bị giết, mấy vạn quân phải ra hàng.

(1.—Sách Hậu-Hán thư chép rằng : Ô-hử là tên đất ở phía nam Quảng châu, phía bắc Giao-châu. Người mán ở đây thường nhóm bành khách đi qua hà đánh chết, không cắt lấy của, cắt lấy thịt người làm món ăn, gọi là Hàm-nhân-quốc.

6e Cuộc phản-kháng của linh Giao-chỉ.— Nguyên đất Giao chỉ vốn sản nhiều vật quí : ngọc trai, lông trả, sừng tê, ngà voi, đồi mồi, xà-cừ, hương lạ, gỗ tốt, đã nổi tiếng ở bên Tàu. Các quan Thứ-sử thấy của động lòng tham. Ai cũng coi mấy năm làm Thứ-sử là một dịp làm giầu, sách nhiễu cho đầy túi rồi lại thiên đi nơi khác. Đến đời Thứ-sử là Chu-Ngung lại càng quá tệ. Lại dân không thể chịu được, quân-sĩ cũng sinh lòng nghĩa-phẫn. Năm Giáp-tí (184) đời Hán Linh-đế, bọn lính đồn Giao-chỉ khởi lên bắt Chu-Ngung đem giết, rồi sai người sang kể tội Ngung ở Hán đình. Hán-đế thấy thế bèn sai Giả-mạnh-Kiên (tức là Giả-Tông) sang làm Thứ sử. Mạnh-Kiên đến nơi hỏi tại sao lại làm phản ? Chúng đều nói rằng : Tại quan trước phú-liễm nặng nề, thu vét không chán, trăm họ cùng khốn không thể chịu được, kinh-sư thì xa, không biết kêu vào đâu, nên có họp nhau để cự lại đấy thôi. Không phải là làm phản. Mạnh-Kiên bèn chia người đi úy dụ các nơi cho dân yên nghiệp, chiêu phủ kẻ trốn tránh, tha giảm thuế-khóa, chỉ trị mấy kẻ làm đầu thôi. Dân lại được yên

7e Cuộc phản-kháng của dân các quận.— Cuộc này ở đời Hán Hiên-đế, vào khoảng cuối thế kỷ thứ hai : Nhân Thứ-sử là Chu-Phủ đem người làng ra cho làm trưởng-lại các nơi, vơ vét của dân—một con cá vàng kép đánh thuế một hộc thóc — dân đều oán dận mới nổi lên đánh châu phá quận. Phủ chạy về miền bể, bị dân-quân bắt giết. Song đây đã là đời Sĩ-Nhiếp làm Thái-thú rồi, chẳng mấy lúc lại yên ngay.

Cũng vào thời-kỳ này còn mấy quan Thái-thú bị nạn nữa : Một là quau Thái thú Nhật-nam tên là Hoàng-Cái, khi vừa đáo nhậm, vì cớ cung-thiết không được hậu, đánh chết một người chủ-bạ. Dân ở đấy bèn khởi lên đuổi Cái đi... Một là quan Thái thú quận Cửu-chân tên là Đam-Manh, nhân một tiệc rượu ở nhà bố vợ tên là Chu-Kinh có người Công-tào tên là Phiên-Hâm chén say dậy múa, kéo Kinh cùng múa ; Kinh không chịu dậy, Hâm cưỡng bách mãi, Đam-Manh làm chủ trong tiệc ấy, thấy vậy nổi khùng, nọc Hâm ra đánh. Em Hâm là Phiên-Miêu đem quân đánh phủ, giết Manh

Song mấy việc này là việc nhỏ mọn và coi như không phải là việc công-phẫn, nên không kể là cuộc phản-kháng.

Những quan Tàu có tiếng

Trong khoảng hơn một trăm năm này không phải là không có những quan Mục-thú có tiếng tuần-lương. Cứ trong sử Tàu thì đời Hán Minh-đế (58—74) có ngươi Lý-Thiện làm quan Thái-thú quận Nhật-nam biết yêu dân, hay làm ơn huệ.

Cuối đời Hán có ngươi Mạnh-Thường làm quan Thái-thú quận Hợp-phố. Hán-sử chép rằng : « Quận Hợp-phố không có thóc gạo mà bề sản ngọc trai, dân chỉ có nghề mò trai đổi gạo. Các Thái-thú trước phần nhiều là tham tàn, bắt ép dân lấy không chừng mực, ngọc trai mới dời sang quận Giao chỉ. Mạnh-Thường đến nơi, cách bỏ tệ trước. Hơn một năm ngọc trai lại về (1). Ngoài ra chỉ còn có Hạ-Phương lúc đánh Nhật-nam thấy nói rằng lấy ơn chiêu dụ, và Giả-mạnh-Kiên sau cuộc loạn lính đồn Giao chỉ, tha giảm phú-dịch cho dân. Có thế mà thôi. Hơn trăm năm mà có 4 người như thế, ít ỏi lắm thay ! Trong bốn người ấy thì ba người làm quan hoặc sau mấy kẻ tàn ác, hoặc sau một cuộc loạn-ly ; đói dễ cho ăn, khát dễ cho uống, sau kẻ ác, sau cuộc loạn thì dễ làm điều nhân, hơi nới một chút, dân đã ca tụng rồi nên cũng dễ mua được tiếng tốt. Trong ba người ấy lại có chuyện Mạnh-Thường-châu về Hợp-phố-hình như là lời tưng bốc của sử Tàu, không thể tin được. Bàn cho nghiêm ra thì người thật tuần-lương còn được là mấy ? Tuy nhiên, trong một lũ toàn là người tham tàn, có mấy người kha khá, tưởng cũng nên lấy làm quí. Mỗi lần có người kha khá như thế dân lại được một hồi yên nghỉ làm ăn, vậy mấy người ấy cũng đáng gọi là ơn-nhân của dân Giao-chỉ ; cũng nhờ có những người kha khá như thế mà thuộc-địa của Hán càng bền vững, vậy mấy người ấy lại chính là công-thần của Hán-đình. Tiên-nho Ngô-thời-Sĩ có bàn rằng : Nếu Thứ-lịnh đều như những người này cả thì dân ta còn làm phản làm gì ?

1.) – Cái điển « châu về Hợp phố » là gốc ở đây.

Người Việt làm quan Hán

Từ khi Giao-chỉ thuộc về Hán rồi, người Việt không được ra làm quan Hán. Xét ra người Hán bạc đãi người Việt cũng có mà người Việt ít học-thức, không biết yêu cầu cũng có. Thế-lực đã kém, văn-minh lại khác, sự khinh-thị đã sẵn có ở lòng người, nếu lại không chịu học hành cho khá, thì sao cho người ta trọng được ? Ngôn-ngữ đã khác, tình ý không thông, học-lực lại kém thì dù có ý-nguyện cũng không dám bày tỏ hoặc không biết đường mà bày tỏ : « ai khô g đòi là không được » cũng là lẽ tự nhiên. Xem mấy việc sau này thì biết :

Đời Hán Minh-đế (58 –74) có người Trương-Trọng người quận Hợp-phố, chăm học, khéo nói, được quan Thứ-Sử cử làm chức tòng sự (là một chức thuộc-lại) quận Nhật-nam. Khi vào kinh dâng sổ, Minh-đế thấy người thấp bé, hỏi rằng : « Kẻ tiểu-lại ở quận nào thế ? ». — Trọng cảng cổ thưa rằng : « Thần là kế-lại quận Nhật-nam, không phải là tiểu-lại. Bệ-hạ muốn được người tài, hay chỉ cần xương đo thịt ? ». — Minh-đế lấy làm phải. Đến ngày tết nguyên-đán, các quan đại-hội. Minh-đế hỏi Trọng rằng : « Gọi là quận «Nhật-nam», vậy người ở đấy quay về phía bắc mà trông mặt trời à ? ». — Trọng thưa rằng : « Quận ; có quận tên là Vân-trung, không chắc đã ở trong mây ; có quận tên là Kim-thành, chưa chắc đã là thành vàng. Có danh chưa hẳn đã có thực cả. Quận Nhật-nam, mặt trời cũng mọc bên đông mà thôi. Có rằng khí-hậu ấm-áp ; mặt trời đứng giữa đầu ; quan với dân ăn ở tùy tình, đông, tây, nam, bắc, muốn hướng chiều nào thì hướng, thế thì « nhật-nam » nghĩa là « nhật-vực ở phương nam » vậy. Minh-đế lại càng trọng, thưởng cho vàng lụa ; Sau Trọng được làm đến Thái thú quận Kim-thành.

Đời Hán Linh-đế (168 –189) có người Lý-tiên, người huyện Cao-hưng đất Giao chỉ, người thông-minh, học thông kinh-truyện, được bổ làm chức công-tào (cũng là chức thuộc lại) ở quận ấy, rồi thiên dần đến chức Ky-đô-úy. Sau có giặc kinh-man, Tiên được làm Thái-thú Linh lăng (nay thuộc Hồ-nam)

đánh phá được giặc Kinh-mau. Đến khoảng năm Trung-bình (184) được thay Giả-mạnh-Kiên làm Giao chỉ Thứ-sử. Thế là người Việt được giữ toàn quyền cai trị đất Việt. Lý-Tiến nhân tâu với Hán-đế rằng : Đân cũng là đất nhà vua, ai cũng người nhà vua, mà quan trong triều toàn là người Trung-châu cả chưa thấy tưởng-khuyến đến người xa... Lời lẽ cảm-động thiết tha. Hán-đế bèn hạ chiêu chọn những người có chân Hiếu-liêm và Mậu-tài làm lại-thuộc ở châu mình thôi, chứ không được làm quan trong nước Tàu. Lý-Tiến lại dâng sớ xin cho những người Hiếu-liêm ở bản-châu cứ lên được cùng các bác-sĩ 12 châu nước Tàu lấy nhân-tài vào đình-đối. Song các quan sợ rằng người ngoài vào đình-đối, chê bẻ Trung triều, nên bác đi không cho. Khi ấy lại có người Giao-chỉ tên là Lý-Cầm đương làm lính túc-vệ ở trong điện, dủ năm, sáu người bản châu là bọn Bốc-long, giữa ngày tết nguyên đán ra phục trước điện đình mà kêu cầu rất khẩn-thiết. Hán-đế cho một người Mậu-tài bản xứ làm quan lệnh huyện Hạ-dương (nay thuộc Thiểm-tây) và một người Hiếu-liêm làm quan lệnh huyện Lục hợp (nay thuộc Giang-tô Sau Lý-Cầm làm quan đến Tư-lệ-hiệu úy. Người Việt được làm quan Hán, tự mấy người này mở đường ra vậy. Coi đó biết người có học thì không ai khinh được ; biết phép mà yêu-cầu quyền lợi cho phải đường thì không ai ngăn cấm được.

Nhân đây ta biết cái tư-tưởng kỳ-thị Hán-Việt của người Tàu thực là thâm cố : Từ Hán Vũ-đế đánh Triệu cho đến hồi nay đã mấy trăm năm, đất Giao chỉ đã thành hẳn đất Tàu, người Giao-chỉ với người Tàu đã là người cùng nước mà vẫn còn kỳ-thị chưa thôi, cái tư-tưởng ấy thực là cái ngộ điểm lớn. Xem như sau này, Khương-Công-Phụ làm quan đến Tể-tướng nhà Đường đức hạnh công danh còn vẻ vang trong Đường-sử, người Việt có kém gì người Hán ? Chẳng qua kỳ-thị thâm chỉ đủ gây cái ác cảm cho hai dân tộc ; nước Việt-nam không nhập với nước Tàu há không phải cái tư-tưởng hẹp hòi kia đã làm cái trường-thành phân rẽ ra ư? -Hoặc có kẻ hỏi : Quảng-đông, Quảng-tây cũng là đất Giao-chỉ, cũng bị kỳ-thị như thế, sao Lưỡng Quảng nhập

với Tàu, người Lưỡng-Quảng ngày nay tự nhận là người Tàu ?— Cái đó còn nhiều nguyên-nhân khác ; sự quan-hệ về đạo-lý, về thời thế có khi thắng được sự quan-hệ về tâm lý kia, vá cái tư- ưởng kỳ-thị từ đây cũng đã bớt dần ; sau khi Giao-châu qua mấy phen kháng cự đã lập riêng một nước rồi, thì người Tàu đối với người Quảng-châu, cái tư tưởng ấy cũng đã tan hết. Cái tư-tưởng kỳ-thị giống nòi đã hết thì quốc-giới tự khác phải iêu. Ôi ! cùng là loài người cả, càng phân biệt lắm, càng họa- ại nhiều. Muốn gột rửa cái tư tưởng kỳ-thị giống nòi, ấy là quyền ở người thắng thế.

SĨ - VƯƠNG

(188 — ?226)

Sĩ-vương là quan **Thái-thú quận Giao chỉ, dân Giao-chỉ tô** lên gọi là **Sĩ vương. Sách Đại-Việt-sử-ký cụ Ngô-sĩ Liên ché** là **một triều. Sách Việt-sử-khâm-định bác đi, nói rằng Sĩ-Nhiế** là **một quan Thái-thú, chưa từng xưng-vương, chép làm mộ triều thì không hợp với nghĩa lệ sử.**

Kể ra **Sĩ-vương tự mình chưa từng xưng vương thật. Theo l** Việt sử-khâm-định thì không thành là một triều vua. Song Sĩ vương dạy cho dân học, giữ cho dân yên, dân Giao-chỉ yêu mộ tôn lên làm vua. Nếu ta lấy dân làm trọng thì ông vua do dân yêu mà tôn lên còn quí hơn ông vua bắt ép dân phải tôn lên Bởi thế sách này đặc-cách theo Đại-Việt-sử-ký chép Sĩ-vương là một triều, cho biết dân ta xưa nay tuy chưa có quyền đặt vua theo hiến-pháp, nhưng cũng có quyền đặt vua trong tâm-hồn.

Gốc tích Sĩ-vương

Sĩ-vương tên là Nhiếp, tự là Ngạn-uy. Tiên-tổ nguyên là người nước Lỗ (Sơn-tây), đến lúc Vương-Mãng cướp ngôi nhà Hán, mới tránh loạn sang Giao-chỉ ở huyện Quảng-tín, quận Thương-ngô, từ đời ông tổ sang ở quận Giao-chỉ đến đời Sĩ-vương là 6 đời : Thân-phụ Sĩ-vương tên là Tứ làm quan Thái-thú quận Nhật-nam. Sĩ-vương lúc còn nhỏ vào du học ở kinh-đô nhà Hán, theo Lưu-tử-Kỳ ở Dĩnh-xuyên học sách Tả-thị-xuân-thu, đỗ Hiếu-liêm, được bổ chức Thượng-thư lang, vì việc quan phải đắc cách, rồi về chịu tang cha. Khi hết tang lại đỗ Mậu-tài, được bổ làm quan Lệnh Vu-dương, rồi thiên sang làm Thái-thú quận Giao-chỉ. Hán Hiến-đế phong cho là Long-độ đình-hầu.

Sĩ-vương tính khí khoan hậu, nhún nhường trọng sĩ, học vấn đã rộng rãi, chính trị lại khôn ngoan, gặp đời Tam-quốc loạn-ly mà giữ riêng một cõi thái-bình, lữ-khách nhờ ơn, nhân dân yên nghiệp, lại chăm việc dạy bảo khai hóa cho dân, nên dân bản-

thổ yếu mến mà tôn lên là Sĩ-vương. Và cũng vì Sĩ-vương chăm chỉ việc học nên đời sau lại gọi là « Nam-giao học-tổ ».

Việc đổi Giao-chỉ làm Giao-châu

Xưa kia Hán vẫn coi Giao chỉ là đất ngoại thuộc, nên chỉ gọi là Giao-chỉ, không đặt làm châu. Đời Hán Thuận-đế, năm Bính-tý (136), Chu Xưởng làm thứ-sử đã xin lập làm châu nhưng Hán không cho. Đến đây, Sĩ-vương làm Thái-thú quận Giao-chỉ cùng với quan Thứ-sử Giao chỉ bấy giờ là Trương-Tân cùng làm biểu xin lập làm châu. Hán Hiến-đế ưng cho, đổi Giao chỉ làm Giao-châu, mà phong Trương-Tân làm Giao châu Mục. Từ đấy mới có tên Giao-châu mà đất Giao-châu mới bình đẳng như các châu khác nước Tàu.

Thế-lực Sĩ-vương

Nguyên quan Thứ-sử trước Trương-Tân và Chu-Phù vì tham tàn quá bị dân bản xứ khởi lên giết đi. Sĩ-vương bấy giờ làm quan Thái thú quận Giao-chỉ thấy các châu quận đều rối loạn, bèn dâng biểu xin cho ba em : Một người tên là Nhất lĩnh chức Thái-thú quận Hợp-phố ; Một người tên là Vĩ, lĩnh Thái-thú quận Cửu-châu ; Một người tên là Vũ lĩnh Thái-thú quận Nam-hải. Thế là bốn anh em làm Thái-thú bốn quận. Đến năm Đinh-hợi(207), quan Thứ-sử là Trương Tân lại bị người tướng chân tay là Khu Cảnh giết mất (1). Khi ấy nước Tàu đương loạn, trong triều thì Tào-Tháo lộng quyền, ngoài thì châu quận nổi lên chống với Tào-Tháo. Quan Mục Kinh-châu là Lưu-Biểu muốn nhân cơ hội chiếm lấy đất Giao-châu, bèn sai Lại-Cung sang thay Trương-Tân. Hán được tin ấy bèn phong cho Sĩ-vương chức Tuy-nam trung-lang-tướng, lĩnh chức Thái-thú quận Giao chỉ như cũ mà được quyền đồng-đốc cả bầy quận. Ý nhà Hán là dùng Sĩ-vương cự Lại Cung, giữ Giao châu cho khỏi vào tay Lưu-Biểu. Cũng may cho Sĩ-vương : không mấy lúc Lai-Cung với Thái thú quận Thương-ngô là Ngô-Cự

(1.)— Trương-Tân mê tín quỉ-thần, thường trùm khăn đỏ, gảy đàn đọc đạo-thư.

cũng là người của Lưu Biểu) hai người bất bình với nhau. Cu đem quân đuổi Cung về Linh-lăng. Sĩ-vương lại sai người sang cống nhà Hán. Hán lại phong cho Sĩ-vương là An-viễn-tướng quân và tức là Long-độ-đình-hầu. Thành ra Sĩ-vương vẫn l Thái-thú quận Giao chỉ mà hùng trưởng cả Giao châu. Từ đ Sĩ-vương uy tôn vô-thượng, sĩ-dân qui trọng, Man-di sợ hãi nghi vệ như thiên-tử vậy.

Việc giao-thiệp với Ngô

Việc Lưu-Biểu tranh Giao-châu thì Sĩ-vương không khó nhọ gì. Nhưng được mấy năm lại phải giao-thiệp với Ngô Tôn Quyền. Sau trận Xích-bích rồi, Tôn-Quyền hùng cứ phươn Đông-nam, lập lên nước Ngô. Giao-châu với Hán thì xa, vớ Ngô thì gần, hình như là đất của Ngô rồi vậy. Năm Canh dầ (201), Ngô Tôn-Quyền sai Bộ-Chất sang làm Thứ-sử Giao châu. Sĩ-vương liệu không thể cự được, bèn đem cả ba em l các quan Thái-thú Hợp-phố, Cửu-chân và Nam-hải ra đón Thứ sử, vâng chịu tiết chế. Ngô bèn phong cho Sĩ-vương là Tả tương-quân Sĩ-vương lại sai con là Sĩ-Hâm sang Ngô làm tin Ngô phong cho Hâm làm Thái-thú quận Vũ-xương. Các co cháu Sĩ-vương ở phương nam đều được phong là Trung-lang tướng. Sĩ-vương lại dụ những người thổ-hào ở Ích-châu là bọn Ung-Khải về phụ Đông-Ngô. Tôn-Quyền lại càng khen, gia phon cho là Vệ-tương-quân, tức là Long biên-hầu, lại phong cho Sĩ Nhất (con Sĩ-vương) chức Thiên-tương quân, tức Đô hương-hầu Sĩ-vương thường cho sang cống bên Ngô rất hậu, những đ hương liệu, vải gai, ngọc trai, đồi mồi, lưu ly, lông trả, tê tượng và các thứ quả lạ, chuối, dừa, long-nhãn v. v. khôn năm nào không mang sang, lại cống ngựa đến mấy trăm con Lần nào Quyền cũng làm thư cám ơn và tặng lại cũng nhiều.

Có người thấy Sĩ-vương nay Hán mai Ngô, chê là người nhu mị. Song ở đời Tam quốc loạn-ly giằng xé như bây giờ, nếu S vương không-thế thì sao có bảo toàn được dân Giao-chỉ mấy mươi năm không phải nạn binh đao ? Dân hẳn không muốn dự những cuộc chiến tranh không quan hệ đến quyền lợi của mình

Sĩ-vương không đem dân đi làm hi-sinh cho sự tranh quyền vị riêng, mua danh giá hão, ấy là phúc cho dân Giao chỉ vậy. Ta nên tính cái lợi hại của công-chúng, còn cái tư cách riêng của Sĩ-vương đối với nhà Hán có kể làm gì !

Sĩ-vương cầm quyền chính được 40 năm đến năm Bính-ngọ 226) thì mất (1), hưởng thọ 90 tuổi.

1.)— Trong Đại-việt-sử-ký nói rằng ; Trước kia Sĩ-vương đã một-lần bị bệnh chết đi ba ngày, may gặp một người tiên tên là Đổng-Phụng cho một viên thuốc, mài vào nước đổ cho rồi cầm đầu lay một lúc thì lại sống lại.

Tục lại truyền rằng : Sau khi Sĩ-vương chết, đến cuối đời nhà Tấn đã ngoài một trăm sáu mươi năm, giặc Lâm-ấp vào cướp Giao-chỉ, đào mả Sĩ-vương lên thấy còn tươi nguyên như người sống, chúng cả sợ lại lấp đi tử tế. Dân bản-thổ cho là thần, lập miếu lên thờ, gọi là Sĩ-vương tiên.

THUỘC TÀU LẦN THỨ BA

(226 — 544)

Họ Sĩ thất thế

Năm Bính-ngọ (226), Ngô Tôn-Quyền nghe tin Sĩ vươ mất rồi, bèn lấy đất Giao-châu chia làm hai châu : Từ Hợ phố trở về bắc là Quảng-châu, dùng Lã-Đại làm Thứ sử Hợp-phố trở về nam là Giao-châu, dùng Đới-Lương làm Th sử ; lại sai Trần-Thời sang thay Sĩ-vương làm thái-thú qu Giao-chỉ.

Đới-Lương và Trần-Thời cùng sang đến Hợp phố, thì ở Gi chỉ, con Sĩ-vương là Sĩ-Huy đã tự đặt mình làm Thái-thú và phát binh chống cự Đới-Lương. Lương phải đóng Hợp-phố

Có người Cô-lại Sĩ-vương là Hoàn-Lân vào can Sĩ-Huy. Huy giận đánh Hoàn-Lân chết. Anh Hoàn-Lân là Hoàn-Trị quân trong họ đánh Huy. Huy đóng cửa thành cố thủ. đánh mấy tháng không vào được, bèn giảng hòa ; đôi bên c bãi binh, nhưng khí lực đã mỏi mệt rồi. Khi ấy Lã-Đạ Quảng-châu được chiếu của Ngô-vương sai sang giết H Đại dỗ con Sĩ-Nhất (em Sĩ-vương) là Sĩ - Khuông cho khuyên Sĩ-Huy ra thú tội, dù không được làm quan c không tội vạ. Khuông về trước, Đại theo sau. Huy nghe Khuông đem anh em cả thầy 6 người cùng ra rước Đại Đại. lạo cùng kéo về quận. Sáng mai, đặt trưởng mời anh em l vào Lúc tân-khách đương đông, Đại đứng dậy, tay cầm tiết, miệng đọc tờ chiếu, kể tội Huy, rồi sai trói đem chém đầu về Ngô. Bọn Sĩ-Nhất, Sĩ Vĩ, Sĩ-Khuông, và Sĩ-I đương làm tin ở bên Ngô đều phải miễn làm thứ dâ. l năm sau Nhất và Vĩ phải tội chết, Sĩ-Khuông và Sĩ-Hâm c chết, thế là họ Sĩ suy vong vậy.

Khi Sĩ-Hâm chết rồi, Hoàn-Trị cùng các tại-dân nổi lên đ Đại. bị Đại đánh thua. Đại tiến quân đánh quận Cửu-chân

; vừa bắt đến hàng vạn người. Các nước Phù-nam, Lâm-ấp Đường-minh đều thần phục về Ngô cả. Ngô dùng Lã Đạt ı Giao-châu Mục và bãi Quảng-châu, lại để Giao-châu như ớc.

Triệu Ẩu

Năm Mậu thìn (248) niên hiệu Xích ô thứ 11 đời Đông-Ngô, uận Cửu-chân có người đàn bà gọi là Triệu Ẩu khởi binh nh nhau với quân Ngô.

Theo sách Thanh-hóa-ký-thắng thì bà Triệu-Ẩu tên là thị nh, người ở huyện Nông cống.

Bà ấy là người dũng-mãnh (1), can đảm, có chí-khí và nhiều ru-lược. Thuở nhỏ bồ côi cha mẹ, ở với anh là Triệu quốc- t ; Đến năm 20 tuổi, phải người chị dâu ác nghiệt, bà ấy giết (2) rồi vào ở trong rừng, chiêu mộ được hơn 1.000 tráng-sĩ làm thủ-hạ. Ông anh thấy thế thường can em, thì bà ấy nói ıg : « Em muốn cưỡi gió, đạp sóng, chém cá kình ngoài bể ng, quét sạch bờ cõi để cứu muôn dân khỏi vòng đắm đuối, ứ không thèm bắt chước người đời khom lưng cúi cổ đi làm hiếp người ta ! ».

Năm mậu thìn (248), vì quan lại nước Ngô tàn ác, dân-tình ổ-sở, ông Triệu-quốc-Đạt mới khởi binh lên đánh Cửu-chân. ấy đem quân ra đánh giúp anh, quân sĩ Triệu-quốc-Đạt thấy ấy mạnh giỏi bèn tôn lên làm chủ. Bà ấy ra trận thường cưỡi , vận áo giáp vàng, đi giẻp ngà, tự xưng là Nhị-kiều-tượng-ân (3).

1.) — Có sách chép rằng vì bà ấy dữ lắm nên bấy giờ mới thành câu ạn ngôn rằng : « Không quyền tróc hổ dị, đối diện Bà-vương nan » (Cọp không còn có thể bắt, mặt vua bà không ai dám trông ?)

2.) — Có sách chép rằng vì chuyện này nên mới có câu ngạn ngữ giặc bên Ngô không bằng bà cô bên chồng. »

3) — Sách Thái-bình-hoàn-vũ-ký của Tàu chép rằng : Trong miền Cửu-châu có người con gái họ Triệu, vú dài ba thước, thải lại sau ng, không lấy chồng, kết đảng đánh phá quận huyện. Thường mặc áo ip vàng đi giẻp ngà, cưỡi voi đốc chiến, chết làm thần.

Khi ấy quận Cửu-chân còn nhiều đám khác cũng khởi chống cự quân Ngô. Tôn-Quyền mới sai Lục-dận (con Lục-T sang làm Thứ-sử. Dận lấy ơn-tín phủ-dụ, các đám khác hàng cả ; Duy có bà Triệu-Ẩu không chịu ra hàng, đánh đến năm, sáu tháng, quân Ngô thua nhiều trận, phải sợ mà là « vua bà Lệ-hải ». Nhưng vì quân ít thế cô, đánh mãi ci phải thua, bà ấy đem quân chạy đến xã Bồ-điền (nay là xã P điền) thì tự tử. Bấy giờ mới có 23 tuổi.

Sau Lý Nam-đế sai lập đền thờ. Hiện nay đền ở xã Phú đi huyện Mĩ-lộc, tỉnh Thanh-hóa.

Giao, Quảng phân cương

Năm Giáp-thân (264) Ngô lại cắt Giao-châu ra làm hai : quận Nam-hải, quận Thương-ngô, quận Uất-lâm làm Quảng ch đặt trị-sở ở Phiên-ngu ; lấy quận Giao-chỉ, quận Cửu-chỉ quận Nhật-nam quận Hợp-phố làm Giao châu, đặt trị-sở Long-biên (1). Đất Nam-việt của nhà Triệu ngày trước thành Giao-châu và Quảng-châu từ đấy.

Cuộc phản-kháng ở Giao-chỉ

Triệu-Ẩu mất đi, Cửu-chân yên được hơn 10 năm thì lại cuộc phản-kháng ở quận Giao-chỉ.

Nguyên quan Thái-thú quận Giao-chỉ bấy giờ là Tôn-Tư rất tham bạo, thường bắt thợ thuyền ở trong quận đến hơn ng người đưa về Kiến-nghiệp (2), dân đã lấy làm khổ. Đến nă Quí mùi (263) Ngô-vương sai Đặng-Tuân đến quận, Tuân bắt dân nộp ba chục con công để đưa về Ngô. Dân sợ phải xa, bàn nhau kháng cự. Quận-lại là Lã-Hưng nhân đấy kl lên giết Tôn Tư và Đặng-Tuân rồi cho người sang Ng xin quân và quan Thái thú. Ba quận mới thuộc về Ngụy.

Ngụy được tin phong cho Lã-Hưng làm An-nam-tướng-quâ

1.) — Giao-châu bấy giờ có cả quận Hợp-phố. Đất Hợp-phố n thuộc về Quảng-đông.

2.) — Kinh-đô nước Ngô, nay là huyện Giang-tô.

ó-đốc Giao-châu chư quân-sự, dùng Hoắc-Rặc làm Giao-châu
hứ-sử, nhưng nước Ngụy ở mãi phía bắc nước Tàu nên Hoắc-
ặc chỉ ở nước Tàu rao lĩnh mà thôi. Hoắc-Rặc cử Soán-Cốc
ó sách chép là Phàn-Cốc) làm Thái-thú Giao-chỉ, cùng bọn
ồng-Nguyên, Vương-Tố đem quân sang giúp Lã-Hưng. Cốc
ưa đến nơi thì Hưng đã bị Lý-Thống giết mất rồi. Cốc cũng
ết. Năm ấy Ngụy nhường ngôi cho Tấn, ba quận ta lại thuộc
Tấn.

Ngô, Tấn tranh Giao-châu

Ba quận thuộc về Tấn, Ngô khi nào lại chịu yên ; người tròn
ình khôn ngoan như Sĩ-Nhiếp không có thì cuộc tranh dành
n thoát sao được? Nay Tấn kéo đi, mai Ngô dẵng lại, « trâu
ic nhau ruồi muỗi chết », khá thương cho cái thân phận làm
n trong lúc bấy giờ.

Bắt đầu từ năm Ất dậu (265), Tấn sai Dương-Tắc làm Thái-
ú quận Giao-chỉ, đến năm Mậu-tí (268) Ngô sai Lưu-Tuấn làm
ứ-sử Giao-châu đánh Dương-Tắc. Tuấn cùng với bọn Tu-
c và Cố-Dung ba lần sang đánh, Dương-Tắc đều phá được
. Quận Uất-lâm và quận Cửu-chân đều phụ về Dương-Tắc.
c lại sai bọn Mao-Cảnh, Đồng-Nguyên, Mạnh-Cán, Mạnh-
ông, Lý-Tùng, Vương-Tố, Soán-Năng đánh tan quân Ngô ở
-thành (tức là thành Hợp-phố), giết Tu-Tắc ; quân Lưu-Tuấn
an mất cả. Dương-Tắc lại xin cho Mao-Cảnh làm Thái-thú
ận Uất-lâm và Đồng-Nguyên làm Thái-thú quận Cửu-chân.
ận này Tấn được.

Mùa đông năm sau (269), Ngô sai hai đạo quân : Ngu-Phiêm,
ết-Hủ, Đào-Hoàng cầm quân bộ đi lối Kinh-châu (Hồ-nam),
-Húc, Từ-Tồn cầm quân thủy đi đường bể, đều hội ở Hợp-
ố. Quân thủy ra đến bể thì Lý-Húc thấy đường đi không thuận
a, chém người tướng đưa đường là Phùng-Phi, rồi rút quân
Ngô-chú lại chém cả Lý-Húc và Từ-Tồn. Còn đạo quân bộ.
o-Hoàng cùng với Ngu-Phiếm, Tiết-Hủ chống nhau với
ương-Tắc ở Phần-Thủy, trận thứ nhất, Hoàng thua chạy, chết

mất hai tướng. Tiết-Hủ giận trách Hoàng và toan kéo quân Đêm hôm ấy Hoàng đem vài trăm quân đánh úp quân Đồ Nguyên, cướp được thuyền của báu chở về. Hủ mới tạ lỗi dùng Hoàng làm Giao-châu tiền-bộ đô-đốc. Hoàng lại đem q lớn đường bể bắt thình lình kéo thẳng đến châu. Đồng-Ngu đem quân ra cự.

Nguyên phục binh ở bên một cái cầu đỏ, vừa giao-chiế tảng thua chạy. Nhưng Đào-Hoàng biết trước, đã dàn sẵn hàng quân cầm dáo dài ở đằng sau rồi mới đuổi. Lúc quân p của Nguyên nổi lên bị hàng quân cầm dáo này đánh đổ, Ho đại thắng, giết Đồng-Nguyên. Hoàng lại lấy những của cướp được ở thuyền Đồng-Nguyên trước và mấy nghìn gầm bản-thổ đem cho người tướng giặc tên là Lương-Kỳ đem một vạn quân giúp Hoàng. Bên quân Tấn thì Dương- sai Dương-Tố cầm quân thay Đồng-Nguyên.

Có người dũng-tướng là Giải-Hệ vốn là tướng của Đồn Nguyên trước, khi ấy cùng ở trong thành ; mà em Hệ là Gi Tượng thì ở bên Ngô.

Đào-Hoàng bèn làm kế phản-gián, sai Tượng viết thư cho Hệ, lại bắt Tượng ngồi trên xe, kéo cờ, nổi trống quân rước đi bên ngoài. Vương-Tố ở trong thành trông th nói rằng : « Tượng như thế thì Hệ tất muốn đi », bèn giết Đào-Hoàng được tin, thúc quân đánh riết, bèn phá được th bắt được Dương-Tắc và tất cả bọn Lý-Tùng, Mạc-Cảnh, So Năng v. v.

Có người Công-tào quận Cửu-chân là Lý-Tộ còn trung-th với Tấn, giữ quận chống nhau với Đào-Hoàng, nhưng được lâu rồi cũng thua.

Thế là quân Ngô toàn thắng, ba quận ta lại thuộc về Ngô.

Năm Tân-mão (271) Ngô chia quận Giao-chỉ ra đặt th quận Tân-xương (nay là đất Sơn-tây). Và lấy Đào-Hoàng l Giao-châu Mục.

Đào Hoàng lại đánh được những bọn hào-cường ở

Vũ-bình (1), đất Cửu-đức (2) đất Tàn-xương, mà đặt ra ba quận Trong sử Tàu nó rằng Hoàng là người có mưu lược, tính rộng rãi, hay chu cấp cho người nghèo, ai cũng vui lòng làm việc, nên mới làm nên công trạng như thế.

Giao-châu thuộc Tấn

Khi ấy ở bên Tàu vua Tấn là Tư-mã-Viêm đã diệt Thục (năm 263) rồi, lại diệt được Ngô (năm 280), thống nhất thiên-hạ. Đào-Hoàng cũng hàng về Tấn, vua Tấn cho lĩnh nguyên-chức và phong cho là Uyển-lăng-hầu. Thế là hết đời Tam-quốc, Giao-châu lại thuộc về Tấn. Tấn-đế hạ lệnh cho các châu quận giảm binh, nhưng duy có Giao-châu trong chưa được yên, ngoài lại có Phạm-Hùng nước Lâm-ấp thường sang quấy nhiễu, Đào-Hoàng còn xin giữ quân tại phòng thủ.

Hoàng ở châu hơn 30 năm, có ơn có uy, dân bản-thổ yêu mến. Đến khi Hoàng mất, Tấn sai Ngô-Ngạn sang làm Thứ-sử. Ngạn đến nơi thì quân thủ ở quận Cửu-chân nhân khi Hoàng chết đã tôn Triệu-Chỉ lên làm tướng, đuổi quan Thái-thú và vây quận. Ngạn đánh tan cả.

Ngô-Ngạn ở châu 25 năm, dân được yên ổn ; sau dâng biểu xin đổi, Tấn sai Cố-Bí sang thay.

Cố-Bí cũng là một quan Mục tốt, cả châu ai cũng yêu. Khi Bí mất, người ta ép con Bí là Cố-Tham lên cầm quyền cai-trị. Tham chết, em Tham là Cố-Thọ đòi nối chức anh, nhưng lại-dân không thuận. Tham giết một người trưởng-lại là Hồ-Triệu ; lại toan giết Lương-Thạc, nhưng không thành, bị Thạc giết chết.

1.)— Nay là đất phủ Tiên-hưng, tỉnh Thái-bình và phủ Khoái-châu, tỉnh Hưng-yên.

2.)— Trong sử chua rằng: Cửu-đức là tên huyện, đời Ngô mới đặt. Nay là đất Hà-tĩnh. Đoạn trên, đời Trưng-vương nói rằng : huyện Chu-diên đời Hán mới đặt. Vậy mà đời Hùng-vương đã có bộ Cửu-đức và bộ Chu-diên. Coi vậy biết những tên đất 15 bộ vua Hùng và nói rằng 15 bộ ấy là đất Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ thực là đáng ngờ vậy.

Thạc loạn chuyên-chế nhưng e dân-tình không phục, bèn ru con Đào-Hoàng là Đào-Uy ra làm Thứ-sử. Đào-Uy rất đu lòng dân, tại chức ba mươi năm thì mất. Em Uy là Đào-Th và con Uy là Đào-Tuy lại nối nhau mà làm Thứ-sử. Vậy là n họ Đào kể từ Đào-Cơ (cha Đào-Hoàng) đến Đào-Tuy vừa 4 đ Thứ-sử. Cho hay những người tử-tế với dân cũng không thiệt g mà dân ta hồi này đối với quan lại cũng đã có chút quyền vậ

Trong khi họ Đào làm Thứ-sử, dân yên được hơn 30 năm Đào-Tuy chết rồi, binh-đao lại khởi. Cuộc loạn này duyên c chỉ tại Lương-Thạc Nguyên từ khi Lương-Thạc giết Cố-Th bên Tấn vẫn ghét Thạc. Khi ấy nhân bên Quảng-châu cũng c một người tên là Vương-Cơ, vì cha trước làm Thứ-sử Quản châu được lòng dân lắm, nên dân Quảng-châu lại rước Cơ làm Thứ-sử. Cơ lại ăn tiền một tên tướng giặc là Đỗ-Hoằn tâu xin cho Hoằng đánh giặc ở Quê-lâm mà chuộc tội. Tướn Tấn bấy giờ là Vương-Đôn thấy Cơ hoành-hành cũng ghét Cơ nhân ngay việc ấy kể là có công dụ giặc ra hàng mà bổ làm Giao-châu Thứ-sử, sai đánh Lương-Thạc. Thạc nghe thấy C đến, sai con đón Cơ ở Uất-lâm. Cơ trách là đón chậm. Con Thạc sai về báo Thạc. Thạc bèn cấm người châu không ch rước Cơ. Cơ đem quân đánh Thạc, bị Thạc đánh thua. Nhâ thế Thạc ngờ tất cả bọn kiều-dân là có lòng vị Cơ, bèn bắt hế những người giỏi đem giết, rồi tự xưng là Thứ-sử Giao-châu Cơ bị Thạc cự bèn trở về Uất-lâm cùng bọn Đỗ-Hoằng, Lưu-Trầm khởi loạn. Sau bị Quảng-châu Thứ-sử là Đào-Khản đánh giết.

Đến năm Quí-mùi (323), Vương-Đôn lại sai Vương-Lượng làm Giao-châu Thứ-sử, đánh Lương-Thạc. Thạc đem quân vây Long-biên, giết Vương-Lượng. Sau Thạc hung-bạo quá, mất lòng người. Đào-Khản ở Quảng-châu thấy thế sai quân sang đánh, chém Lương-Thạc. Tấn-đế bèn dùng Đào-Khản làm Thứ-sử Giao-châu.

Nước Lâm-ấp

Nước ta trong thời-kỳ Bắc-thuộc, việc giao-thiệp với các nước lân cận cũng nhiều. Nước Lâm-ấp, nước Chân lạp, nước Đồ-bà nước Côn-lôn thì ở phía nam; nước Phù nam, nước Ai-lao

ở phía tây, nước Nam-chiếu ở phía tây-bắc, những nước ấy ngày nay đều không còn gì, nhưng lúc mới dựng nước cũng có cái khí tượng «giang sơn nào anh hùng ấy». trong các nước ấy có Lâm-ấp là mạnh nhất, giao thiệp với ta nhiều nhất, xung-đột cũng dữ nhất, cuộc xung-đột bắt đầu kịch-liệt từ hồi này, vậy nhân tiện đây nên biết qua cái lược-sử và vị trí nước ấy.

Lâm-ấp khi xưa là bộ việt-thường, đời Tần là huyện Lâm-ấp thuộc về Tượng-quận, đời Hán đổi là huyện Tượng-lâm thuộc về quận Nhật-nam. Địa-thế ở một giải ven bể, phía bắc giáp quận Nhật-nam, phía nam giáp nước Chân-lạp, đại-khái ở vào khoảng từ Quảng-bình, Quảng-trị trở vào cho đến một phần phía bắc xứ Nam-kỳ bây giờ. Người Lâm-ấp – văn tây gọi là người Chàm – có lẽ là dòng dõi Mã-lai. Nay ở thành Đồ-bàn còn tìm được những tấm bia chữ Phạm thì biết nước ấy ngày xưa theo văn-minh và tôn-giáo Ấn-độ (1).

Nước Lâm-ấp bắt đầu thành nước tự bao giờ không thể biết được rõ xác. Sách việt-sử-khâm-định chép rằng Năm Nhâm-dần (102) đời Hán Hòa-đế, người tượng-lâm đốt phá thành ấp, Hán phải đặt quan tương binh-trương sử ở đây. Đến năm Đinh-sửu (137) đời Hán huận-đế, người huyện Tượng-lâm là Khu-Liên khởi lên tự lập làm Lâm-ấp quốc-vương. (Hai việc này đã chép ở trên). vậy thì về đầu thế-kỷ thứ hai, cũng đã có nước Lâm-ấp rồi.

Sau dòng dõi Khu-Liên thất truyền, người cháu ngoại là Phạm-Hùng lên nối ngôi.

Phạm-Hùng truyền cho con là Phạm-Dật. Phạm-Dật có người gia-nô là Phạm-Văn vì dạy Dật lấy cách lập thành trì, dựng cung-thất, tập binh-trận, chế khí-giới, Dật yêu qui tin dùng. Sau Dật chết đi, Văn lên cướp ngôi.

Phạm-văn truyền cho con là Phạm Phật. Phạm-Phật lại truyền cho cháu là Hồ-Đạt, đến cháu huyền-tôn (đời thứ năm)

1.) — Sách Tống-thư nói rằng : Lâm-ấp theo đạo Ni-càn.

là Tăn Địch thì bị con vua nước Phù-nam là Đang-Căn-thuần giết mất. Người đại-thần là Phạm-Chư Nông dẹp được loạn rồi tự lập làm vua.

Chư-Nông chết, con là Dương-Mại lên nối ngôi. Dương-Mại truyền cho con là Đốt. Đốt lại lấy tên là Dương-Mại. Hay quấy nhiễu quận Nhật-nam nhất là Dương-Mại-đệ-nhị này. Sau đến đời Phạm-Chí bị Lưu Phương nhà Tùy sang đánh đến tận quốc-đô.

Khoảng năm trinh-quán (627 — 644) vua Lâm-ấp là Đầu-Lê chết, con là Trân-Long cũng bị giết, người nước lập người con cô Đầu-Lê là Gia-Cát-Địa làm vua, đổi tên nước là Hoàn-vương-quốc. Sau đến đời Đường Hiến-tôn (806 — 820) vì người Hoàn-vương hay quấy nhiễu An-nam, bị Đô-hộ là Trương-Chu đánh phá tan tành, họ mới bỏ đất Lâm-ấp dời nước sang đất Chiêm, gọi là nước Chiêm-thành.

Phật-thệ thành ở Thừa-thiên, Đồ-bàn-thành ở Bình-định đều là di tích thành-trì của Lâm-ấp hay Chiêm-thành vậy.

Coi vậy thì Lâm-ấp cũng là một nước có văn minh có sức mạnh về cổ-thời. Thế-kỷ thứ sáu trở đi, thế-lực nước ấy cũng khá gọi là bành-trướng; người cũng hăng-hái, cũng can-đảm, không phải là giống đê hèn. thế mà qua mấy thế-kỷ sau chung qui không khỏi tiêu-diệt, là cớ làm sao ? — Chẳng qua người việt-nam mình là dân-tộc tiếp giáp với họ đây, trí-thức đã hơn, sinh sôi lại chóng, cái nguy « nhân-mãn » bức bách đến nơi, không thể không tìm đường sinh thực, phía bắc đã có người Tàu ngăn trở, kim địa-bàn thế ắt phải chuyển về nam...Than ôi ! nước với nước cùng đứng trong trường mạnh được yếu thua, người chọi với người óc chọi với óc, giống này thịnh thì giống kia suy, nước này còn thì nước kia mất, ấy chính là công lệ thiên-diễn vậy. Ngày nay lên núi Mẫu tử, trông thành Đồ-bàn, viếng Lạp, thương Chiêm, xiết bao cảm khái : « Khôn sống mống chết » âu cũng là một cái gương chung cho loài người.

Lâm-ấp quấy nhiễu Giao-châu

Sau khi Đào-Khản đánh được Lương-Thạc rồi, ba mươi năm không thấy sử nói gì đến Giao-châu cả. Đến đời Tấn Mục-đế mới lại có giặc Lâm-ấp.

Bắt đầu từ năm Quí-sửu (353). Vua Lâm ấp là Phạm-Phật vào quấy nhiễu mấy lần ; Thứ-sử bấy giờ là Nguyễn-Phu đánh tan được, phá của Lâm-ấp hơn năm mươi lũy.

Đến năm Kỷ-hợi (399) đời Tấn An-đế, vua Lâm-ấp là Phạm-hồ-Đạt lại cướp quận Nhật-nam, bắt Thái-thú là Cảnh-Nguyên, lại tiến lên vây quận Cửu-đức, bắt Thái-thú là Tào-Bính. Quan Thái-thú Giao-chỉ bấy giờ là Đỗ-Viện sai quan Đốc-hộ là Đặng-Dật đánh phá được. Tấn dùng Đỗ-Viện làm Giao-châu Thứ sử (1).

Đến năm Quí-sửu (413) vua Lâm-ấp là Phạm-hồ-Đạt lại vào cướp quận Cửu-chân. Khi ấy Đỗ-Viện chết rồi, con là Đỗ-tuệ-Độ lên làm Thứ-sử (2). Tuệ-Độ đánh phá được quân Lâm-ấp, chém con giai Phạm-hồ-Đạt là Giao-long-vương Phạm-nhân-Tri và người tướng là Phạm-Kiện, bắt sống được bọn Phạm-na-Năng — cũng là con giai Phạm-hồ-Đạt — và hơn một trăm người.

Cách một năm sau là năm Ất-mão (415), Lâm-ấp lại vào đánh Giao-châu nhưng không ăn thua gì.

Đến năm Canh thân (420) Đỗ-tuệ-Độ khởi thế công, đánh phá được quân Lâm-ấp, giết chết quá nửa. Lâm-ấp xin hàng, nộp voi và vàng, bạc, đồi-mồi v. v. Tuệ-Độ ưng cho, và bắt giả hết những của đã ăn cướp từ trước đến giờ. Năm ấy ở bên Tàu, Tấn

---

1.) — Đỗ-Viện là người ở huyện Chu-diên, quận Giao-chỉ. Khi trước Thái-thú Cửu-chân là Lý-Tốn làm phản. Viện đã có công đánh được Tốn.

2.) — Nguyên khi Đỗ-Viện chết đi, có quan Thứ-sử Quảng-châu là Lư-Tuần làm phản, hợp với dư đảng Lý-Tốn sang đánh Giao-châu. Tuệ-Độ đánh chém được Tuần. Tấn dùng Tuệ-Độ làm Thứ-sử.

Cung-đế đã nhường ngôi cho Lưu-Dụ tức là Tống (1)Vũ-đế rồi Tuệ-Độ sai người tấu-tiệp ở bên Tống.

Tuệ-Độ (2) mất rồi, con là Đỗ-Hoằng-Văn (3) lên làm Thứ-sử. Hoằng-Văn mất rồi đến Vương-Huy làm Thứ-sử.

Trong những năm này không năm nào là Lâm-ấp không vào ăn cướp. Quận Cửu-chân và quận Nhật-nam bị giết hại rất nhiều, Giao-châu đến hư-nhược vì đó. Mấy năm sau Phạm-Dương-Mại lên làm vua Lâm-ấp, lại càng làm dữ hơn trước. Đỗ-Hoằng-Văn đã toan đi đánh nhưng ngay lúc ấy Hoằng-Văn lại có giấy bên Tống triệu về rồi chết. Năm Tân-mùi (431) Phạm-dương-Mại sai hơn trăm chiếc lâu-thuyền vào cướp Cửu-chân. Thứ-sử Giao-châu lúc ấy là Nguyễn-di-Chi sai tướng đến cứu; quân đến đánh thành Khu-lật (phía bắc Chiêm-thành) nhưng không được phải kéo về. Từ đó Lâm-ấp lại càng mạnh.

Năm Quí-dậu (433), Phạm-dương-Mại sai sứ sang Lưu-Tống, xin lĩnh ấn thức Thứ sử Giao-châu. Tống lấy cớ đường xa không cho. Phạm-dương-Mại tuy sai sứ sang nhưng việc quấy nhiễu vẫn không dứt. Năm Bính-Tuất (466), Tống sai Đàn-Hòa-Chi làm Thứ-sử Giao-châu, đánh Lâm-ấp. Quân đi chuyến này có người tướng tiên-phong tên là Tôn-Xác, sử Tàu chép rằng: Xác vốn con nhà học trò, nhưng Xác lại hăng hái, thường nói rằng: « Trượng phu ở đời, nên cưỡi trận gió dài, phá làn sóng muôn

---

1.) — Bên Tàu có hai nhà Tống: Tống này là Lưu-Tống, làm vua từ năm 420 đến năm 477 có hơn năm mươi năm; Tống sau là Triệu-Tống làm vua được hơn ba thế-kỷ; từ năm 960 đến năm 1276.

2.) — Sử chép rằng: Tuệ-Độ là người kiệm-ước, lúc làm Thứ-sử áo vải cơm rau, như người học trò vậy. Cấm dâm từ, sửa học-hiệu, năm đói thì lấy tiền lương ra phát chẩn cho dân nghèo; lại-dân sợ mà yêu việc gian-phi không có đến nỗi cửa thành đêm không phải đóng, ngoài đường của rơi không ai nhặt. Lời sử tuy không khỏi có điều quá đáng, nhưng tưởng cũng là một quan Thứ-sử tốt vậy.

3.) — Hoằng-Văn cũng là người khoan-hòa được lòng dân được tập phong là Long-biên-hầu.

đặm..., Hòa-Chi được lệnh đánh Lâm-ấp, Xác xin theo đi. Tống phong Xác làm Chấn-Vũ-tương-quân, và Hòa-Chi dùng Xác làm tiên-phong. Trận này đánh được Lâm-ấp là nhờ có công Xác nhiều vậy.

Lúc quân sắp ra, Phạm dương-Mại nghe tiếng, sai sứ sang Tống xin trả lại những dân hắn đã cướp được và xin nộp một vạn cân vàng và mười vạn cân bạc. Tống-đế đã chiếu cho Đàn-Hòa-Chi xem Dương-Mại có thật lòng thì ưng cho nộp khoản. Nhưng Dương-Mại lại nghe lời đại-thần là Đốc-tăng-Đạt can, thôi không nộp khoản nữa. Hòa-Chi đến đồn Chu-ngô (ở quận Nhật-nam, phía bắc Chiêm-thành), sai người Tham-quân là Khương-trọng-Cơ sang Lâm-ấp; Dương-Mại bắt giữ lại. Hòa-Chi bèn tiến quân vây tướng Lâm-ấp là Phạm-phù-Long ở thành Khu-lật phía bắc Chiêm-thành. Dương-Mại sai tướng là Phạm-Côn, Sa Đạt đến cứu, Tôn-Xác phục binh đón đánh, phá được toán cứu-binh này. Hòa-Chi mới lấy được thành Khu-lật, chém Phù-Long, thừa thắng tiến vào bên Tượng (phía tây bắc Chiêm-thành). Dương-Mại đem quân cả nước đến đánh. Quân Lâm-ấp giàn voi trước trận không hở một chỗ nào. Quân Tống đã lo không tài nào đánh được. Sau Tôn-Xác nhớ trong sách nói: ở ngoại-quốc có giống sư-tử là vua bách-thú, có oai khiến cho thú nào cũng phải sợ, bèn chế làm sư-tử giả dọa voi. Quả nhiên voi sợ té chạy, quân Lâm ấp đại bại, cha con Dương-Mại chỉ chạy được khỏi chết. Hòa Chi vào kinh thành Lâm ấp, lấy được rất nhiều những của báu lạ không biết tên là gì; lại bắt được những tượng bằng vàng (1) đem phá đúc được mấy mươi vạn cân vàng. Sử Tàu nói rằng: Duy có Tôn-Xác không lấy một tý gì; lúc về quần áo xơ xác vậy. Hòa-Chi được phong tước tử (2).

1.) — Tống-thư nói rằng: Lâm-ấp theo đạo Ni-càn, thờ những tượng bằng vàng bằng bạc to đến 10 thước tay.

2.) — Có thuyết nói rằng: sau khi Hòa-Chi phải biếm ra Duyện-châu vì bắt rượu ăn tiền dân phải cách. Sau nằm mộng thấy Hồ-thần làm tội đi chết.

Trận này làm cho Lâm-ấp kiệt-quệ mất một hồi khá lâu.

Tình-thế nước Tàu

Từ cuối đời Đông-hán (cuối thế-kỷ thứ hai đến giờ, ở bên Tàu loạn-ly mãi, không mấy lúc được yên. Qua đời Tam-quốc rồi, nhà Tấn thông nhất được ít lâu, thì trong nước lại đánh nhau — Vì nhà Tấn đại-phong cho họ hàng, chia đi làm phiên-trấn các nơi, nên về sau các thân-vương ấy ghen tị lẫn nhau mà đánh lẫn nhau — được hơn 50 năm thì kết quả đến cái loạn Ngũ-Hồ (1) : Nước Yên, nước Triệu, nước Hán, nước Lương, nước Tần, v. v. cả thảy đều 16 nước đều là dòng dõi Ngũ-Hồ nhân nước Tàu suy yếu, khởi lên chia sẻ từ sông Dương-tử trở về Bắc ; con cháu nhà Tấn chỉ còn làm vua nửa nước về Đông-nam mà thôi, nên mới gọi là Đông-Tấn.

Tấn truyền ngôi cho Tống (Lưu-Dụ) thì ở miền Bắc, nước Ngụy gồm được cả nước Lương, nước Yên, nước Hạ, dựng lên nhà Nguyên-Ngụy, gọi là Bắc-triều ; mà nhà Tống ở phía nam thì gọi là Nam-triều — Vì thế trong sử Tàu gọi đời này là đời NAM-BẮC-TRIỀU. — Bắc triều thì nhà Ngụy rồi đến nhà Chu, rồi đến nhà Tề (Họ Cao). Nam-triều thì tống đến Tề (Họ Tiêu), đến Lương, đến Trần (Bá-Tiên). Giao châu ta khi ấy thuộc về Nam-triều.

Nước Tàu chia sẻ như thế nên trong nước đánh nhau luôn. Những người Tàu sang cai-trị Giao-châu cũng muốn nhân cơ-hội mà làm lợi cho mình, thành ra các quan lại tranh dành giết hại lẫn nhau mà dân Giao-châu hồi này cũng phải chịu lấy cái ảnh-hưởng biên loạn vậy.

Sự tranh dành quan lại

Năm Mậu-thân (468) đời Tống Minh-đế, quan Thứ-sử Giao-châu là Lưu-Mục bị bệnh chết rồi, có người trong bản-châu là Lý-Trường-Nhân giết bọn tòng nhân của Mục rồi giữ châu tự xưng là Thứ-sử. Tống đã sai Lưu-Bột làm Thứ sử, nhưng

---

1.)— Ngũ-Hồ là 5 rợ : Rợ Hung-nô, rợ Yết (giống Mông-cổ), rợ Tiên-ty (giống Mãn-châu), rợ Chi và rợ Khương (giống Tây-tạng).

Bột bị Trường-Nhân cự không cho vào. Trường-Nhân lại sai sứ sang Tống xin hàng. Tống-đế ưng cho.

Năm Kỷ-mùi (479), Lý Trường-Nhân mất, con là Lý Thúc-Hiến xin làm Thứ-sử. Tống cho Thúc-Hiến làm Thái-thú hai quận Tân-xương và Vũ-bình, mà sai Thẩm-Hoán sang làm Thứ-sử Thúc-Hiến vì được lòng dân, phát quân thủ hiểm cự Thẩm-Hoán. Năm ấy Tống nhường ngôi cho Tề. Tề dùng Lý-Thúc-Hiến làm Thứ-sử.

Tuy vậy, Lý-Thúc-Hiến vẫn không công hiến bên Tề Năm Ất-sửu (485) Tề sai Lưu-Khải sang làm Thứ sử, phát binh đánh húc-Hiến. Thúc-Hiến sai sứ sang dâng 20 cỗ mũ đâu-mâu bằng bạc và bộ đồ lông-công, xin Tống bãi binh, nhưng Tống không cho. Thúc-Hiến đi đường tắt vào triều nhà Tề. Tề cũng không làm tội.

Đến năm Canh-ngọ (490) lại có viên trưởng sử Giao-châu là Phục Đăng-Chi bắt Thứ sử đem giam. Nguyên Phòng-pháp Thừng là quan Thứ sử kế chân Lưu-Khải, tính ham xem sách quá, lúc mới đến châu đã cáo bệnh không làm việc, chỉ xem sách thôi Phục Đăng-Chi vì thế mới được chuyên quyền, thay đổi tướng lại mà không cho Pháp-Thừng biết. Có người nói với Pháp-Thừng. Pháp Thừng nổi giận, bắt Đăng Chi bỏ ngục. Hơn mười hôm sau, Đăng-Chi vì đút lót người em rể Pháp-Thừng là Thôi Cảnh Thú được ra rồi đem quân đánh châu trị, bắt Pháp Thừng bảo rằng : « Sứ-quân đã có bệnh, không nên làm việc mệt nhọc », bèn giam Pháp-Thừng vào một nơi. Pháp-Thừng ngồi rồi lại hỏi xin sách xem. Đăng-Chi không cho và nói rằng : « Sứ-quân tĩnh dưỡng còn sợ bệnh phát, nữa là lại còn xem sách ! ». Hoạn Đăng-chi tâu sang Tề rằng : Pháp-Thừng điên sốt không làm việc được. Tề dùng Phục Đăng-Chi làm Giao-châu Thứ-sử. Pháp-Thừng về đến giữa đường thì chết.

Sau đến Lý-Khải thay cho Phục-Đăng-Chi làm Thứ-sử, nhân khi ấy Tề truyền ngôi cho Lương, Khải giữ Giao-châu chống với Lương. Viên Trưởng-sử là Lý-Tắc khởi lên giết Khải. Lương dùng Tắc làm Thứ-sử.

Tóm lại thì quan Thứ-sử hồi này hầu hết là cướp lấy rồi mới xin sau, mà triều đình bên Tầu cũng cho, hình như đã quen đi rồi, không lấy làm lạ nữa. Thời-thế tạo anh-hùng, chính-trị nhỏ nhăng đã gợi lên tư-tưởng độc lập, mà những quan Thứ-sử hồi này chính là những phu giọn đường cho vua Lý Nam-đế vậy,

NHÀ TIỀN-LÝ

(544 — 548)

Nam-Việt-đế

Nam-Việt-đế họ Lý, tên Bí (1), người ở Long-hưng, Thái-bình (2). Tiên-tổ khi xưa là người Tàu, cuối đời Tây-hán tránh loạn sang Nam, đến Nam-đế là bảy đời, đã thành là người Nam rồi. Vua vốn nhà hào-hữu, tài kiêm văn-vũ, trước làm quan nhà Lương, vì lòng trừ bạo cứu dân, khởi binh xưng đế, trị vì được 5 năm (3) thì mất.

Nước ta vua xưng là đế, năm có niên-hiệu, thủy tự vua Lý Nam-đế cả. Xướng cái tiên-thanh độc lập của nước Nam sau bà Trưng thì có vua Nam-đế vậy.

Nam-đế khởi binh. — Vua vốn làm quan nhà Lương coi quân ở quận Cửu-đức, vì thấy nước mình bây giờ trong thì quan Thứ-sử là Tiêu-Tư (tôn thất nhà Lương) khắc bạo hại dân, ngoài thì nước Lâm-ấp quấy nhiễu, bất-đắc-chí với chính trị nhà Lương, bèn bỏ quan về Thái-bình khởi binh. Khi ấy có người tên là Tinh-Thiều, học giỏi văn hay, ra ứng tuyển xin làm quan nhà Lương, nhưng bị quan Lại-bộ-thượng-thư nhà Lương là Thái-Tổn lấy cớ rằng họ Tinh không phải là họ sang, ức đi, chỉ cho làm chức Quảng-dương-môn lang thôi, Thiều lấy làm thẹn, bỏ về theo vua. Vua dùng làm mưu-chủ. Lại có người tù-trưởng huyện Chu-diên tên là Triệu-Túc

---

1.) — Chữ này có người đọc là Bôn ; trong Nam-sử-diễn-ca thì gọi, là Phần. Vì trong văn Hán chữ này có sáu âm : Bí, Bôn, Phần, Phấn, Phẫn, Phi, trong sử không chua rõ âm nào nên ai muốn đọc là gì thì đọc.

2.) — Thái bình này không biết là Thái-bình nào. Nhưng hiện ở làng Tử-đường, huyện Đông-quan, tỉnh Thái-bình có đền thờ Lý Nam-đế.

3.) — Kể từ năm đuổi Tiêu-Tư là năm Tân-dậu (541) thì được 5 năm.

phục vua là người có tài có đức, cũng đem quân về theo vua. V lại liên-kết với mày châu, các hào-kiệt đều hưởng-ứng. Qu thế đã to, Tiêu-Tư biết mình không địch nổi, đem của lễ vu để cho sống mà chạy về Quảng-châu, vua bèn vào giữ Lon biên. Đó là việc mùa đông tháng chạp năm Tân-dậu (511) niê hiệu Đại-đồng thứ bảy nhà Lương vậy.

Đánh Lâm-ấp. — Cách một năm sau, là năm Qu hợi (543) mùa hạ, tháng tư, nước Lâm ấp vào quấy nhiễu quậ Nhật-nam, vua sai Phạm-Tu đem quân đánh phá được quận Cửu-đức.

Nước Vạn-xuân. — Sang năm Giáp-tí (544), chín là năm đầu hội, sau khi thắng được giặc rồi, vua lên ngôi, xưn là Nam-Việt-đế, đặt niên hiệu, lấy năm ấy làm Thiên-đú nguyên-niên (1), đặt quốc-hiệu là Vạn-xuân (2), dựng điện Vạn xuân (3) để làm nơi triều-hội, đặt trăm quan, lấy Triệu-Tú làm Thái-phó, Tinh-Thiều làm tướng văn, Phạm-Tu làn tướng võ.

Quân Lương sang lần

Ngày khi vua Nam-đế đuổi Tiêu-Tư về Tàu, vua Lương l Tiêu-Diễn đã sai Tôn-Quýnh và Lư-tử-Hùng đem quân san cướp nước. Bấy giờ đương độ mùa xuân, Quýnh sợ lam-chướng xin hoãn đến mùa thu. Nhưng Quảng-châu Thứ-sử là Tiêu Hoán cũng là tôn thất nhà Lương) không nghe ; lại có Tiêu-Tư ở đấy, đương nóng lòng báo-phục, giục bọn kia phải tiến quân Đến Hợp-phố, thì quân vỡ. Thế là quân Lương sang lần thứ nhất không ăn thua gì. Đến năm Ất-sửu (545), năm thứ hai niên-hiệu Thiên-Đức, Tiêu-Diễn lại sai Dương-Phiêu làm

---

1.) — Nước ta có niên-hiệu là thủy từ đây.

2) — Nghĩa là mong cho nước đến muôn đời.

3.) — Sách Thái-bình-Hoàn-vũ-ký của Tàu chép rằng : ở huyện Long-biên có Vạn-xuân-đài, Lý-Bí dựng lên. Nay ở làng Vạn-phúc, huyện Thanh-trì, tỉnh Hà-đông có hồ Vạn-xuân, lại gọi là đầm Vạn-phúc, người ta đoán rằng Vạn-xuân-điện ở đấy.

iao-châu Thứ-sử, Trần-Bá-Tiên làm Tư-mã, lại đem quân
ang cướp. Bọn này đi đến Quảng-tây, có người Thứ-sử Định-
hâu là Tiêu-Bột đến hội, thấy quân-sĩ ngại đi xa, toan lưu
ương-Phiếu lại. Nhưng sau một buổi hội-nghị, Trần-Bá-Tiên
an Phiên rồi tự đem quân đi trước, Phiếu phải dùng Trần-bá-
iên làm tiên-phong và đem quân theo sau. Giặc đến nơi, vua
ý Nam-đế ra đánh ở huyện Chu-diên, quân ta thua. Trận thứ
ai đánh ở sông Tô-lịch, quân ta lại thua, vua chạy lên thành
ia-ninh (1); quân Lương kéo lên vây thành.

Năm Bính-dần (546) năm thứ ba niên hiệu Thiên-đức, mùa
uân tháng Giêng, quân Lương đánh vỡ thành Gia-ninh, vua
hạy vào đất Lão (2) ở huyện Tân-xương (3). Quân Lương
óng giữ cửa sông Gia-ninh.

Mùa thu tháng tám năm ấy, vua lại đem hai vạn quân ở
ong Lão kéo ra, đóng ở hồ Điển-triệt (4), chiến-thuyền thả
ầy mặt hồ, quân Lương trông thấy cả sợ, đóng ở cửa hồ không
ám tiến. Bá-Tiên phải bảo chư-tướng rằng: « Quân ta đã mỏi
ệt rồi mà viện-binh không có, bây giờ vào nơi tâm-phúc
gười ta, nếu thua, không còn hòng sống mà về nữa. Nay nhân
ịch-quân thua luôn mấy trận, lòng người còn núng, nên liều
hết mà đánh lấy được; vô cố mà đóng lại như thế này thì
iệc hỏng mất.» Bá-Tiên nói thế nhưng chư tướng đều nín
ing, chẳng ai trả lời sao cả. Chẳng may cho vua Nam đế, đêm

1.) — Nguyên là đất huyện Mi-linh đời Hán, đến đời Ngô mới chia
đặt huyện Gia-ninh.

2.) — Lão là theo văn Hán, nghĩa là dân Mường, Thái, Mán, Mọi v.v.
i không biết đích là dân nào nên chịu dịch nguyên tiếng « Lão »
ly.

3.) — Tức là Phong-châu. Vào khoảng Lâm-thao, (Phú-thọ) Vĩnh-
ờng (Vĩnh-yên) v.v.

4.) — Sách Thông-giám-tập-lãm đời Thanh thì chua rằng: Hồ này
huyện Tân-xương (tức Phong-châu). Sách Phương-dư-kỷ-yếu đời
inh thì nói rằng: Hồ Điển-triệt ở phía tây phủ Thái-nguyên, nay lấp
ất rồi. Hai thuyết này không biết thuyết nào phải.

hôm ấy nước sông bỗng nhưng rẫy lên bảy thước, chảy cu vào trong hồ. Bá-Tiên nhân thế đem quân bản bộ theo dò nước vào trước, quân Lương đánh trống reo theo sau. Qu vua Nam-đế toàn là bọn di-lão ô-hợp, bất thình-linh thấy qu giặc đến, vỡchạy tan tành. Vua lại chạy vào động Khuất-lão rèn quân trong động, giao cho Tả-tương-quân là Triệu-Quan Phục giữ nước, chống nhau với Bá-Tiên (2).

Triệu-Quang-Phục chống nhau với quân Lương được m tháng, cho đến tháng Giêng năm Đinh-mão (547) chưa ph thắng phụ. Nhưng thế quân Lương còn mạnh lắm. Quang-Ph liệu sức không địch nổi, bèn rút quân về Dạ-trạch (3). Dạ-trạ là một cái đầm, rộng không biết bao nhiêu dặm mà kể, ở gi có bãi cát có thể làm nhà ở được, chung quanh bùn nước l lội, cỏ mọc như rừng ; chỉ có thổ-dân chở thuyền độc-mộc lá cỏ mà đi là có thể tới nơi ; người lạ thì mê man không b đường nào mà lận. Quang-Phục đem hai vạn quân vào đó trong bãi giữa đầm, ban ngày thì im hơi lặng khói, đến đ lại thúc quân chở thuyền độc-mộc ra đánh quân Trần-Bá-Tiế lấy lương thực đem về nuôi quân-sĩ, giết quân Lương rất nhiề Bá-Tiên theo đánh mãi không đổ. Người đời bấy giờ gọi Triệ Quang-Phục là Dạ-trạch-vương.

Sang năm Mậu-thìn (548)mùa xuân tháng ba, Lý Nam-đế cả mạo lam chướng mất ở động khuất-lão. Thế là hết đời Tiề Lý.

---

1) — Bây giờ không biết là đâu. Có sách nói rằng thuộc đất Hưn bóa.

2.)— Dã-sử chép rằng : Khi ấy có con bò đen đẻ được con mè trắ trên mình có vằn thành 4 chữ « Nhật phụ mộc lai » ; lúc Trần-Bá-Ti sang mới tán ra rằng « Nhật phục mộc » chính là chữ « Trần », vì ch « Trần » thì một bên chữ « Phụ » một bên chữ « đông » (Nhật v mộc).

3.) — Tức là Nhất-dạ-trạch, chỗ Chử-đồng-Tử và Tiên-Dung N nương ở ngày trước. Bây giờ thuộc phủ Khoái-châu, tỉnh Hưng-yên.

Ông Nghĩa-Phong có bàn về Lý Nam-đế rằng: «Cõi Giao-nam
ừ Kinh-dương-vương đến Trưng-nữ-vương, chưa có xưng
ế kỷ-nguyên; xưng đế kỷ-nguyên thủy từ Nam-đế; phương
hi đánh nam, chống bắc mà không hề phụng cống xưng thần
ước nào, so với các triều về sau trong làm đế mà ngoài làm
ôi, thực là khác xa nhiều lắm; Vậy nên bàn đến chính thống
ì vua Kinh-dương là thủy nghiệp vương, vua Nam-đế là thủy
ghiệp đế, chép trong sử sách, có vinh diệu vậy.»

Xét ra vua Nam-đế ngoài đánh chống cường-lân, trong sửa
ang chính-trị, qui-mô độc-lập thực đã khả quan. Vậy nên trong
ử tàu đối với việc vua xưng đế kỷ-nguyên, sai tướng đánh
iặc, đều có chép thực cả. Các tướng Tàu phải sang đánh Nam-
ế — theo như sử Tàu đều có ý sợ hãi. Không những bọn Tôn-
uỳnh, Lưu-Tử-Hùng, Dương-Phiêu mà thôi; chính Trần-bá-
iên lúc mới sang đem cả vợ con đi theo, khi đánh mãi không
ược, phải gửi vợ con cho Tiền-Ánh đưa về, trong lòng vẫn lo
hết vậy. Các người Tàu khác cũng ngơm ngớp nước Nam
hông thể lấy lại được nữa, nên những quan Tàu sang hồi bấy
iờ chỉ thinhau mà vơ vét; có tên Viên-đàm-Hoãn lấy của gửi
ề cho con đến bốn năm trăm lạng vàng; lại có tên Âu-dương-
hịnh thu lễ của dân ở miếu Đông-cổ, chứa đầy một miếu.
hững bọn quan lại này đều là dự bị cuốn gói về Tàu cả. Dân
a bấy giờ thì cực khổ, nhưng coi vậy đủ biết cái thanh thế vua
ý Nam-đế. Còn việc được thua là sự thường của nhà binh
hông đáng kể với đấng anh hùng vậy.

NHÀ TRIỀU

(549 — 571)

Nam-Việt-vương

Triệu Việt-vương tức là Triệu-Quang-Phục, là con quan Thái phó Triệu-Túc quê ở huyện Chu-diên (Vĩnh-tường, tỉnh Vĩnh yên), làm người tráng dũng liệt, theo Lý Nam-đế đánh giặc có công, được phong làm Tả-tương-quân, nhà Lý mất rồi, bèn lên ngôi vua, trị-vì được 24 năm.

Trận thắng Dạ-trạch

Năm Kỷ tỵ (549) vua ở Dạ-trạch, nghe tin Lý Nam-đế mất ở động Khuất-lão, không có người nối ngôi, bèn xưng là Nam Việt-vương. Trần-Bá-Tiên đánh mãi không được, quay làn kế giữ dai định làm cho quân ta phải tuyệt lương. Khi ấy bên Tàu có loạn Hầu-cảnh (1) phải triệu Bá-Tiên về (2), để tỳ-tướng là Dương-Sàn ở lại đánh nhau với vua.

Năm Canh-ngọ (550) mùa xuân tháng Giêng, vua từ Dạ-trạch đem quân ra đánh Dương-Sàn. Sàn thua chết, quân Lương tan về Tàu. Nước yên, vua vào ở thành Long-biên.

Chia nước

Khi vua Lý Nam-đế chạy vào động Khuất-lão thì có người anh tên là Lý Thiên Bảo cùng với người họ là Lý-Phật-Tử đem quân chạy vào ở quận Cửu-chân, bị quân Lương đuổi đánh lại chạy sang Lào, thấy động Dã năng ở đầu sông Đào-giang đất tốt, có thể trồng cấy được, bèn đắp thành ở đó, tự xưng là Đào-lang-vương, nhân tên đất, lấy quốc-hiệu là Dã-năng.

Đến năm Ất-hợi 555) là năm thứ bầy Triệu-Việt-vương. Lý Thiên-Bảo mất, quân về cả Lý Phật-tử.

1.) — Hầu-Cảnh là người Ngụy, phản Ngụy sang Lương, Lương dùng làm quan. Sau lại phản Lương, vây vua Lương ở Đài-thành. Lương Vũ-đế chỉ tụng kinh phật rồi chết đói.

2.) — Lần này Trần-Bá-Tiên về làm vua, tức là nhà Trần.

Năm Đinh-sửu (557) là năm thứ 9 Triệu Việt-vương, Lý Phật-Tử đem quân về đánh nhau với Việt-vương ở Thái-bình 1). Đánh 5 trận, quân Phật-Tử hơi lui, Phật-Tử mới xin hòa. Triệu-Việt-vương nghĩ tình họ Lý, không nỡ dứt, bèn thuận chia nửa nước phía Tây cho Lý Phật-Tử, lấy bãi Quân-thần (nay là đất hai xã Thượng-cát và Hạ-cát, huyện Từ-liêm, tỉnh Hà-đông) làm giới hạn. Phật-Tử đóng ở thành Ô-diên (2). Sau Phật-Tử lại giạm nàng Cảo-nương là con gái Triệu Việt-vương cho con là Nhã-lang. Triệu-vương cũng gả cho, tưởng rằng hòa hảo thêm thân, không ngờ Phật-Tử bao giờ cũng sửa soạn để đánh Triệu.

Nhà Triệu mất nước

Năm Tân-mão (571), Lý Phật-Tử bất-thình-linh đem quân đánh Triệu Việt-vương. Triệu Việt-vương thua chạy, đến cửa bể Đại-nha (3), cùng đường, nhảy xuống bể tự tận. Dân ở đấy cảm nhớ Triệu Việt-vương lập đền lên thờ 4).

Trong sử cũ chép rằng : Nguyên khi Triệu Việt-vương đóng quân ở Dạ trạch, thấy quân Lương chưa lui, đêm đêm thắp hương cầu trời, được cái móng rồng (tục truyền rằng Chử-đồng-Tử cỡi rồng vàng từ trên trời xuống, trút móng ra cho) đem đính vào mũ đâu-mâu (tức là mũ trụ của tướng vũ đội đầu

---

1.) — Thái-bình này chắc không phải là tỉnh Thái-bình bây giờ, vì xem như Lý Phật-Tử ở Lão về đánh nhau với Triệu Việt-vương ở Thái-bình, sau lại chia đất ở Quân-thần-châu tại huyện Từ-liêm, vậy thì Thái-bình này phải ở vào khoảng Phong-châu tức là Sơn-tây bây giờ mới phải. Trong sách Địa-lý-chí nhà Đường cũng có chỗ chua rằng huyện Thái-bình thuộc về Phong-châu, ấy lại là một cái chứng cớ rõ ràng vậy.

2) — Nay là làng Hạ-mỗ huyện Từ-liêm, ở đây có đền thờ Bát-lang tức là Nhã-lang vậy.

3.) — Lại có tên là cửa Đại-ác. Đến đời nhà Lý về sau đổi tên là cửa Đại-an. Nay ở huyện Đại-an tỉnh Nam-định.

4) — Ở cửa Liêu về xã Cồn-liêu, huyện Đại-an, tỉnh Nam-định, có đền thờ Triệu Việt-vương.

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE R.F. IMPRIMÉS

trong khi ra trận), từ đó quân-thanh đại-chấn, đánh đâu được đấy. Lúc giảng hòa với Lý Phật-Tử rồi, Phật-Tử sai sứ sang cầu hôn, có hai người danh-tướng là Trương-Hống và Trương-Hát đã can rằng : nên trông gương Mị-châu Trọng-Thủy đời Thục, ngoài tuy hôn-cấu mà trong khấu thù. Nhưng Triệu Việt-vương không nghe. Triệu-vương lại yêu con gái lắm, cho Nhã-lang sang gửi rể. Khi vợ chồng đã thân yêu nhau rồi. Nhã-lang thừa cơ nói chuyện với vợ rằng : Ngày trước hai vua cha ta thù nhau, bây giờ thân nhau, thế chả hay ư ? Nhưng không biết ông bên này có thuật gì mà đánh lui được quân của ông bên ấy thế nhỉ ? Cảo-nương ngay thật không biết ý, lấy trộm đâu-mâu móng rồng cho xem. Nhã-lang lừa trảo lấy móng rồng, rồi mượn điều thăm cha, về cùng Lý-Phật-tử bàn mưu đánh Triệu. Quân Phật-tử đến nơi, Triệu-vương vội vàng rở đến đâu-mâu thì móng rồng đã mất, bèn cùng Cảo-nương chạy về nam, đến cửa bể Đại-nha thì nhảy xuống bể.

Sau khi nhà Triệu mất nước rồi, Trương-Hống, Trương-Hát đều vào ẩn ở núi Phù-long. Lý Phật-Tử cho tìm, hai người bèn uống thuốc độc tự tận. Sau làm thần ở sông Như-nguyệt(1).

Xem chuyện móng rồng này giống chuyện móng rùa đời Thục An-dương như hệt, đủ biết là chuyện hoang-đường không thể tin được, lục để xem chơi mà thôi.

Tiên-nho Nguyễn-Nghiễm có bàn rằng : Nam-đế gian quan bách-chiến, lược định một thời, Việt-vương cùng Phật-Tử đều là bậc thân-huân mà cùng vui chia lo vậy. Chẳng may Triệt-hồ nước lũ, Khuất-lão mây bay, Việt-vương phải đương cái trách nhiệm giữ nước, mà hay Dạ-trạch náu oai, Long-biên phục tích, phá quân Lương, chém tướng Lương, tiết phần cho Tiên-đế ; Phật-Tử cũng nhờ đó mới tự hùng được ở Dã-năng, xưng quốc xưng vương đều là ơn của Việt-vương cả. Thái-bình 5 trận, sức đuối xin hòa, Việt-vương chỉ vì nghĩa tôn-thất, nên không nỡ dứt, việc hôn-cấu sinh ra khấu thù, há phải là vì tình tư-ái mà quên nghĩa đại-nhàn đâu. Chẳng qua ngoài có Bá-

---

1.) — Có tích ngâm thơ lui giặc chép ở đời Lý Nhân-tôn.

Tiên dòm dỏ, trong không hòa hợp thì không đủ sức mà chống với quân ngoài, Việt-vương chỉ lo cho nước, còn ai thật thà hay lừa dối, không rỗi bụng mà tính đến vậy. Cha con Nhã-lang bội nghĩa vong ân, hớn hở lấy làm đắc kế, chẳng được mấy lúc lại làm đứa hàng-lỗ của Lưu-Phương. Mưu lừa chước dối còn có ích gì ?... »

NHÀ HẬU LÝ

(571 — 602)

Hậu Nam-đế

Lý Phật-Tử đã đánh lừa lấy nước Triệu Việt-vương rồi, bèn theo hiệu vua Nam-đế trước, từ thành Ô-diên dời sang đóng ở Phong-châu (Vĩnh-yên).

Hậu Nam-đế trị vì hơn ba mươi năm, mà trong sử không thấy chép gì đến việc chính-trị cả; sử khuyết chăng? Vui không chính-trị chăng? Mãi đến năm Nhâm-tuất (602) là năm thứ ba mươi hai Hậu-lý Nam-đế, mới thấy hép vua sai người con anh là Lý-Đại-Quyền giữ thành Long-biên và Lý-Phổ-Định giữ thành Ô-diên.

Trong khi Lý Phật-Tử làm vua ở Nam-việt thì ở bên Tàu Dương-Kiên cũng thống-nhất được thiên-hạ, lập nên cơ nghiệp nhà Tùy. Đến năm Nhâm-tuất (602) Dương-Kiên sai Lưu-Phương đem quan 27 doanh sang cướp Nam-việt.

Lưu-Phương đi đến Đô-long-lĩnh (1), gặp hai nghìn quân của Hậu-Nam-đế, đánh nhau, quân Hậu-Nam-đế thua, Lưu-Phương tiến đến Phong-châu, sai người lấy lễ họa phúc dỗ dụ Hậu-Nam-đế. Hậu-Nam-đế sợ hãi xin hàng. Lưu-Phương bắt Hậu-Nam-đế đưa về Tàu. Bao nhiêu tướng cũ người nào kiệt-hiệt đều bị Lưu-Phương bắt giết mất cả. Từ đấy đất Giao-châu lại thuộc quyền cai-trị của người Tàu.

Kể từ năm Tân-dậu (541) tiên-Lý Nam-đế đuổi Tiêu-Tư cho đến năm Nhâm tuất (602), Hậu Lý Nam-đế hàng Tùy, nước ta độc-lập được cả thảy 62 năm.

1.) — Sách Tàu nói rằng ở phủ Khánh-viễn.

THUỘC TÀU LẦN THỨ TƯ

(603 — 939)

Việc đánh Lâm-ấp

Tùy lấy Giao-châu ta được hai năm thì vua Tùy là Dương-Kiên chết, Dương-Quảng (Dượng đế) lên làm vua. Dương-Quảng thấy nói nước Lâm ấp có nhiều của báu lạ, lại nhân lúc trong nước vô sự, bèn sai Lưu-Phương làm Hoan-châu (Nghệ-an) đạo hành-quân tổng quản, đem quân đánh Lâm-ấp.

Lưu-Phương sai Nịnh-trường-Chân đem hơn vạn quân bộ-kỵ ra quận Việt-thường, (Quảng-bình, Quảng-trị) Phương cùng bọn Trương-Tốn đem quân thủy ra quận Tị-cảnh (cũng là đất Quảng-bình, Quảng-trị). Tháng ba năm Ất-sửu (605) tức là năm đầu Tùy Dương-Quảng, quân Lưu-Phương vào nước Lâm-ấp. Vua Lâm-ấp bấy giờ là Phạm Chí (1) đem quân ra chống, trận đầu quân Lâm-ấp thua chạy. Quân Lưu-Phương qua sông Đồ-Lê (2), quân Lâm-ấp cỡi voi lớn bồn bề kéo lại, Lưu-Phương bị thua. Sau Phương lập kế, sai quân đào những hố nhỏ, phủ cỏ lên trên, rồi đem quân khiêu chiến, giả cách thua chạy ; quân Lâm-ấp thúc voi lên đuổi ; nhiều con sa hố ; quân rối ; Phương thừa thế hô quân trở lại, đem nỏ ra bắn ; voi sợ chạy lùi, giầy séo lên quân Lâm ấp ; Lưu-Phương thúc quân đại chiến, quân Lâm-ấp thua to, vừa chết vừa bị bắt đến hàng vạn kể. Phương tiến quân đuổi đánh, được luôn mấy trận, đuổi tràn đến tận

---

1.) — Phạm-Chí là chữ kinh Phật dùng để gọi một thứ ngoại-đạo tức là đạo Bà-la-môn. Vua Lâm ấp lấy tên như thế có lẽ là theo đạo Bà-la-môn-vậy.

2.) — Ở phía bắc Chiêm thành nhưng không biết đích là sông nào.

quốc-đô Lâm-ấp (1). Mùa hạ tháng tư, Phạm-Chí bỏ thành chạy vào bể. Lưu-Phương vào thành bắt được 18 vị thần-chủ trong tôn-miếu vua Lâm-ấp đều đúc bằng vàng cả, còn của cải không kể. Lưu-Phương khắc đá ghi công rồi về.

Trận này Lưu-Phương được toàn thắng, nhưng lúc về quân sĩ bị bệnh sưng chân mười phần chết đến bốn năm. Lưu-Phương cũng bị bệnh chết ở giữa đường.

Thuộc Đường

(618 — 907)

Cuối đời nhà Tùy vì các quan-lại tham nhũng quá đỗi, dân các nơi khởi loạn luôn luôn. Có người Khâu-Hòa có tiếng tuần-lương, Lưu-Quảng dùng làm Giao-chỉ Thứ-sử. Hòa khéo cai-trị, nhân-dân được yên. Các nước phía tây Lâm-ấp thường đem vàng ngọc châu báu sang cho Hòa, vì thế Hòa giầu như nước. Khi ấy ở nước Tàu có người Tiêu-Tiền là dòng dõi nhà Lương khi trước, khởi lên tự xưng là Lương-vương, chiếm khu đất phía nam nước Tàu giáp giới với Giao-châu ta. Tiêu-Tiền nghe tiếng Khâu-Hòa cai-trị Giao-châu trở nên giầu có, bèn sai người sang dụ Khâu-Hòa về với Tiền. Hòa không nghe. Tiền bèn sai Nịnh-trường-Chân (2) đem quân man-lý (3) đi đường bể sang đánh Khâu-Hòa. Hòa sợ toan ra hàng nhưng có người trưởng-sử là Cao-sĩ-Liêm can Hòa rằng: Quân Trường-Chân dẫu nhiều nhưng ở xa mà đến, lương ít không ở lâu được. Quân

---

1.) — Những chỗ này có thành cũ của vua Chiêm:

Quảng-bình:	Làng Trung-ái về huyện Bình-chính.
	Làng Uẩn-áo về huyện Lệ-thủy.
Thừa-thiên:	Làng Nguyệt-biều về huyện Hương-thủy.
	Làng Thành-trung về huyện Quảng-điền.
Quảng-nam:	Làng Thanh-bình huyện Diên-phúc.
Bình định:	Thôn Nam-an và thôn Bắc-thuận về huyện Tuy-viễn.

Nhưng không biết đích là kinh-đô ở đâu.

2) — Làm Khâu-châu Thứ sử, trước đã theo Lưu-Phương đánh Lâm-ấp, sau hàng về Tiêu-Tiền.

3) — Lý là một giống người, tức là giống Lê ở Quảng-đông bây giờ.

trong thành còn có thể đánh, cớ sao lại chưa chi đã hàng ? Hòe bèn dùng Sĩ-Liêm làm hành-quân tư-mã đem các quân thủy bộ đón đánh, phá được quân Trường-Chân. Trường-Chân chỉ chạy được khỏi chết. Những kẻ đầy tớ Khâu-Hòa dựng bia ghi công trận này. Hòa lại đắp một lần thành con ở trong thành lớn, vòng quanh 900 dặm, dự bị chống nhau với quân Tiêu-Tiền.

Đó là việc năm Mậu-dần (618). Nhưng ngay năm ấy ở bên Tàu Lý-Uuyên — tức là Đường Cao-tổ — đã lấy cơ nghiệp nhà Tùy dựng nên nhà Đường. Tiêu-Tiền, Nịnh-Trường-Chân và Khâu-Hòa đều hàng về Đường. Thế là Giao-châu thuộc về nhà Đường.

Năm Tân-tỵ (621), Đường phong Khâu-Hòa làm Giao châu đại-tổng-quản.

An-nam Đô-hộ-phủ

Năm Kỷ-mão (679), Giao-châu thuộc Đường đến đây đã là 59 năm [1], vua Đường là Lý-Trị (Cao-tôn) đã chia đất Giao-châu ra làm 12 châu và đặt An-nam Đô-hộ-phủ. Cái tên An-nam [2] là thủy tự đây.

Mười hai châu là những châu này :

1e Giao-châu (Hà-nội, Nam định, Hưng-yên v.v.)[3]

1.) — Có sách nói rằng : nước ta thuộc Tàu, chỉ có nhà Đường cai-trị nghiệt nhất. Nhưng sử chép lược quá, trong khoảng 59 năm này không thấy chép một việc gì ; sau này cũng cách lâu mới có một việc. Bởi vì trong thời-kỳ này ta không có sử, về sau theo sử Tàu mà chép. Sử Tàu đã lược thì sử ta không lấy đâu làm tường được.

2) — Năm Đinh-dậu (757), Đường Túc-tôn đổi làm Trấn-nam Đô-hộ phủ. Đến năm Mậu-thân (768) Đường Đại-tôn lại gọi là An-nam đô-hộ-phủ.

3.) — Trong 12 châu này trừ ra Tràng-châu chỉ thấy trong Thái-bình-hoàn-vũ-ký nói rằng đất cát Tràng-châu cũng giống như Cửu-châu, nên Việt-sử-khâm-định đoán là ở gần đâu Thanh-hóa mà thôi, không biết đích là đâu cả. Còn 11 châu so vào các tỉnh bây giờ như biểu kê đây cũng là theo trong Việt-sử-khâm-định và các sách khác. Song cũng không chắc có đích xác. Như à : Lục-châu theo sử cụ Ngô-thời-Sĩ thì là đất nước

2e Lục-châu (Lang-sơn).

3e Phong-châu, 4e Phúc-lộc-châu (Sơn-tây, Phú thọ Vĩnh-yên)

5e Ái-châu (Thanh-hóa)

6 Hoan-châu, 7 Diễn-châu (Nghệ-an).

8e Tràng-châu (?)

9e Chi-châu (Hưng-hóa)

10e Thang-châu (Tuyên-quang)

11e Vũ nga-châu (Thái-nguyên)

12e Vũ-an-châu (Quảng-yên).

Khu-vực hành chánh đời Hán khi xưa thì châu gồm quận, quận gồm huyện ; đời Đường này thì đạo gồm châu, châu gồm huyện, vậy châu nhà Đường tức là quận nhà Hán vậy (1).

---

ta Nhưng Địa-lý-chí nhà Đường nói rằng châu ấy có ba huyện là Ô-lôi Hoa-thanh và Ninh-hải, mà sách Nhất-thống-chí nhà Thanh thì Khâm châu có ba huyện ấy. Vậy nên Việt-sử-khâm-định cũng ngờ rằng châu ấy là đất nước Tầu.

Lại như Chi-châu, Thang-châu, Vũ-nga-châu và Vũ-an-châu cho là đất Hưng-hóa, Tuyên-Quang, Thái-nguyên, Quảng-an, đó là theo sách Hiền-chương địa dư-chí của cụ Phan-huy-Chú. Nhưng không biết cụ khảo cứu ở đâu mà sách sử cụ Ngô-thời-Sĩ thì nói rằng những châu ấy chưa hẳn là đất nước ta. Lại như Chi-châu có huyện Hân-thành, huyện Phú-Xuyên huyện Ơn-long, mà xem trong địa-dư Tàu thì tỉnh Quảng-tây cũng có những huyện ấy.

Tóm lại thì đất An-nam bấy giờ có cả xứ Bắc-kỳ, phía Bắc Trung-kỳ, và một ít về địa phận Quảng-đông, Quảng tây nữa. Biên kê trên này là ước lược đại-khái mà thôi.

1.) — 12 châu về phần An-nam đô-hộ phủ mỗi châu chia ra các huyện như sau này :

1e Giao-châu có 8 huyện :

Tống-bình, Nam-định, Thái-bình, Giao-chỉ, Chu-diên, Long biên, Bình-đạo, Vũ-ninh.

Lý-hộ giết Đô-hộ

Năm Đinh hợi (687) đời Đường Trung-tôn, dân Lý (là một giống thổ dân) khởi lên giết quan Đô-hộ nhà Đường. Nguyên trước nay dân lý chỉ phải nộp nửa thuế. Đến Lưu-Diên-Hựu

---

2e – Lục-châu có 3 huyện :

Ô-lôi, Hoa-Thanh, Ninh-hải.

3e— Phong-châu có 5 huyện :

Gia-ninh, Thừa-hóa, Tân-xương, Cao-sơn, Châu-lục.

4e— Phúc-lộc-châu có 3 huyện:

Nhu-viễn, Đường-lâm, Phúc-lộc.

5e— Ái-châu có 6 huyện :

Cửu-chân, An-thuận, Sùng-bình, Quân-ninh, Nhật-nam, Tràng-lâm.

6e— Hoan-châu có 4 huyện :

Cửu-đức, Phố-dương, Việt-thường, Hoài-hoan.

e – Diễn-châu có 7 huyện :

Trung-nghĩa, Hoài-hoan, Long-trì, Tư-nông, Vũ-lang, Vũ-dương, Vũ-tiêm.

8e— Tràng-châu có 4 huyện :

Văn-dương, Đồng-thái, Tràng-sơn, Kỳ-thường.

9e— Chi-châu có 7 huyện :

Hân-thành, Phú-xuyên, Bình-tây, Lạc-quang, Lạc-diệm, Đa-vân, Ô-

ong.

10e— Thang-châu có 3 huyện :

Dương-tuyền, Lục-thủy, La-thiều.

11e— Vũ-nga-châu có 7 huyện :

Vũ-nga, Như-mã, Vũ-nghĩa, Vũ-di, Vũ-duyên, Vũ-lao, Lương-sơn.

12e – Vũ-an-châu có 2 huyện :

Vũ-an, Lâm-giang

Những tên huyện này là theo sách Địa-lý-chí nhà Đường. Nhưng cũng có chỗ đáng ngờ. Như là huyện Hoài-hoan, ở Diễn-châu có, ở Hoan-châu cũng có, thành ra có hai huyện Hoài-hoan, chắc là còn có lầm vậy.

(Xem những tên cũng tên huyện trên này, thì gồm 15 bộ đời Hán trước, ở đây thấy chín).

ảm Đô-hộ An-nam, bắt dân ấy phải nộp cả thuế. Chúng oá giận, toan làm loạn, Diên-Hựu bắt người cử-súy của chúng Lý-Tự-Tiên đem giết. Dư-đảng Lý là Đinh-Kiến bèn khởi lên lã dân lý vây phủ thành. Quân trong thành có ít, khôngđịch nổ Diên-Hựu bèn đóng thành cố thủ để đợi cứu-binh. Cứu-bi không đến. Diên-Hựu bị Đinh-Kiến giết chết. Sau Đinh-Kiế đánh nhau với Tào-Huyền-Tĩnh, thua trận, bị giết, dân lý lạ yên.

Mai-hắc-đế
(722)

Năm Nhâm-tuất (722), mùa thu tháng bảy, ở Hoan-châu c một người tên là Mai-thúc-Loan khởi lên chống cự với nh Đường.

Mai thúc-Loan là người làng Mai-phụ, huyện Thiên-lộc, tứ là huyện Can-lộc tỉnh Hà-tĩnh bây giờ, nhà vốn hào-trưởng,sứ khỏe hơn người, thấy quan Tàu tham bạo, dân gian khổ sở, ôn ấy bèn chiêu mộ hào-kiệt, triệu tập binh mã, xây thành đắ lũy, đánh nhau vớiquân Tàu. Vì ông ấy da đen, nên người bản-châu tôn lên gọi là Hắc-đế.

Mai-Hắc-đế lại kết liên với nước Lâm-ấp nước Chân-lạp [1] nước Kim-lân [2] v.v.để làmngoại-viện.

1.) — Nước Chân-lạp ngày trước có hai phần : Một là Lục Châu-lạp ở miền núi, tức là nước Cao-mam bây giờ. Hai là Thủy Chân-lạp, ở ven bể, đất đồng bằng lầy lội, tức là nửa phía nam xứ Nam-kỳ bâ giờ.

2.) — Sách Thái-bình-ngự-lãm của Tống nói rằng : Nước Kim-lân lạ có tên là nước Kim-trần. Cách phía tây nước Phù-nam hơn 2000 dặm.

Lại xét đến nước Phù-nam : Có người nói rằng : Nước Phù-nam ở địa phận nước Cao-man ; có người nói rằng ở địa phận nước Diến-điện ; có chỗ gọi là Nam-man;Tập Hành-trình-lục nói rằng nước Phù-nam cách nước Lâm-ấp 4000 dặm, đường thủy đường bộ đều tiện. Khảo tron sách Tây thi giống người Phù-nam tức là giống người Chân-lạp ngày trước, chịu văn-minh Ấn-độ.Thế-kỷ thứ bảy giờ về trước nước Chân-lạp phải cống nước Phù-nam;về sau nước Phù-nam lại làm tôi nước Chân-lạp ,ồi không thấy sử Tàu nói gì đến nước Phù-nam nữa, có lẽ đồng-hóa với Chân-lạp rồi. Như vậy thì nước Phù-nam ở vào khoảng nước Cao-man nước Siêm-la bây giờ mà nước Kim-lân cũng ở gần đâu đấy mới phải.

Vua Đường bấy giờ là Lý-Long-Cơ (tức là Huyền tôn hay là nh hoàng) sai kẻ hoạn-giả là Dương-Tư-Húc mộ 10 vạn quân ng với An-nam đô-hộ là Quang-Sở-Khách theo đường cũ Mã-ện [1], lỏn sang đánh Mai-Hắc-Đế. Quân Đường kéo đến bất inh-linh, Hắc-đế chưa kịp sửa soạn mà quân sĩ lại toàn là ô-vp, vì thế phải thua chạy, được ít lâu thì mất.

Nay ở núi Vệ-sơn huyện Nam-đường, tỉnh Nghệ-an còn có -tích thành cũ vua Hắc-đế, và ở xã Hương-lãm huyện ấy còn đền thờ, nhà nước kể vào hàng đền lịch-đại đế-vương.

Giặc Côn-lôn và Đồ-bà

Năm Đinh-vị 767) đời vua Đại-tôn nhà Đường, có quân Côn-n [2] và quân Đồ-bà [3] vào cướp phá An-nam, đánh vỡ châu thành.

1.) — Sách Khâm-châu-chí nói rằng dãy núi Ô-lôi chạy thẳng ra bể, ía tây trông sang phủ Hải-đông đất Giao-chỉ, lối Mã-Viện vào An-nam đó. Sách của Cố-Viêm-Vũ đời Minh cũng nói rằng từ Mã-Viện về sau ủy quân đều từ Khâm-châu ra bể, giương buồm một ngày là đến Giao-âu.

2. 3.) — Cứ như sử Tàu thì nước Đồ-bà hay là Xí-bà đông giáp Chân-p, tây giáp Đông-Thiên-trúc, nam giáp bể, bắc giáp Nam-chiếu có 18 uận-quốc. Lại sách Quận quốc lợi bệnh của Cố-Viêm-Vũ đời Minh thì nói ng Nước Côn-lôn ở phía nam nước Lâm-ấp. Cứ như vậy thì nước Đồ-bà n đồ to rộng, gồm cả nước Xiêm, nước Điện-điện mà Côn-lôn là thuộc-quốc rớc Đồ bà. — Lại có thuyết nói rằng nước Đồ-bà là một cái đảo nhỏ Nam-dương, theo văn-minh Ấn-độ. Mà nước Côn-lôn thì có Đại Côn-lôn-ốc và Tiểu Côn-lôn-quốc, gồm cả Nam-dương quần-đảo, Mã-lai quần-đảo nước Xiêm-la. Ngày trước có người sư qua Thiên-trúc mua kinh, làm i Hành-trình-ký. Trong bài ấy có phân biệt tiếng nói nước Thiên-trúc ới tiếng nước Côn-lôn. Mà những tiếng Côn-lôn xét ra là tiếng chữ Mã-i hoặc Đồ-bà.

Tổng-chi là sách nói mỗi chỗ một khác. Chỉ có thể biết rằng nước Côn-n và nước Đồ-bà gồm cả Ấn-độ quần-đảo, Mãi-lai bải-cỏ và một phần rớc Xiêm la. Nước tuy to nhưng không thống-thuộc, chẳng qua là những -lạc tù trưởng mà thôi. Người thì rữ tợn rất hay ăn cướp. Ngày ay nước ấy mất rồi, người còn sót lại cũng chẳng ra gì vậy.

Quan Kinh-lược sứ là Trương-Bá-Nghi phải cầu cứu ở quan Đô úy châu Vũ-định là Cao-chánh Bình. Viện-binh đến, đánh phá được giặc ở huyện Chu-diên. Trương-Bá-Nghi bèn đắp La thành để phòng giữ phủ trị. La-thành khởi thủy từ đấy.

Người Nam làm tướng Tàu

Cứ theo như sử cũ về đời vua Đức-tôn nhà Đường (780 - 802) ở làng Sơn-ôi, huyện Cửu-chân có ông Khương Công-Phụ là con quan Tiến-sĩ Khương-công-Đĩnh vào làm quan nhà Đường. Sử Đường chép rằng : Khương-công-Phụ có tài cao đỗ Tiến-sĩ, bổ chức Hiệu-thư-lang, vì đối sách khác thường được thụ Hữu thập-di, Hàn-lâm-học-sĩ, kiêm chức Hộ tào tham-quân ở kinh-đô. Nhà Đường vốn theo chế-độ phiên-trấn khi ấy đã sắp đến lúc sinh tệ. Có người Chu-Sĩ làm tiết-độ-sứ đạo Lư-long, Khương-Công-Phụ biết Sĩ có ý làm phản, thường xin vua Đường giết đi, vua Đường không nghe. Sau Chu-Sĩ đổ cho em là Chu-Thao cầm quân mà vào triều vua Đường ở kinh-đô. Sau Chu-Thao làm phản. Sĩ vì thế không được binh quyền nữa. Chẳng bao lâu kinh-đô có loạn, vua Đường phải chạy. Lúc ra đi Khương-công-Phụ xin đem Chu-Sĩ đi, kẻo để lại Sĩ tất làm giặc Vua Đường cũng không nghe. Vua Đường toan chạy ra Phượng-tường, Khương Công-Phụ lại can rằng quân Phượng-tường đều là bộ-hạ Chu-Sĩ cả, nếu nó giở thì nguy. Vua Đường mới chạy ra thành Phụng-thiên. Lúc vua Đường ở thành Phụng-thiên nghe tin loạn-quân đã tôn Chu-Sĩ lên làm chủ, còn mong Sĩ đến rước mình ; lại nghe lời Lư-Kỷ, toan bắt quân các đạo đóng cách ngoài thành một xá, để đợi Sĩ đến rước. Khương-Công-Phụ lại can, xin đem quân vào thành cho nghiêm vũ-bị. Quả nhiên, Chu-Sĩ đem quân đến vây thành Phụng-thiên. Vua Đường vì nghe lời Khương-Công-Phụ nên mới đủ sức chống nhau với Sĩ. Sau lấy quân ngoài giẹp được loạn rồi phong Khương-Công-Phụ làm Gián-nghị-đại-phu, Đồng-Trung-thư-môn-hạ, Bình-chương-sự, thế là người Nam làm đến tể-tướng Tàu vậy.

Sau cũng vì sự trực-gián, Khương-Công-Phụ phải biếm làm

chức Biệt-giá ở Tuyên-châu ; sau lại được thăng làm Thứ-Sử Cát-châu thì mất. Em là Khương-Công-Phục cũng đỗ Tiến sĩ, làm quan đến Lang-Trung.

Xem như vậy thì người Nam có kém gì người Tàu.

Bố-cái-đại-vương

(791)

Nam-Giao thuộc Đường đến đây kể cũng đã lâu đời, mà chính-trị nhà Đường cũng đã khôn ngoan đủ mặt. Xem như việc tinh biếu cho người tiết-phụ họ Kim cũng đủ biết : Kim-thị là mẹ Đào-Tề-Lượng, thường khuyên Lượng trung-nghĩa với Đường, nhưng Lượng không nghe, lại khởi lên chống cự với Đường. Kim-thị bèn từ con, làm lấy mà ăn, dệt lấy mà mặc. Vua Đường nghe tin, xuống chiếu cấp cho Kim-thị hai người hầu nuôi và bắt quan bản-đạo thăm hỏi giọn đổi. Đó là cái chính-sách lung-lạc nhân-tâm vậy. Tuy nhiên, vì quan-lại nhà Đường tàn ác tham lam quá, nên lòng dân không lung-lạc nổi, cuộc phản-kháng khởi lên luôn luôn. Năm Tân vị lại có việc ông Phùng-Hưng khởi lên đánh lấy châu-trị.

Ông Phùng-Hưng là người Đường-lâm (nay là làng Cam-lâm, huyện Phúc-thọ, tỉnh Sơn-tây), nhà hào-phú, sức khỏe lạ đời, có thể tay không đánh chết hổ, vật đổ trâu. Người em tên là Phùng-Hãi và người tướng tên là Bồ-Phá-Lặc cũng có sức khỏe lạ : Giả sử chép rằng Phùng-Hãi đội nổi nghìn cân đi hơn 10 dặm ; Bồ Phá-Lặc thì lấy được đá núi, cất nổi vạc lớn. Khoảng năm Đại-lịch (766 — 778), nhân lúc nước ta nhiều loạn, anh em ông đi đánh các lân-ấp, đâu đâu cũng phải sợ phục.

Khi ấy quan Đô-hộ nhà Đường là Cao-Chánh Bình thu thuế nặng quá, nhân-dân đều oán giận. Ông Phùng-Hưng nhân cơ-hội ấy bèn tự-xưng là Đô-quân [1], và em xưng là Đô-bảo [2], rồi cùng

---

1, 2.) — Đô-quân và Đô-bảo là tên chức ông đặt ra, hình như có ý chọi với Đô-hộ nhà Đường. Giã-sử lại chép rằng khi ấy ông đổi tên là Cự-Lão, mà ông em thì đổi tên là Cự-Lực. Xem cái tên chức và tên người như thế và cái huy-hiệu Bố-Cái-đại-vương sau này, có thể biết được cái khí lượng hùng-hào và chất pháo lúc bấy giờ.

đem quân đánh Caoh-Cảnh-Bình. Ông đánh đã lâu không được sau dùng kế người làng tên là Đỗ-anh-Hàn [1], đem quân vâ phủ. Chánh Bình lo quá mà chết. Ông Phùng-Hưng bèn và đóng phủ-trị, phong cho em là Phùng-Hãi làm Thái-úy. Bổ Phá-Lặc làm tướng. Đó là việc tháng tư mùa Hạ năm Tân vị (791) là năm thứ bảy niên-hiệu Trinh-nguyên đời Đức-tô (Lý-Quát) nhà Đường vậy.

Không bao lâu, ông Phùng-Hưng mất. Quân sĩ lập con ôn Phùng-Hưng là Phùng-An [2] lên nối nghiệp. Dân nhớ mến ôn Phùng-Hưng, lập đền lên thờ 3, và tôn lên là Bố-Cái-đại-vương Bởi vì ta gọi cha là Bố, mẹ là Cái, thề nghĩa là tôn ông Phùng Hưng như cha mẹ vậy.

Tháng 7 năm ấy, Đường sai Triệu-Xương sang làm Đô hộ. Triệu-Xương lấy lời phủ dụ, Phùng-An đem quân r hàng.

Chính sách mấy quan Đô-hộ

Từ đấy giở đi, hơn 40 năm trong sử không có việc gì quai trọng lắm. Thỉnh thoảng mới có một việc theo sử Tàu chép vì công việc quan Đô-hộ mà thôi.

Triệu-Xương đắp La-thành. — Triệu-Xương dụ được Phùng-An ra hàng rồi, bèn đắp thêm La-thành, rồi lại đ khắp các nơi đô-quận, phàm sông to núi lớn, cổ-tích đền chùa, đều biên chép làm quyển phủ-chí. Xương đ

1.) — Giả-sử chép rằng: Khi ấy có người tên là Đỗ-Luân đem kỳ-binh đến hội-chiến, khói lửa suốt đêm, chiêng trống vang trời, Chánh-Bình sợ quá mà chết. — Trong sử Tàu thì chỉ thấy chép rằng Tù-trưởng An-nan là Đỗ Anh-Hàn làm phản thôi, không thấy chép đến Phùng-Hưng, có lẽ xé xôi không tường vậy.

2.) — Giả-sử chép rằng: Quân-sĩ lập em ông Phùng-Hưng là Phùng-Hãi lên nối nghiệp. Nhưng người tướng là Bố phá-Lặc không nghe, mớ lập Phùng-An và đem quân đánh nhau với Phùng-Hãi. Hãi thua. Bố-phá-Lặc bắt Hãi đày ra đồng Chu-nhan.

3.) — Nay ở làng Cam-lâm còn có đền thờ.

hủ hơn 10 năm, nhân-dân được yên ; sau đau chân xin về, ấy ũng là quan Đô-hộ tốt của Tàu vậy [1].

Bùi-Thái bị đuổi —Triệu-Xương về rồi, Đường cho Bùi-Thái ang thay. Thái bắt quân-sĩ san đắp phủ-thành; lại đắp hai thành hâu Hoan và châu Ái. Quân-sĩ oán giận ; người tướng ở bản-hâu là Vương-Qui-Nguyên đuổi Thái về Tàu. Đường lại sai Triệu-Xương sang. Triệu-Xương khi ấy đã 70 tuổi, sang đến ơi quân lại yên ngay.

Trương-Chu đánh nước Hoàn-vương. — Nước Hoàn-ương tức là nước Lâm-ấp. Khoảng năm Trinh-quan đời vua Thái-tôn nhà Đường, vua Lâm-ấp là Phạm-Đầu-Lê mất, con là Phạm-Trấn-Long cũng bị giết, dân nước ấy mới tôn Gia-cát-Địa lên làm vua, Gia-cát-Địa đổi tên nước là Hoàn vương.

Người Hoàn-vương thường sang quấy nhiễu An nam, lại chiếm lấy châu Hoan và châu Ái. Năm Mậu-tý (8 8) Trương Chu sang làm Đô-hộ, sai đóng 300 chiếc chiến-thuyền, mỗi chiếc thuyền có 25 quân chiến, và 23 phu chèo chèo dưới nước nhanh vùn vụt như bay vậy. Trương-Chu đem quân ấy đi đánh hai tên Đô thống của Hoàn-vương đóng ở Hoan, Ái, giết hơn ba vạn người, khôi phục châu Hoan và châu Ái. Những thành-quách hai châu bị quân Hoàn-vương phá hủy. Trương-

1.) — Đoạn này trong Giã-sử lại khác hẳn. Giã-sử chép rằng : Cao-chánh-Bình chết rồi, Đường sai Trương-ứng-Kế làm Đô-hộ, Ứng-Kế đem bọn thuộc-hạ là Lã-nguyên-Khánh, Hồ-Hoài-Nghĩa sang quấy nhiễu nhân-dân rất khổ. Đường lại sai tôn-thất là Lý-Hoài-Phục sang. Hoài-Phục đến nơi, dụ giết Hồ-Hoài-Nghĩa, đày Lã-Nguyên-Khánh; cõi nam được yên.

Lý-Hoài-Phục lại dạy dân An-nam cách nung ngói. Nước nam có nhà ngói là thầy từ đấ . Không biết sách nào nói phải.

Chu đều sai đắp lại cả 1.

Sau trận này, người Hoàn-vương bỏ đất Lâm-ấp chạy vào đất Chiêm (vào khoảng Quảng-nam, Quảng-nghĩa bây giờ) gọi là nước Chiêm-thành.

Lý-Tượng-Cổ bị giết.— Năm Kỷ-hợi (819), Đô-hộ là Lý-Tượng-Cổ cũng vì tham-tứng hà-khắc, mất lòng người. Khi ấy có man-dân ở động Hoàng-đăng khởi lên đánh phá các châu. Lý-Tượng-Cổ sai Dương-Thanh đi đánh. Dương-Thanh nguyên là tù-trưởng một dân mán ở bản-xứ, Lý-Tượng-Cổ dùng làm nha-tướng. Thanh thấy nhân-dân oán giận Lý-Tượng-Cổ vốn toan khởi sự đã lâu, giờ lại được Tượng-Cổ giúp quân cho, Thanh bèn đem quân ấy quay lại đánh châu-thành, giết Tượng-Cổ Sau vua Đường sai Quế Trọng-Vũ sang làm Đô hộ. Thanh chống nhau với Trọng-Vũ. Trọng Vũ lấy lời dụ các man-tù, đánh Thanh. Thanh thua bị Trọng-Vũ giết cả họ.

Mã-Tổng dựng đồng-trụ.— Vào khoảng cuối đời Đường Hiến-tôn (Lý Thuần) có quan Đô-hộ tên là Mã-Tổng. Sử Tàu chép rằng Tổng là người thanh liêm không rối, dùng nho-thuật dạy dân, lý-lão cũng yên. Mã-Tổng có dựng hai cái đồng-trụ, tỏ mình là con cháu Mã-Viện. Đồng-trụ này là cái bia ghi công-đức nhà Đường, không phải là đồng-trụ để phân địa giới.

Lý-Nguyên-Gia dời phủ-trị.— Năm Giáp-thìn (824) đời vua Mục-tôn (Lý-Hằng) nhà Đường, Lý-Nguyên-Gia làm Đô hộ, thấy cửa thành có nghịch-thủy (nước chảy lại trước mặt, tin sách địa-lý, sợ như thế thì dân hay phản-bạn, bèn dời phủ trị

1.) — Theo như bài chí mộ Trương-Chu mà Liễu-tôn-Nguyên làm thì Trương-Chu đánh Hoàn vương lấy được nhiều đất, sau lại đánh Ô-man lấy được 12 châu, lại làm nhiều việc như đắp đường, đào cảng dựng lại đồng-trụ v. v. Nhưng không biết có thật không.

2) — Sử Đường chép rằng: Động Hoàng-đăng tiếp giáp nước Nam chiếu, có giống mán họ Hoàng, gọi là mán Hoàng-động, đánh phá 18 châu về đất Quế (Quảng-tây) đi đến đâu đốt phá đến đấy. Người nhà Đường gọi là Hoàng-tộc.

ı ngoài cửa Đông-quan trên sông Tô-lịch 1.

Nhưng sang năm sau (825) Đường lại dời phủ-trị ra đất ống-bình 2.

Sử lại chép rằng : Lúc Nguyên Gia mới đắp được cái thành hỏ thì có người thầy tướng nói rằng : Sức ngài không đủ đắp ược thành lớn đâu. Sau 50 năm nữa, có người họ Cao mới đắp ược. Sau này Cao-Biền đắp La-thành, quả như lời thầy ướng.

Sự mê-tín địa lý và tướng-pháp bấy giờ đã thịnh hành lắm ậy.

Hàn-Ước bị đuổ .— Sử Tàu chép : Hàn-Ước là người an đảm quả quyết, sách xem qua loa thôi, nhưng có tài cai-trị ì nộp tiền thóc được làm quan. Năm Mậu-thân (828) đời Đường Văn-tôn (Lý-Ngang), quan Thứ-sử Phong-châu là Vương-hăng-Triều làm phản. Đường sai Ước làm Đô-hộ An-nam. Ước đánh giết Thăng-Triều. Nhưng không được bao lâu, lính phủ nổi loạn đuổi Hàn-Ước về Quảng-châu.

Mã-Thực trị dân.— Mã-Thực chân Tiến-sĩ, năm Bính-thìn (836) đời Đường Văn-tôn, lam Đô-hộ An-nam. Thực rất tinh

---

1.) — Sách Nhất-thống-chí của Tàu nói rằng : Sông Tô-lịch từ mặt Đông-bắc phủ-thành Giao-châu chuyển ra phía Tây, chạy thẳng đến sông Nhuệ-giang. Ngày trước có người tên là Tô-lịch ở đó, nên mới có tên như thế. Đến đời nhà Minh, người Hoàng-Phúc đào lại, đổi tên là sông Lai-tô.

Nay ở thành-phố Hanoi đã lấp đi làm phố ở cả rồi. Phố Sông-Tô-lịch tức là sông Tô-lịch cũ vậy.

2.) — Sách Phương-dư-kỷ-yếu đời Minh thì nói rằng : huyện Tống-bình ở phía nam phủ-trị, nguyên là huyện Long-biên đời Hán, đến đời Lưu-Tống mới chia ra. Như thuyết này thì Tống-bình ở liền ngoài quách phủ-trị. Sách Nhất-thống-chí đời Thanh lại nói rằng : huyện Tống-bình có di-tích thành Liên-thụ (hay « Lũ » hay « Lâu ») ở phía tây huyện 25 dặm. Thành Liên-thụ thì ở làng Lũng-khê, huyện Siêu-loại, tỉnh Bắc-ninh bây giờ, cách tỉnh thành Hà-nội hơn 30 dặm.

Nhưng xem như sau này Cao-Biền đắp La-thành cũng ở phủ trị ấy, thì Tống-bình ở đâu trong địa-phận Hà-nội này thì phải.

việc lại-trị; chánh-trị lấy văn nhã huyễn-sức làm cốt, thanh-tĩn không phiền, nên nhân-dân cũng nhờ được yên. Những tù trưởng các châu cơ-mi [1] cũng mến đức-chính Mã-Thực đều đến nộp khoản, chịu tô-thuế và khuôn-phép nhà Đường. Sử Tàu lại nói rằng : Khi Thực làm Đô-hộ, vì thanh-liêm cảm được vậ nên ngọc trai lại về. Lời tán tụng của sứ-thần tuy có quá đáng nhưng chắc Mã-Thực cũng là một quan Đô-hộ tốt vậy.

Vũ-Hồn chạy loạn.— Năm Tân dậu (841) đời Đường Vũ-tôn, Vũ-Hồn được bổ làm Kinh-lược-sứ An-nam. Hồn mới đến nơi, bắt tướng-sĩ đắp thành, bọn lính phủ phải làm việc khó nhọc, bèn khởi loạn, đốt thành-lâu, cướp phủ-khố. Vũ-Hồn phải chạy về Quảng-châu. Sau nhờ quan Giám-quân là Ân-Sĩ-Tắc phủ-dụ lại yên.

Trong đời Nhà Đường này, những cuộc phản-kháng phần nhiều do bọn lính phủ. Đuổi Bùi- hái, Hàn-Ước, giết Lý-Tượng-Cổ, đày lại đuổi Vũ-Hồn, đều do lính phủ cả.

Giặc Nam-chiếu

Nam-Giao ta hồi này, phía Nam không có giặc Lâm-ấp cướp bóc thì miền Bắc lại có giặc Nam-chiếu sâm-lăng. Nguyên do chỉ bởi quan Tàu tham-bạo, dân không chịu được, thành ra người trong nước nhiều khi lại làm dẫn-tuyên cho giặc ngoài. Nay giặc đi, mai quan đến, dân ta hồi này thực là khổ vậy.

Xứ Nam-chiếu, sách Địa-lý-chí nhà Đường nói rằng :«tức là quận Vân-nam đất Riêu-châu, tây bắc giáp Thổ-phồn (Tây-tạng) đông-nam giáp Giao-chỉ,» đại khái ở vào phía Tây tỉnh Vân-năm bây giờ. Người xứ ấy là giống Thái, họ gọi vua là Chiêu.

1.) — Sách Địa-lý-chí nhà Đường nói rằng : Đời Đường Thái-tôn giẹp được thiên-hạ rồi, các Man-di đều xin nội thuộc. Thái-tôn nhân những bộ-lạc của họ đặt làm châu huyện, lấy những người tù-trưởng lên làm đô-đốc và Thứ-sử, gọi là dân Cơ-mi. Cơ là cái đồ giàm ngựa, mi là cái đồ giàm trâu. Thế nghĩa là coi man-di như trâu ngựa chịu giàm buộc vậy. Cơ-mi đây tức là dân Mường, Thái, Mán, Mọi, trên Thượng-du.

Nguyên xưa có 6 Chiếu là : Mông-tuấn, Việt-tích, Lãng-khung, Đẳng-đạm, Thi-lãng, Mông-xá ; mỗi Chiếu chiếm một khu vực. Chiếu Mông-xá ở tận phía nam cho nên gọi là Nam-chiếu. Năm Kỷ-dậu (649) cuối đời Đường Thái-tôn. vua Mông-xá là Mông-tế-nô-nao sang cầu phong ở Tàu. Truyền ba đời đến Bì-la-cáp thì Chiếu này cường thịnh lên, mà 5 Chiếu kia suy yếu đi. Bì-la-cáp bèn lấy lợi đút lót quan Tiết-độ-sứ Kiêm-nam là Vương-Dục, xin hợp 6 Chiếu làm một. Triều-đình nhà Đường thuận cho, và đặt tên cho là Qui-nghĩa. Từ đó Nam-chiếu lại càng mạnh, đem quân đi đánh các bộ-lạc man-di, phá được nước Thổ-phồn rồi dời đô lên đóng thành Thái-hòa (thành Đại lý ở Vân-nam bây giờ), thành ra cái lo cho biên-cảnh nhà Đường.

Đến năm Canh-thìn 860), đời Đường Ý-tôn vua Nam-chiếu là Tù-long xưng hiệu là đế, đặt niên-hiệu, đổi quốc-hiệu là Đại-lễ. Đến đời Thạch-Tấn (936-946) Đoàn-tư-Bình làm vua lại đổi quốc-hiệu là Đại-lý. Khoảng năm Nguyên-hiệu (1086-1093) đời Tống Triết-tôn, họ Cao chiếm nước, đổi quốc-hiệu là Đại-trung. Năm Kỷ-mão (1099) đời Tống Triết-tôn họ Đoàn khôi phục, lại lấy quốc-hiệu là Hậu-lễ. Mãi đến năm Quý-sửu (1253) đời Tống Lý-tôn, nước ấy mới bị giệt về người Mông-cổ, Ấy là cái lược-sử nước Nam-Chiếu (1).

Nam-Chiếu quấy nhiễu Nam-giao ta thì bắt đầu từ khoảng giữa thế-kỷ thứ 9, sau khi Nam-chiếu hợp nhất đã được trăm năm. Nguyên trước có quan Kinh-lược là Lý-Trác làm người

---

1.) — Nhất thuyết nói rằng Nam-chiếu là con cháu vua Triệu-Đà. Thuật-dương-vương bị Hán diệt rồi, con cháu tan đi bốn phương, một chi vào ở khoảng Thần-phù, Hoành-sơn, về sau con cháu đông đúc, toàn là những người táo tợn, thường làm nghề ăn cướp, người bản-thổ sợ phục, gọi là Nam-triệu. Chữ Nam-triệu sau nói sai ra Nam-chiếu.

Song đất Nam-chiếu ở xứ Vân-nam bây giờ, đây nói con cháu Triệu-vũ-đế ở khoảng Thần-phù, Hoành-sơn thì không phải rồi.

rất tham-ô, ức dân lấy của làm giầu, thường sai người lên Mường Mán mua trâu bò, một con trâu chỉ giá một đấu muối, dân Mường Mán đã không thể chịu được. Lý-Trác lại giết người Tù-trưởng Mán là Đỗ Tồn-Thành. Vì thế các Mường Mán đều oán giận, bèn họp nhau lại, hiệu là quân « Bạch-y một-mệnh » (áo trắng liều mạng), kết liên với tướng Nam-Chiếu là Đoàn Tù-Thiên, đưa quân Nam-Chiếu vào cướp, toan đánh phủ Đô-hộ. Từ đó Giao-châu mới có cái nạn Nam-Chiếu.

Năm Bính-dần (846) đời vua Vũ-tôn nhà Đường, Nam-Chiếu vào cướp. Quan Kinh-lược sứ là Bùi Nguyên-Dụ lấy quân các đạo đánh đuổi đi được. Nhưng từ đó không mấy năm là không quấy nhiễu ngoài biên. Năm Đinh-sửu (857), đời vua Tuyên-tôn, Đường phải dùng một quan Đại-tướng-quân là Chu Nhai sang làm Kinh-lược sứ. Nhưng sang năm sau (858) Đường lại triệu Chu-Nhai về Quảng-châu, sai Vương-Thức sang thay.

Vương-Thức là người có tài-lược, lúc mới đến, thấy viên Đô-hiệu là La-hành Cung chuyên quyền hỗ thế, bộ-hạ có hai nghìn tinh-binh mà phủ đô-hộ chỉ có mấy trăm quân già yếu. Thức lập tức bắt La-hành-Cung đem đánh và cách chức Đô-hiệu. Từ đó quân-sĩ mới có phép tắc. Thức lại thấy quan Đô-hộ trước hằng năm lấy gỗ làm trại, bắt dân phải đóng tiền ngoại phụ; dân đóng góp nặng mà trại không bao giờ tốt. Thức bèn lấy hẳn tiền thuế một năm mua gỗ tốt làm trại, đào hào quanh ngoài trại và giồng tre gai bên ngoài, thành ra trại rất kiên cố mà dân chỉ phải đóng thuế thôi, không phải chịu tiền ngoại-phụ. Thức lại sửa định chức-cống, khao thưởng quân-sĩ, cho ai nấy nức lòng. Khi lâm trận, Thức lại can-đảm hơn người. Có một lần loạn-dân họp đảng đương đêm đánh trống reo kéo đến vây thành; chúng đánh tiếng rằng: Quan Kinh-lược trước là Chu-Nhai [1] sai quân Đầu-vàng [2] sang đánh. Vậy chúng xin

---

1.) — Chu Nhai bấy giờ còn ở Quảng-châu.

2.) — Khi ấy có quân thú ở Trung-vũ, vận áo cộc vạt sau, (rùm khăn vàng. Phương nam gọi là quân Hoàng-đầu. Quân này có tiếng là quân giỏi lúc bấy giờ.

ra quan Đô-hộ về Tàu, để chúng giữ thành này chống nhau
i quân đầu vàng. Chúng làm huyên-náo cả thành. Khi ấy
hức đương ăn cơm Có người khuyên Thức tránh đi. Thức
ỏi rằng : Ta mà cất chân thì thành này vỡ. Thức cứ ăn thong
ả, xong rồi mới vận áo giáp, đem thủ-hạ lên thành, dựng
y đại-tướng, gọi loạn-dân ra trách mắng. C úng đều chạy cả.
gày mai, Thức bắt đem giết hết. Đại khái tài lược Vương-
hức theo sử chép là thế. Trong mấy năm Thức làm Đô-hộ,
am-chiếu sang quấy có hai lần, một lần bị Thức đánh phải
i, và một lần cướp bến Cầm điền, Thức sai thông-ngôn
ang hiểu dụ, thì quân giặc rút ngay. Xem ra Nam-chiếu cũng
ó ý sợ thanh-thế Vương-Thức. Sử lại chép rằng cả Chiêm-
ành, Châu-hạp cũng lại thông sứ và giả lại những dân đã cướp
ược khi trước.

Năm canh-thìn (860) đời vua Ý-tôn nhà Đường, t vì ở Chiết-
ông có loạn, Đường phải triệu Vương-Thức về, cho Lý-Hộ
ang thay. Lý-Hộ lại giết người tù-trưởng Mán là Đỗ-Thủ-
rừng (con Đỗ-Tồn-Thành), dân Mường Mán lại dẫn giặc
Nam-Chiêu vào ăn cướp. Trận này quân Nam-Chiếu phá được
hủ Đô-hộ, Lý-Hộ phải chạy ra Vũ-châu. Đường sai Vương-
Khoan làm Kinh-lược, phát quân Ung-châu và quân các đạo lân-
ận sang cứu. Nhưng Lý-Hộ ở Vũ-châu đã chiêu tập thổ-binh
hu phục được phủ-thành rồi. Tuy thế vua Đường cũng trách
ý-Hộ về tội để phủ-thành thất-thủ, biếm chức làm Tư-hộ ở
Nam-châu. Sau Đường thấy họ Đỗ cường-thịnh, muốn thu làm
ấy tớ mình, bèn tặng phong cho Đỗ-tồn-Thành (cha Thủ-
Trừng) chức Kim-ngô-tương-quân, lại trách Lý-Hộ về tội giết
Đỗ-Thủ-Trừng, đem lưu ra Nhai-châu.

Năm Nhâm-ngọ (862) Nam-chiếu lại vào ăn cướp. Vương-Khoan
ầu cứu về Tàu, Đường sai Thái-Tập sang thay, lấy quân tám
châu cả thảy ba vạn người cho Tập đem sang chống giữ. Quân
Nam-chiếu thấy quân Đường sang nhiều lại rút về. Bấy giờ quan

---

1) — Năm ấy, vua Nam-Chiếu là Tù-long xưng đế và đổi quốc-hiệu
à Đại-lễ.

Tiết-độ-sứ Lĩnh-nam [1] là Thái-Kinh vốn là người tham ngược dời trá [2] thấy Thái-Tập đem quân các đạo đóng ở An-Nam, s Tậplập được công to, bèn tâu về vua Đường rằng quân giặc chạ xa, chốn biên-cảnh không phải lo gì nữa, xin bãi thú-binh. Th Tập mấy lần tâu về xin để lại 5000 quân cũng không được. Th Tập lại làm một bài nói 10 điều hẳn chết bẩm về tòa Trung-thư nhưng quan thủ-tướng bấy giờ vì nghe lời Thái-Kinh cũng khôn xét đến.

Tháng giêng năm Quý-mùi (863). Nam-chiếu đem 5 vạn quâ sang đánh phủ-thành. Thái-Tập báo cấp. Đường phát 5 nghì quân sang cứu. Cứu binh chưa đến nơi, quân Nam-chiếu đ đánh vỡ phủ-thành. Thái-Tập có bao nhiêu thủ-hạ đều chế hết cả Tập đi đất hết sức đánh nhau với quân giặc, mình b 10 mũi tên, toan chạy xuống thuyền quan Giám-quân, nhưng thuyền đã ra cách bờ xa rồi, Tập bèn nhảy xuống sông tự tử. Có quan Ngu-hậu là Nguyên-Duy-Đức cùng các tướng sĩ hơi 400 người chạy ra đến bờ sông mặt đông thành, thấy hết lố chạy, bèn bảo mọi người rằng: Bọn mình không có thuyền, lộ sông cũng chết ; thà giở lại đánh nhau với giặc, một người đổi lấy hai người cũng còn có lợi. Chúng bèn quay về thành, liều chết đánh giết được hơn 2000 quân Nam-chiếu. Nhưng đến đêm, tướng Nam-chiếu là Dương-Tư-Trấn đem quân ra cứu, bọn Nguyên-Duy-Đức chết cả.

Quân Nam-chiếu vào thành giết hại nhiều người. Sử chép rằng Nam-chiếu hai lần phá phủ Đô-hộ, vừa giết vừa bắt người Giao châu đến 15 vạn.

---

1). — Nhà Đường chia nước làm 10 đạo. Đạo Lĩnh-nam có 5 quản, là: Quảng, Quế, Ung, Dung và An-nam. Quan Đô-hộ An-nam còn ở dưới quyền quan Tiết-độ-sứ đạo Lĩnh-nam. Khi Thái-Kinh làm Tiết-độ-sứ Lĩnh-nam lại xin chia Lĩnh-nam làm 2 đạo: Lĩnh-nam đông-đạo đóng ở Quảng-châu : Lĩnh-nam tây-đạo đóng ở Ung-châu. Vi-Trụ làm Tiết-độ-sứ đông đạo. Thái-Kinh làm Tiết-độ-sứ tây đạo. An-nam thuộc về đạo Thái-kinh.

2). — Kinh làm Tiết-độ-sứ không bao lâu, tham ngược quá, ai ai cũng ghét, rồi bị quân-sĩ đuổi về. Vua Đường biếm chức làm Tư-hộ Nhai-châu. Kinh không chịu đi, vua Đường bắt phải tự tử.

Sau trận này, vua Nam-chiếu là Mông-thế-Long cho Dương
-Tấn và 2 vạn quân ở lại giữ phủ-thành. Các Mường Mán
ên Thượng-du đều hàng về Nam-Chiếu cả.

Cuối năm sáu năm ấy, vua nhà Đường hạ chỉ bãi phủ Đô-hộ
đặt Hành-Giao-châu ở trấn Hải-môn, rồi lại đặt phủ Đô-hộ
đấy, cho Tông-Nhung làm Kinh-lược-sứ và Khang-Thừa-
uấn kiêm quản Lĩnh-nam chư-quân ; lại đem quân các đạo về
ông Lĩnh-nam. Việc lương-xướng thì nghe lời Trần-Bàn-
ạch lấy thuyền to chở gạo từ Phúc-kiến vượt bể vào Quảng-
âu. Về việc này trong sử Tàu chép rằng : Những thuyền buôn
các quan lấy tiếng là thuê mà kỳ thực là bắt phải chở lương
t nhiều ; lại còn nổi thuyền đi ra bể nhỡ gặp sóng gió bị đắm
i người lại đi coi lương và lái thuyền đều phải đền, dân Tàu
t lấy làm khổ sở.

Khang-Thừa-Huấn đến Ung-châu, không đặt vòm canh gác.
ơn 6 vạn quân Nam-Chiếu sắp vào đến nơi, Thừa-Huấn mới
ết, sai quân ra chống. Năm đạo quân cả thảy 8 nghìn người
iết sạch, chỉ có quân Thiên-Bình đến sau được khỏi chết.
hừa-Huấn không biết làm thế nào. May nhờ có viên Phó-
r là Lý-Hành-Tố đốc thúc chư quân đào hào giồng trại,
ành mới khỏi vỡ. Quân Nam chiếu vây thành 4 ngày, trong
ành sửa soạn đã đủ, Thừa-Huấn vẫn không cho ra đánh. Sau
ó một người tiều-hiệu cố xin ra đánh, mấy lần vật-nài, Thừa-
uấn mới ưng cho. Người tiều-hiệu đem 3 trăm dũng-sĩ, đương
êm ròng dây xuống thành, chia đi đốt các doanh giặc, chém
ơn 5 trăm người Quân Nam-chiếu phải bỏ chạy. Khang-Thừa-
uấn mạo tâu làm công mình, được thăng chức Hữu-bộc-sạ ;
ác con em thân cận đều tâu công cho được thưởng cả, chỉ có
iều-hiệu kia không được thăng một cấp nào. Vì thế các quân-sĩ
ều oán-giận. Người Tiết-độ-sứ Lĩnh-nam đông-đạo là Vi-Trụ
iết chuyện Thừa-Huấn như thế, bèn làm thư về kể với quan
ể-tướng. Năm Giáp-thân (864) nhà Đường mới bãi Khang-
hừa-Huấn, dùng Trương-Nhân sang thay. Đường lại thêm
uân ở Hải-môn lên 35.000 người, cho Trương-Nhân lấy quân
y khôi-phục phủ-thành. Nhưng Trương-Nhân rùi rằng không
ám tiến, Đường mới sai Cao-Biền sang thay, bao nhiêu quân
ĩ trao lại cả Cao-Biền.

Cao-Biền đánh Nam-chiếu

Cao-Biền tên tự là Thiên-Lý, vốn dòng dõi Cấm-vệ, lúc nh lại ham văn-học, nổi tiếng khen trong đám quân-sĩ, nguyên châ Thị-ngự[1] vì có công được thiên đến chức Phòng-ngữ-sứ. Thán bảy năm Giáp-thân (864) được chỉ vua nhà Đường thay Trương Nhân làm Đô-hộ Tổng-quản Kinh-lược chiêu-thảo-sứ, đán Nam-chiếu khôi-phục An-nam.

Mùa thu năm Ất-dậu (865) Cao-Biền cùng quan giám-quân Lý-Duy-Chu luyện quân ở trấn Hải-môn. Lý-Duy Chu ghét Biền muốn mượn tay giặc giết Biền, bèn giục Biền đem 5000 quâ đi trước, hẹn sẽ đem quân tiếp ứng đi sau. Biền đi rồi, Duy-Ch đóng lại không tiến nữa. Tháng chín, Biền đến huyện Nam định[2], gặp non 5 vạn quân giặc đang gặt lúa, Biền lẻn đến đánl tan được, chém tướng giặc là bọn Trương-Thuyên, rồi lấ thóc ấy để nuôi quân-sĩ.

Khi ấy Vua Nam-Chiếu là Tù-long, lại sai bọn Dương-Tập Triệu-nặc-Mi, Phạm-nê-ta giúp Đoàn-tù-thiên giữ Giao-châu. Cao-Biền đánh được mấy trận, cho người đem tin thắng trận về tâu, nhưng về đến Hải-môn, Lý-Duy-Chu đều ỉm đi. Duy-Chu lại tâu về vua Đường rằng Cao-Biền không chịu đánh giặc. Vua Đường nổi giận, cho Vương-án-Quyền sang thay và triệu Biền về hỏi tội. Ngay lúc ấy Biền lại đánh vỡ quân Nam-chiếu, giết được rất nhiều và đã vây phủ-thành hơn 10 ngày rồi. Sắp sửa hạ được thành thì bỗng tiếp được tờ điệp của Vương-án-Quyền nói rằng đã cùng Lý-Duy-Chu đem đại-quân ra cửa bể.

1.) — Chuyện Cao-Biền chép rằng : Lúc Biền làm Tư-mã cho Chu-Thúc Minh, thấy hai con chim điêu bay trên giời, Biền giương cung khấn rằng : ta sau được giầu sang thì xin bắn trúng. Biền bắn một phát trúng cả hai con. Mọi người lấy làm lạ, gọi là Lạc-điêu Thị-ngự

2.) — Sách Thái-bình-hoàn-vũ-ký nói rằng : Huyện Nam-định có núi Đông-cứu. Nay núi Đông-cứu ở huyện Gia-bình. Vậy thì huyện Nam-định này ở vào khoảng Gia-lâm và Gia-bình thì phải.

Biên lập tức trao việc quân lại cho quan Giám-trận là Vi-trọng-Về, rồi đem hơn trăm quân thủ-hạ về Tàu. Nhưng về đến Hải-môn thì đắc chỉ trở lại. Nguyên trước Biên cùng Vi-trọng-Về đã sai một người tiểu-sứ là Vương-tuệ-Tán và người tiểu-liệu là Tăng-Cồn đem tình trạng về tâu vua Đường. Bọn này đi đến vụng bể, trông thấy cờ trống quân gia kéo đến, hỏi bọn lâu-thuyền, biết là quan Kinh-lược mới cùng quan Giám-quân; hai người bàn với nhau rằng: Nếu Duy Chu biết tất cướp mất ấn biểu của họ. Họ bèn ẩn trong khoảng hải-đảo, chờ quân Duy-Chu đi qua rồi mới ruổi thẳng về kinh-sư. Vua Đường được tin cả mừng, lại cho Cao-Biền thăng chức Kiểm-hiệu Công-bộ-thượng-thư, và sai trở lại cầm quân đánh Nam-chiếu.

Khi ấy, ở quân thứ, Vương-án-Quyền thì ngu mà lười, Lý-Duy-Chu thì rữ và tham, chư tướng không chịu làm việc, đến nỗi bỏ trễ vòng vây, quân giặc trốn ra quá nửa. Biên đến nơi lại đốc thúc tướng-sĩ đánh phá được thành, giết Đoàn tù-Thiên và một người thổ-man làm hướng-đạo cho quân Nam-chiếu tên là Chu cổ-Đạo, chém hơn ba vạn người. Biên lại đánh phá và giết tù-trưởng hai động thổ man phụ theo Nam-chiếu. Còn các động xin hàng về Cao-Biền rất nhiều. Bấy giờ là tháng chín năm Bính-tuất (866) niên-hiệu Hàm-thông thứ bảy đời vua Ý-tôn nhà Đường vậy.

Đất Giao-châu bị Nam-chiếu phá hại vừa 10 năm giời, đến lấy lại thuộc về Đường.

Kể ra Nam-chiếu một phương-diện là giặc, nhưng về phương diện khác lại là cứu-binh của dân Mường Mán. Đường với Chiếu đều là người ngoài xâm chiếm Giao-châu thì đối với dân Giao-châu Đường có khác gì Chiếu. Quan-lại Đường áp chế quá, không thể chịu được nên dân Mường Mán phải rước quân ngoài về trừ giặc trong, cũng là sự bất-đắc-dĩ vậy. Tiếc vì thiếu việc ghi chép về bên này không có gì, Nam-chiếu cứu giúp Mường Mán những gì, công việc thi-hành ở Giao-châu thế nào, không còn tra-cứu vào đâu; mà chỉ thấy sử Đường chép rằng Nam-chiếu đặt quan giữ đất Giao chân cùng là giết người Giao-châu những hơn 10 vạn. Vậy nên nhà làm sử không thể lấy

chứng-cớ đâu mà coi Nam-chiếu là một hữu-bang đến cứu-viện, chỉ có thể coi Nam-chiếu là một ngoại-quốc đến xâm-lăng. Có một điều là: vì có giặc Nam-chiếu mà người Đường phải tôn-trọng họ Đỗ, không dám coi khinh dân Mường Mán, vậy thì giặc Nam-chiếu đành là cái hại lớn cho Giao-châu, nhưng đối với dân Mường Mán không phải là không có một đôi chút ảnh hưởng có ích. Ôi! Vãi máu phơi thây, rước voi giầy mồ, chỉ vì không chịu được sự ngược-đãi, cái dại của dân Mường Mán cố-nhiên đáng trách, nhưng cái tình dân Mường Mán thực cũng nên thương.

Công việc Cao-Biền

Tháng 11 năm ấy, nhà Đường đổi An-nam Đô-hộ-phủ làm Tĩnh-hải-quân, phong cho Cao-Biền làm Tiết-độ-sứ. Biền vào ở phủ-trị chỉnh đốn mọi việc, định cương-giới, đặt đồn-ải, lập sổ cống-thuế [1], người bản-châu sợ mà kính nên gọi tôn lên là Cao-vương.

Cao-Biền đắp lại thành Đại-la [2]. Sử cũ chép rằng: thành ấy vòng quanh 1982 trượng linh 8 thước, cao 2 trượng 6 thước, chân dầy 2 trượng 5 thước, nữ-tường bốn mặt cao 5 thước 5 tấc, có 55 sở vọng-lâu, 6 cửa trò-vò, 3 cống tiêu nước; lại đắp đê bao quanh 2.125 trượng 8 thước, cao 1 trượng 5 thước, chân dầy 2 trượng; lại làm nhà hơn 40 vạn gian. (?)

1.) — Có người nói rằng dân ta phải đóng sưu thuế là thủy tự Cao-Biền.

2.) — La-thành có từ năm Đinh-mùi (767) niên-hiệu Đại-lịch, đời vua Đại-tôn nhà Đường, Trương-bá-Nghi đắp lên; năm Tân-vị (791) đời Đường Đức-tôn, Triệu-Xương lại đắp thêm; năm Mậu-tý (808) đời Đường Hiến-tôn, Trương-Chu lại đắp lại; Năm Giáp-thìn (824) đời Đường Mục-tôn, Lý Nguyên-Gia đắp thành con, gọi là La-thành; đến đây Cao-Biền đắp thành ngoài cũng gọi là La-thành. Sách Đại-thanh nhất-thống-chí nói rằng thành Đại-la lâu ngày đổ nát, di tích không thể xét được. Nay cái lũy đất bọc quanh Hà-nội là do nhà Lý nhà Trần sửa đắp về sau. Nếu bảo là di-tích của Cao-Biền thì chưa chắc có phải.

Sử Tàu lại chép rằng Cao-Biền đi tuần đến châu Ung châu uảng, thấy đường bể có nhiều đá ngầm, thuyền hay bị đắm, ròng vận tải không tiện, bèn sai bọn Lâm-Phúng, Dư-tồn-Cổ em hơn hai nghìn quân đào cảng. Lúc đi, Biền bảo mọi người ing : Đạo giời giúp người phải, thần thánh giúp kẻ thẳng, nay ào đường bể để giúp sinh-dân, nếu không có lòng riêng, ồn khó gì nữa. Bọn Phúng đi khoi đào hơn một tháng, cảng ã sắp thông, nhưng khoảng giữa có hai hòn đá lớn chắn ngang, úa rìu không chuyển ; ngày 26 tháng 5, bỗng tự nhiên một ận mưa gió, giời đất tối tăm, có hàng mấy trăm tiếng sét ánh những hòn đá ấy vỡ tan hết cả ; ở phía tây lại có hai òn đá nữa, sức người không sao được, ngày 21 tháng 6, lại ó trận mưa sấm sét như trước, đá vỡ hết, cảng mới thông. ì thế Biền mới đặt tên cảng ấy là cảng Thiên-uy [1].

Chuyện này về sau nhiều người ngờ rằng Biền dùng phép bùa thủy ; có người đoán là Biền dùng thuốc nổ, tổng chi là ái mưu gian chước dối của Biền cả. Ông Nghĩa-Phong có bàn ằng : Cao-Biền là kẻ tiểu-nhân âm-giảo, rất chuộng quỉ-thuật âu khấn sạ-điêu may mà được trúng, cho là phú qui có sẵn, r giời ; lúc sang Giao-châu lại ngẫu hợp cái sấm họ Cao 2 ù 50 năm trước, nên Biền lại càng tự phụ mà thần - trí ại càng mê hoặc, tên Tô-lịch 3, thần Long-đỗ 4, đều là mượn iếng thần ; thần còn chưa đủ, đến việc đào cảng lại mượn ả tiếng giời nữa, đại khái lấy quỉ-thuật lòe đời là cái cố-trí

1.)— Cảng Thiên-uy ở châu Uất lâm bên Tàu nhiều người nhận ầm là cảng ở Nghệ-an.

2.)— Lúc Lý-nguyên-Gia đắp La-thành, có người thầy tướng nói ằng 50 năm nữa có người họ Cao mới đắp được.

3,4) – Truyện sông Tô-lịch nói rằng : Ngoài La-thành chừng một dặm, ó con sông nhỏ phát nguyên từ sông Lô-giang, vào phía tây bắc, quanh ề phía nam, ôm lấy La-thành, lại chảy ra sông cái. Biền thường chơi huyền ở đó, chợt thấy một ông lão dung mạo kỳ vĩ, cười nói vui vẻ, Biền hỏi họ tên, lão nói rằng họ Tô tên Lịch. Hỏi nhà ở đâu, nói rằng ở rong sông này. Nói rồi biến mất. Biền cho là thần mới gọi sông ấy là sông Tô-Lịch.

của Biền vậy. Sau này Biền về Tàu làm quan trải mấy tr
lớn là Thiên-bình, Tây-xuyên, Dương-châu, được phong đ
Bột-hải-quận-vương, còn chưa mãn nguyện, muốn những
nước làm vua, sử Đường đã cho Biền vào hạng nghịch-thần,
xem như Biền dung túng cho Hoàng - Sào vào phá kinh -
thì Biền quả là nghịch-thần thật. Về già thất thế, uy - vọ
mất hết, Biền lại quay ra mê tín thần tiên, làm lầu Nghi
tiên, vận áo lông, cỡi hạc giả, làm ra ráng phi-tiên, bị kẻ tì
hạ là Lã-dụng-Chi lấy tà-thuật ngu-lộng như đứa trẻ con
cũng không biết, rút cục đến phải giam chết ở trong ngụ
khi đó, thần chẳng thấy hộ, giời chẳng thấy giúp, tiên cũ
chẳng thấy cứu cho sống, nghĩa là cái thuật của Biền đã d
lúc cùng rồi vậy.

Tục truyền rằng Biền ở nước ta, thường chôn đậu dưới ô
lấy phù chú luyện làm quân, nhưng chưa đến hẹn đã đào lê
nên quân đều non yêu không thể dùng được; lại thường c
diều giấy đi xem đất, gặp đất đế vương thì dùng loài ki
(vàng, đồng, sắt) làm phù, hoặc mồ gái tân mười bảy tu
để yểm, đất công-hầu khanh-tướng thì đặt thành cảo.
thế nên phương-ngôn nước ta có câu « Cao-Biền dậy non
mà nhà địa-lý thì có sách « Cao-vương di-cảo ». Phàm nhữ
chuyện này tuy là chuyện truyền-văn phụ-hội của người đ
sau, nhưng chưa chắc không bởi cái tính hiếu-quỉ của Biề
mà sinh ra vậy. Xem như chuyện đánh thuốc độc những mu

— Biền lại thường chơi thuyền sông cái ở bên đông thành, th
sóng gió cuồn cuộn, có một người lạ đứng trên mặt nước, mặc
vàng, đội mũ tía, tay cầm thẻ vàng. Biền lấy làm lạ, toan dùng cách yể
thì đêm ấy, Biền nằm mộng thấy thần-nhân nói rằng: Ta đây là tinh khí đ
Long-đỗ, thấy ông đắp thành, nên đến ra mắt, yểm làm gì? — Biền giật mì
tỉnh dậy. Ngày mai Biền lập đàn, lấy đồng sắt làm phù yểm. Đến đêm, n
cơn mưa gió, sấm sét ầm ầm, bao nhiêu phù phép đồng sắt của Biền tu
tế cả trên mặt đất. Biền càng kinh dị, nói rằng: Đó là linh khí đ
này, không thể ở lâu sinh vạ. Sau Biền về Tàu quả nhiên chết vì
phản - nghịch.

•Quán Ven Đường, Góp Nhặt Sách Xưa (người đi lượm sách Huỳnh Chiếu Đẳng)•

của Nam-chiêu [1] thì sự thâm độc hiểm-giảo của Biên
àng rõ rệt lắm vậy.

Mấy quan Tiết-độ-sứ về sau

o-Biên ở đây chín năm, đến năm Ất-mùi (875) vua Hy-tôn
Đường thiên Biên về làm Tiết-độ-sứ ở Tây-xuyên (Tứ-
n) Biên xin cho Cao-Tầm lên thay.

o-Tầm là cháu họ Cao-Biên, khi Biên đánh Nam-chiếu,
thường làm tiên-phong, vì có công ấy vua Đường cũng
lời Cao-Biên xin cho Tầm thay Biên làm Tiết-độ-sứ ở đây.
ng không bao lâu vua Đường lại cho Tăng-Cổn làm Tiết-
ứ thay Tầm.

ng-Cổn tức là người tiều-hiệu đã mang thư tấu-tiệp về tâu
Đường trong khi Biên đánh Nam-chiếu. Năm Mậu-tuất (878)
Tiết-độ-sứ. Năm Canh tý (880) lính phủ khởi loạn, Cổn
y đức phủ-dụ, chúng lại kéo nhau ra thú, Cổn đều tha cho
Vì thế các lính thú về hạt Ung-châu đều về với Cổn. Cổn
Tiết-độ-sứ được 14 năm, chánh-trị có tiếng, được người
châu yêu mến gọi là quan Thượng Tăng, có soạn quyển
-châu-ký.

m Nhâm-tý (892), Đường sai Chu-toàn-Dục làm Tiết-độ-sứ
Tăng-Cổn. Đây đã là đời vua Chiêu-tuyên tức là vua cuối
hà Đường, bên nước Tàu đương loạn lạc lung-tung, hết
Hoàng-sào lại đến các phiên trấn, mà Chu-toàn-Dục lại
ười ngu-độn không tài, nên ở Giao-châu lại sinh rối loạn.

Ất-sửu (905) em ruột Chu-toàn-Dục là Chu-toàn-Trung
vương-tước nhà Đường xin vua Đường bãi Chu-toàn-Dục.

.)— Sử cũ chép rằng: Sau khi Biên về rồi, Nam-chiếu lại vào
. Vua Đường dùng chước hòa-thân, lấy con gái tôn-thất gọi là An-
công-chúa gả cho vua Nam-chiếu là Tù-Pháp. Tù-Pháp sai tướng là
i-Long, Dương-Kỳ, Đoàn-nghĩa Tôn đi rước. Khi ấy Biên ở Dương-
, dâng sớ nói rằng ba người ấy đều là phúc-tâm của Nam-chiếu,
lánh thuốc độc giết đi. Ba người ấy chết rồi, Nam-chiếu hết mưu-
từ đó một suy, không quấy nhiễu nước ta nữa.

Cách hai năm sau Chu-toàn-Trung cướp ngôi nhà Đường, cơ-nghiệp nhà Hậu Lương. Thế là bắt đầu vào đời quí vậy.

Tình thế nước Tàu và đời Ngũ-qui

Nước Tàu từ cổ đến đây cứ một hồi trị lại một hồi loạn đời nhà Chu đến loạn Xuân-thu Chiến-quốc ; hết đời nh đến loạn Tam-quốc ; hết đời nhà Tấn đến loạn Ngũ-hồ và Bắc-triều ; và hết đời nhà Đường thì đến loạn Ngũ-qui l Ngũ-đại.

Đời Ngũ-qui nghĩa là năm đời ngắn ngủi, bắt đầu tì Đinh-mão (907) Chu-toàn-Trung cướp ngôi nhà Đường, nhà Hậu-Lương. — Hậu-Lương truyền ngôi hai đời, đu năm (907 — 922) thì bị diệt về Lý-tồn-Húc tức là nhà Đường. — Hậu-Đường truyền ngôi bốn đời, được 1 (923 - 936) thì giặc Khiết-đan[1] vào cướp nước, lập Thạch Đường làm vua, tức là nhà Hậu-Tấn. — Hậu-Tấn truyền hai đời được 11 năm (936 — 946) thì bị diệt về Liêu. Lư Viễn lên làm vua tức là nhà Hậu-Hán. — Hậu-Hán truyền hai đời được 4 năm (947 — 950) thì bị diệt về Quách-Uy nhà Hậu-Chu. — Hậu-Chu truyền ngôi ba đời được 9 năm 959) thì nhường ngôi cho Triệu-khuông-Dận tức là nhà Nhà Tống mới thống nhất được thiên-hạ.

Trong khoảng 52 năm giời mà thay đổi đến 5 triều l những thế thôi, trong nước còn chia sẻ ra nhiều nước nam thì có nước Nam-Hán, nước Nam-Đường, mặt bắc nước Bắc-Hán, mặt tây thì có nước Thục, v. v. cả thảy 10 sát phạt lẫn nhau, mà ngoài thì nước Khiết-đan mới c tịnh lên, thừa cơ vào đánh Tàu, mấy phen tàn phá kinh-đ

1.) — Nước Khiết-đan ở phía bắc nước Tàu, sau đổi tên là Liêu địa phận Đông Tam-tỉnh bây giờ.

ời Tàu đến sỉ nhục. Thực là một hồi đại loạn của [nước
ước ta đương thuộc về Tàu, nước Tàu đại loạn tất là quan
ta, họ Khúc họ Dương chính là những bậc anh-hùng đã
ợc được thời-cơ đó!

Khúc-Thừa-Dụ
(906 = 907)

c-Thừa-Dụ, người ở Hồng-châu (đất Bình-giang và Ninh
ở Hải-dương) vốn dòng cự-tộc, tính lại khoan-hòa hay
người, nên được nhiều người kính phục. Năm Bính-
06) đời vua Chiêu-tuyên nhà Đường, nhân trong châu rối
Chu-toàn-Dục bị bãi rồi, chúng cử ông ấy lên làm Tiết-
Nhà Đường bấy giờ sắp mất rồi, thế không ngăn cấm
cũng phải thuận cho ông ấy làm Tĩnh-hải-quân Tiết-
và gia phong cho hàm Đông-bình- chương-sự.

sau nhà Đường mất ngôi, nhà Hậu-Lương phong cho
n tước Nam-bình-vương, thụ chức Quảng-châu Tiết-độ-
ng ở Phiên-ngu, lại kiêm chức Tĩnh-hải-quân Tiết-độ-sứ,
tánh lấy lại Giao-châu.

c-Thừa-Dụ cầm quyền-chính được hơn một năm thì
gười ta tôn lên gọi là Khúc Tiên-chủ, con là Khúc-Hạo
m quyền.

Khúc-Hạo
(907 = 917)

c-Hạo nối nghiệp cha giữ La-thành làm Tiết-độ-sứ, đặt
lộ, phủ, châu, xã ở các nơi, đặt chức chánh-lệnh trưởng
lệnh-trưởng, chia thuế ruộng, tha lực-dịch, dựng hộ-
biên chép họ tên hương quán, đặt người Giáp-trưởng
coi, chánh-trị khoan-giản, dân được yên nghỉ[1]. Năm
sửu (917), quan Tiết-độ-sứ của nhà Hậu-Lương là Lưu-

= Sách An-nam-kỷ-yếu lại chép rằng : Khúc-Hạo là người Giao-
ối đời nhà Đường thay Độc cô-Tốn làm Tiết-độ-sứ, đổi các huyện
làm giáp, đặt chức quản-giáp và phó-lại-giáp giữ việc thuế má.
ức bốn năm thì mất. Sách này so với sử ta có hơi khác vậy.

Ẩn chết ở Quảng-châu, em là Lưu-Nham lên thay, Lưu-Nh phẫn nhà Hậu-Lương, xưng đế, dựng riêng một nước gọ Đại-Việt sau lại đổi là Nam-Hán. Khúc-Hạo thấy vậy, sai cơ Khúc-Thừa-Mỹ sang sứ Nam-Hán, lấy tiếng là kết hiếu nhi cốt để dò xem tình hình hư thực thế nào.

Năm ấy Khúc-Hạo mất, chúng tôn lên là Khúc-Trung-C con là Thừa-Mỹ lên thay.

Khúc-Thừa-Mỹ

(917 — 923)

Khúc-Thừa-Mỹ lên cầm quyền Tiết-độ-sứ, khinh Nam-hán ngụy-triều, không chịu thông hiếu, sai sứ sang Hậu-Lương c phong. Năm Kỷ-mão (919) Hậu-Lương trao tiết việt [1] c Thừa-Mỹ làm Tiết-độ-sứ. Vua Nam Hán là Lưu-Cung [2] lấy làm hiềm, năm Quí-mùi (923) sai tướng là Lý-Khắc-Chinh sa đánh bắt Thừa-Mỹ đem về Quảng-Châu, rồi sai Lý-T sang làm Thứ-Sử cùng với Lý-Khắc-Chinh giữ Giao-Ch Người sau gọi Khúc-Thừa-Mỹ là Khúc-Hậu-Chủ.

Dương-Chính-Công

(931 — 937)

Dương-chính-Công tên là Diên-Nghệ (có sách chép là Đi Nghệ) vốn là nha-tướng Khúc-Hạo, sau khi Khúc-Thừa-Mỹ Lý-Khắc-Chinh bắt đi rồi, ông ấy họp quân đánh Lý-Khi Chính. Khắc-Chinh thua chạy về Nam-hán. Vua Nam-hán dù chước chiêu-phủ bèn phong ngay tước-vị cho Dương-Di Nghệ. Nhưng Dương-Diên-Nghệ chỉ muốn khôi-phục, khô chịu vào lung-lạc Nam-hán, bèn mở trường đánh võ (đấm chiêu tập hào-kiệt, nuôi hơn 3.000 tráng-sĩ làm con nuôi. T sứ là Lý-Tiến thấy vậy cho về báo vua Nam-hán. Tháng ch

---

1.) — Tiết là phủ tiết, việt là phủ việt.

2.) — Tứ là Lưu-Nham, vì thấy rồng trắng mới đổi tên là Cung. S lại cho tên Cung là bất lợi, lại đổi tên là Lưu-Yểm. Chữ Yểm có c » Long » trên, chữ « Thiên » dưới, lấy nghĩa là « Long phi tại thiên ».

n Tân-mão (931) Dương-Diên-Nghệ phát quân vây Lý-Tiên ; Nam-hán sai Trần-Bảo đem quân sang cứu; quân Bảo chưa i nơi thì phủ-thành đã vỡ, Lý-Tiến phải chạy trốn. Trần- đến vây thành, Dương-Diên-Nghệ ra trận đánh giết được in-Bảo, rồi tự xưng Tiết-độ-sứ cầm quyền cai-trị.

)ng Dương-Diên-Nghệ cai-trị được 6 năm, Chúng gọi là ơng-chánh-Công.

)ến tháng ba năm Đinh-dậu (937) ông ấy bị người nha-tướng Kiều-công-Tiện giết đi mà cướp lấy quyền.

Trận-Bạch-đằng. — Ngô-Quyền phá quân Nam-hán

Thời buổi loạn-ly, anh-hùng khởi nghiệp, kẻ tiểu-nhân bạn-hịch là Kiều-công-Tiện chính là kẻ giọn đường mở lối cho anh-hùng hào-kiệt là ông Ngô-Quyền.

Ngô-Quyền người làng Đường-lâm cùng một làng với Phùng ng ngày trước (huyện Phúc-thọ tỉnh Sơn-tây), vốn dòng -tộc, con quan Châu-mục Ngô-Mân. Sử cũ chép rằng lúc ông ới sinh, trong phòng cứ có ánh sáng lạ ; và trạng-mạo thì khác ường, trên lưng có ba mụn nốt ruồi, người thày tướng lấy n lạ bảo ngày sau có thể làm chủ một phương, vì thế mới đặt n là Quyền. Lúc lớn lên, rất là khôi ngô, mắt sáng như ện, chân bước khoan-thai giống giạc như hổ, có tài trí, can-m, lại có sức khoẻ cất nổi được vạc, làm nha-tướng cho ương-Diên-Nghệ, Dương-Diên-Nghệ gả con gái cho và cho ìo giữ Ái châu (Thanh-Hóa). Khi được tin Kiều-công-Tiện ết Dương-Diên-Nghệ, ông ấy bèn cất quân ra đánh báo thù.

Kiều-công-Tiện cho người đem của sang cầu cứu ở bên Nam-àn. Vua Nam-hán là Lưu-Cung muốn nhân dịp đánh lấy nước , bèn phong cho con là Hoằng-Tháo làm Giao-vương đem quân ang cứu Kiều-công-Tiện. Lưu-Cung hỏi kế ở Tiêu-Ích. Tiêu-ch nói rằng : Bây giờ đang độ mưa lũ, đường bể hiểm trở xa ôi, Ngô-Quyền lại là tay kiệt-hiệt không thể khinh được. Vậy ại-quân phải nên trì-trọng, dùng nhiều quân hướng-đạo rồi ấy nên tiến. Lưu-Cung không nghe, sai Hoằng-Tháo đem

chiến-hạm đi lối sông Bạch-đằng [1] vào đánh Giao-châu mà mình thì đóng quân ở Hải-môn để làm hậu-viện. Lúc đó, ở bên này Ngô-Quyền đã giết được Kiều-công-Tiện rồi, liền đem quân ra đón đánh quân Nam-hán. Trước khi giao phong, Ngô-Quyền đã sai quân lấy gỗ đẽo nhọn đầu, bịt sắt, làm chông cắm ngầm dưới lòng sông Bạch-đằng, rồi nhân lúc nước triều lên to cho quân đi toàn thuyền nhẹ ra khiêu chiến, và giả cách thua chạy về; Hoằng-Tháo thúc quân đuổi theo; một lát nước triều xuống, Ngô-Quyền hối quân đánh lại, bao nhiêu thuyền Nam-Hán vướng chông đắm gần hết, quân chết không biết bao nhiêu mà kể, Hoằng-Tháo cũng chết. Lưu Cung được tin ấy, khóc thảm thiết rồi đem quân về. Bấy giờ là tháng chín mùa thu năm Mậu-tuất (938) niên hiệu Thiên-phúc thứ ba đời Hậu-Tấn bên Tàu. Từ đấy cõi Nam-giao thành một nước độc-lập, không thuộc quyền cai-trị của người Tàu nữa.

Tiên-nho là Ngô-Thời-Sĩ có bàn rằng : Ngô-vương trong giết tặc-thần để báo thù cho chúa, ngoài phá cường-địch để gỡ nạn cho nước, mở nên độc lập, khôi phục mối giềng, công-liệt vẻ vang thay !

Trận đánh Bạch-đằng làm nền gốc cho sự khôi-phục quốc-thống về sau, Đinh, Lê, Lý, Trần còn được nhờ cái dư-liệt, vũ-công rờ rỡ, lừng lẫy ngàn thu, không những khoa-diệu một thời mà thôi vậy.

1·) — Sông Bạch-đằng phát nguyên từ sông Sáu-đầu tỉnh Bắc-ninh chảy qua địa phận Hải-dương, một lối ra sông Mỹ-giang, một lối theo dẫy núi Hang-sơn, đến xã Đoan-lễ hợp lại làm sông Bạch-đằng, một bên là địa phận huyện Thủy-nguyên tỉnh Kiến-an, một bên là địa phận huyện An-hưng tỉnh Quảng-yên, chảy ra cửa Nam-triệu.

Tham khảo

Lệ tiến cống đời nhà Đường

Đời nhà Đường định lệ cống phú các địa hạt, về phần 12 châu đất Giao-châu ta như sau này :

1. Giao-châu, phải cống:	Chuối, cau, da thuồng-luồng, mật rắn trăn, lông trả.
2. Phong-châu	Bạc, đồ sơn, mật rắn trăn, đậu-khấu.
3. Ai châu	Sa, the, lông công.
4. Hoan-châu	Vàng, bạc, ngà voi, tê giác, trầm hương, tre xanh.
5. Tràng-châu	Vàng, bạc.
6. Phúc-lộc-châu	Sáp trắng.
7. Thang-châu	Vàng.
8. Chi-châu	(?)
9. Vũ-nga-châu	(?)
10. Diễn-châu	Vàng
11. Vũ an-châu	Bạc, đồi mồi
12. Lục-châu	lông trả, giáp-hướn;

Kết quả thời kỳ nội thuộc

Từ năm Canh-ngọ (111 tr. t. l.) cuối đời vua Thuật-dương-vương nhà Triệu, Hán-Lưu-Triệt (Vũ-đế) sai Lộ-bác-đức đánh lấy nước Nam việt, cho đến năm Mậu-tuất (938) Ngô-vương-Quyền đánh đuổi quân Nam-hán, tính vừa 1.050 năm. Trong khoảng đó trừ ra Trưng vương 3 năm, Tiền-lý Nam-đế, Triệu-việt vương và Hậu-lý Nam-đế 62 năm, là những thời-kỳ độc lập ngắn ngủi, còn là thuộc Tàu non một nghìn năm giời, lâu lắm thay!

Lấy một nước nhỏ ở kề bên một nước lớn, địa-thế liền là thế, thuộc người lâu là thế, mà chung qui nước Nam lại biệt làm nước Nam, không nhập với nước Tàu, cái nguyên nhân ấy bởi đâu?

— Thuật-gia nói rằng: nước ta Dực, Chẩn chiếm riêng phận giã, Nhật, Nguyệt sẵn có trấn-sơn, thiên-văn, địa-lý, trình tượng rành rành, nên người Tàu không thể dịch thuộc được. Nho gia thì nói rằng: phía bắc nước Nam, phía nam nước Tàu, một dãy núi chạy từ Vân-nam thẳng ra tới bể, hình như cái tràng-thành thiên tạo phân cách bắc nam; mà vị-trí nước Nam lại ở vào nhiệt-đới, khí-hậu nóng ẩm, lam-chướng nặng nề, địa thế ấy, thiên-thời ấy, khiến người Tàu sẵn có cái tư-tưởng không dám ở đất nước Nam, không tham lấy đất nước Nam, nên ta gây nền độc lập cũng có phần dễ. Những thuyết này đúng hay không đúng ta chưa bàn vội, nhưng tưởng cái nguyên-nhân to nhất, gần nhất, đích xác nhất thì không ở đó. Nay thử lấy nhân sự mà xem: Chừng ấy năm giời quan lại Tàu sang cai trị đất Nam, người công bình liêm chánh phỏng được là bao? Có lẽ hầu hết là lũ tham tàn, giết người không biết ghê, lấy của không biết chán, khiến cho người ta không bao giờ quên được cái sỉ-

---

1, 2.)— Người Tàu chia các sao trên giời làm 28 ngôi (nhị-thập-bát tú), chiếu xuống mặt đất mỗi ngôi chiếm một khu vực (phận-giã). Nước ta là phận-giã sao Dực và sao Chẩn.

3, 4) — Sách địa-lý nói rằng nước ta có hai trấn-sơn tượng hình mặt giời mặt giăng, nên Tàu không thôn tính nổi.

nhục về quốc-gia, cái thống-khổ về chủng-tộc; mà người Nam lại không phải là một giống người không khí-phách, không tâm-tư, không can-đảm, Tô-Định tham tàn thì Trưng-vương nổi, Tiêu-Tư bạo-ngược thì Nam-đế lên, mỗi khi gặp được cơ-hội khả-vi lại có những bậc anh hùng hào-kiệt khởi lên đánh đuổi quan Tàu dựng nền tự-trị; mỗi lần tự-trị lại in sâu trong óc nhân-dân cái tư-tưởng tự cường, cái tinh-thần ái quốc, những cuộc phản-kháng kế-tục luôn luôn, đổ rồi lại dậy, bại rồi lại thành, hết keo nọ đến keo kia, tuy không liền nhưng cũng không đứt, khiến cho người Tàu cũng phải coi dân Giao-châu là dân không giảm buộc nổi, xem như vua Nam-hán là Lưu-Cung đã từng nói: «dân Giao-châu hiếu loạn, chỉ nên cơ-mi mà thôi» thì đủ biết; những cuộc phản-kháng nhỏ nhỏ ấy trong sử Tàu cho là giặc cướp quàng xiêm, nhưng đối với dân Giao-châu hồi bấy giờ thì hẳn là những bậc anh-hùng vô danh đã rắm cái lửa nhiệt-thành của nhân dân lại cho khỏi tàn khỏi tắt; gặp đời Ngũ-quí loạn ly, Tống triều nhu-nhược thì ngọn lửa ấy bồng lên mã nước Việt-Nam bởi đó đúc nên. Vậy thì tạo thành nước Nam là những đấng anh-hùng hào-kiệt, mà khích thành những đấng anh-hùng hào kiệt ấy chính là những tham-quan ô-lại của Tàu vậy. Sức ép nặng thì sức phản động cũng to, lẽ tất nhiên là như thế.

Than ôi, địa-thế đã gần, nhân-chủng không xa, mỗi khi gặp người quan Tàu công-bình quảng-đại, biết chăm chỉ đến việc dạy dân nuôi dân thì dân Giao-châu cũng sẵn lòng «Cha Giã-Tông, vua Sĩ-Nhiếp», nào có kỳ-thị gì giống nòi; nếu hơn nghìn năm giời mà quan Tàu đều là những người như thế cả thì dân Giao-châu chắc đã cùng với dân Quảng-châu mà hóa làm dân Tàu rồi, ai còn muốn chi vãi máu phơi thây, hi-sinh bao nhiêu tính mệnh con người để lập riêng một nước nữa! Thế mới biết cái chủ-nghĩa nhân-loại chưa thực hiện ngày nào thì cái chủ-nghĩa quốc-gia còn phải tồn-tại ngày ấy. Nước Việt-Nam lại phải khôi phục nền độc-lập là vinh-hạnh của dân tộc Việt-Nam, mà cũng là sự bất-đắc-dĩ của dân-tộc Việt-Nam vậy.

Nước Việt-Nam đã dựng riêng một nước thì hơn nghìn năm Bắc-thuộc tất là sự sỉ nhục của dân Việt-Nam, Tuy-nhiên, sỉ-nhục mà quan hệ, lấy kim suy cổ, thử xét về mọi đường nhân-chủng, xã-hội, kinh-tế và văn-hóa xem thế nào.

Nhân-chủng. — Sự kỳ-thị giống nòi, lúc Tàu mới lấy đất Giao - châu, nghiệm ở việc không cho người Nam được làm quan Tàu. Song từ khi Lý - Tiến, Lý - Cầm đã tỏ tài ra với người Tàu, cho đến đời Đường, Khương-Công - Phụ làm đến tể - tướng Tàu thì sự kỳ - thị nghe như không còn nữa dù có còn cũng chỉ trong đám quan cai-trị mà thôi. Đến như dân Tàu sang đây thì hình như ít cái thói ấy, nên sự hôn-nhân không có hạn-chế bao giờ. Hơn nghìn năm giời người Tàu kéo sang có chuyến đến mấy mươi vạn mà cùng ăn cùng ở, cùng thông hôn nhân, vậy thì giống người Việt-nam ta tuy không phải toàn giống người Tàu như nhiều sách đã nói, song trong máu người Việt-nam chắc có pha nhiều máu người Tàu thì phải.

Xã hội và kinh-tế. — Đời Hùng-vương khi trước cũng như nhà Chu bên Tàu, các quan đều cha truyền con nối, nhưng chế độ kinh-tế thì có khác : ruộng Lạc - điền cho dân theo nước triều cày cấy, thì thổ-địa vốn không phải là của sở hữu nhà vua. Triệu-Đà lấy nước Au-Lạc, khi bấy giờ đã là cuối đời nhà Tần, đã bỏ Tỉnh-điền, [1] đã mở Thiên, Mạch, [2] nghĩa là nền kinh-tế nước Tàu đã qua thời Phong kiến mà sang thời cạnh-tranh tự do lâu rồi vậy. Bởi thế nên xã-hội Việt-nam không phải qua thời Phong-kiến bao giờ, dân Việt-nam không phải cái khổ làm nô lệ để nuôi một số ít người.

Sự tham-tàn là cái lỗi riêng của các quan cai-trị Tàu. Nhưng cái chính-sách thuộc-địa Tàu chẳng qua chỉ cầu danh-dự, không cốt lợi quyền, bắt nộp cống, bắt xưng thần, mà không xâm lược về đường kinh-tế, các nghệ-nghiệp không chiếm độc-quyền,

---

1, 2) — Tỉnh-điền là phép nhà Chu, ruộng qui vào từng khu, giữa có hai đường ngang hai đường dọc, hình như chữ «tỉnh», nên gọi là Tỉnh-điền. Mỗi tỉnh có 9 ô, mỗi ô 100 mẫu, chia cho 8 nhà, mỗi nhà 100 mẫu chung quanh và phải cày cấy 100 mẫu ở ô giữa là của nhà vua. Thế gọi là phép Cửu nhất, nghĩa là 9 phần lấy một. Ai có của cũng không được tậu ruộng thêm ra nữa. Đến nhà Tần bỏ phép Tỉnh điền mở ra Thiên, Mạch, nghĩa là ai có của muốn mua bao nhiêu ruộng hàng nghìn mẫu hàng trăm mẫu tây ý. Vì thế dân được tự do cạnh-tranh, cũng vì thế mà sinh ra có nhà giàu nhà nghèo vậy.

nên dân Việt-nam tuy có khổ vì những ông quan tham tàn hà khắc, nhưng làm ăn sinh hoạt vẫn được tự do, thuộc Tàu hơn nghìn năm giời mà không đến tiêu diệt cũng nhờ về đó nhiên vậy.

Cái chế-độ kinh-tế có thể cho là không thay đổi ; còn cái chế độ làm quan thế-tập thì đời nhà Tần đã bỏ đi rồi; đời nhà Hán dùng người theo cách bàu cử; đời nhà Đường đã có các khoa thi ; vậy nên cái chế-độ làm quan thế tập của ta khi xưa cũng hết về thời-kỳ Bắc-thuộc. Sau này mở các khoa thi, dùng người không hạn môn-hộ cũng là chịu ảnh-hưởng ở đó.

Văn-hóa. — Có người thấy phong-tục lễ-chế nước Nam bây giờ giống Tàu như hệt mà trách người Tàu lấy chủ-nghĩa đồng-hóa cai-trị Giao-châu làm cho mất văn-hóa cổ nước Nam đi. Nói thế hoặc cũng có lẽ. Nhưng thực thì văn-hóa cổ nước Nam thế nào ? khác Tàu hay giống Tàu ? chẳng còn khảo-cứu vào đâu được. Nay xem như dân Mường là dân còn giữ lối cổ mà phong-tục lễ-chế có nhiều chỗ giống Trung-châu, thì phong-tục lễ-chế nước Nam chưa chắc đã toàn là theo Tàu cả. Tuy nhiên, không thể lấy thế mà bảo rằng văn-hóa nước Nam không nhiễm theo văn-hóa Tàu. Một dân-tộc mạnh hơn, văn-minh hơn, cầm quyền cai-trị mình hơn nghìn năm giời, tính bắt chước là cái tính tự-nhiên của loài người thì sự tập nhiễm văn-minh cũng là sự hẳn như thế và nên như thế.

Văn-hóa Tàu là gốc tự Khổng-giáo. Khổng giáo lấy chữ «NHÂN» làm cốt-tử. Nhân là cái đức thương yêu loài người, thể tất muôn vật. Khổng-giáo chỉ dạy người ta cái đạo nhật-dụng thường-hành, nên không ngoài những điều tu-thân luân-lý ; HIẾU, ĐỄ, TRUNG, TÍN là những điều đại-yếu mà cốt ở sửa mình để dạy người ; chánh-trị thì lấy DÂN làm trọng mà chủ-trương nghĩa TÙY-THỜI ; đạo-đức thì sùng bái CỔ-NHÂN ; quỉ-thần thì lấy GIỜI làm thần vô-thượng, nhưng không phải thờ cúng, cứ làm điều phải tức là thờ giời, mà tổ - tiên thì thờ cúng rất siêng ; quan-niệm về vũ-trụ thì cho rằng vạn vật thủy tự NHẤT NGUYÊN tức là Thái cực, Thái-cực sinh ra Lưỡng-nghi là khí Âm và khí Dương. Âm, Dương biến hóa mới sinh ra muôn loài.

Tôn-sư là đức Khổng-tử. Ngài húy là Khâu tên chữ là Trọng-Ni, sinh tại nước Lỗ, (thuộc tỉnh Sơn-đông) vào cuối đời nhà Chu, khoảng 550 trước Tây-lịch, mất năm 478 trước Tây-lịch. Ngài soạn Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Dịch, định Kinh Lễ, Kinh Nhạc và làm ra Kinh Xuân Thu. Sau học-trò ngài ghi chép lời nói và việc àm của ngài làm ra sách Luận-ngữ; ông Tăng-tử (Tăng Sâm làm sách Đại-học, nói về đạo cách-vật, trí-tri, thành-ý, chánh-tâm, tu-thân, tề-gia, trị-quốc, bình-thiên-hạ; cháu ngài là ông Tử-tư (Khổng-Cấp) làm ra sách Trung-dung, phát minh ra chữ THÀNH [1]; sau lại có ông Mạnh-tử (Mạnh-Kha) phát minh ra thuyết NHÂN-NGHĨA [2] học trò ông Mạnh-tử ghi chép lấy làm ra sách Mạnh tử. Sáu kinh của đức Khổng-tử về sau mất kinh Nhạc, chỉ còn có năm, cùng với 4 bộ sách kia gọi là Ngũ-Kinh, tứ-thư (hay tứ-truyện). Ấy tinh túy Khổng-giáo tóm ở chín bộ sách ấy.

Cùng thời kỳ ấy ở nước Tàu còn có nhiều học-thuyết khác, như là Đạo-giáo, thủy tự Lão-tử tức là ông Lý-Đam, làm ra Đạo-đức-kinh, lấy HƯ-VÔ làm đạo-đức, nói rằng người ta cứ điềm-tĩnh vô vi là thiên-hạ thái-bình. Văn-tử, Thi-tử, Trang-tử, Liệt-tử đều theo học-phái này. — Lại có Mặc-tử (Mặc-Địch) chủ-trương nghĩa KIÊM ÁI, coi thết thảy người

---

1.) Chữ «thành» này nghĩa rất sâu sắc, có thành thì làm gì cũng được, có thể cảm được thiên-địa, qủi-thần, có thể động được chim muông vạn vật, có thể biết được việc về sau, so với học-lý bây giờ tức là cái sức mạnh của tâm-lý mà nhà chánh-trị, nhà giáo-dục, nhà y-tế, nhất là nhà thôi-miên đương ra công nghiên cứu vậy.

2.) Đức Khổng tử nói một chữ NHÂN, ông Mạnh tử thêm chữ NHĨA nghĩa lý thì rộng lắm, xin thí dụ cho dễ hiểu, như: ai cũng phải thương yêu, thế là Nhân, nhưng đối với người thân thì phải thương yêu hơn, thế là Nghĩa; hết thảy loài người trong thế-giới mình đều thương yêu thế là Nhân, nhưng đối với người trong nước, mình thương yêu hơn, thế là Nghĩa. Ông Chu-công vốn thương em thương thiên-hạ nhà Chu, thế là Nhân, nhưng vì thiên-hạ nhà Chu mà phải hại em, thế là Nghĩa. Ông Thang, Ông Vũ vì thương dân mà phải hại vua Kiệt vua Trụ thế là nghĩa.

hê gian đều thương yêu như người thân mình vậy. Lại có Dương-tử (Dương-Chu) chủ-trương nghĩa VỊ-NGÃ, người ta chỉ yêu mình, chỉ vị mình, cốt cho mình được khoái-lạc, không nghĩ gì đến ai cả.

Đến đời nhà Tần thì đốt hết sách, cấm đạo nho. Nhưng đến đời nhà Hán lại tôn Khổng giáo, nhất là Hán Vũ-đế bãi truất hết các học-phái khác, chỉ tôn sùng một đạo Khổng, đặt quan bác sĩ, giảng giải ngũ-kinh. Từ đấy trở đi, đạo Khổng càng ngày càng thịnh. Các vua chúa nước Tàu về sau đều theo như Hán Vũ-đế cả. Bởi thế văn-hóa nước Tàu mới qui hết vào trong phạm-vi Khổng-giáo.

Nước Nam ta thuộc Tàu từ đời Hán Vũ-đế, chính là lúc bãi truất các học-phái khác mà tôn-sùng riêng một Khổng-giáo. Vì thế văn-hóa nước ta cũng không ngoài phạm-vi Khổng-giáo được, mà luân-lý, lễ-chế, chánh-trị, học-thuật, không cái gì là không giống Tàu ; hoặc có điều gì cố-hữu của mình cũng đến thời-kỳ này thì sửa chữa điểm tô, có lẽ không còn mấy tý là nguyên bản-sắc,

Đạo Khổng là một đạo thuần - mỹ, có thể truyền cho muôn đời được. Văn - hóa Tàu là văn - hóa tốt, mình tập nhiễm được cũng là một sự hay. Chỉ tiếc rằng nước mình ở vào một chỗ phía đông thì bể, phía tây phía bắc những núi cùng rừng; những dân giao thiệp với mình là dân Tàu, hơn mình lại hơn quá, dân Mường, dân Mán, dân Chàm, dân Lào, kém mình lại kém nhiều, thành ra người mình không có cạnh-tranh; đã không cạnh-tranh còn cần gì suy-nghĩ tìm đòi cho được ngày thêm tiến bộ. Vì thế người mình xưa kia chỉ có bắt chước người mà không phát minh được điều gì mới mẻ hơn người. Gia dĩ đạo Khổng ở bên Tàu truyền đến chư-nho về sau cũng xuyên-tạc đi nhiều : chỉ học nghĩa HIẾU CỔ mà bỏ nghĩa TÙY THỜI, chỉ học nghĩa TIỂU KHANG mà bỏ nghĩa ĐẠI ĐỒNG, chỉ học nghĩa TÔN QUÂN mà quên nghĩa DÂN DUY BANG BẢN, đại loại như thế rất nhiều; ở nước Tàu đã xuyên tạc thì sang Ta cũng không khỏi xuyên tạc mà lại tệ hơn : «lễ-tiết» biến ra «câu-cẩn», «nhân nhượng» biến ra «nhu-nhược»,

«tôn-quân» biến ra «chuyên-chê», «hiếu-cổ» biến ra «thủ-cựu-bất-thông», bắt chước người mà không khéo thì cái tệ lại quá người. Văn-hóa ta nhiễm Tàu mà lưu tệ lại dở hơn Tàu là thế. Tuy-nhiên, ngoài những chỗ dở hơn, không phải là không có chỗ hay hơn : không lấy người cùng họ là văn-hóa Tàu mà con cô con cậu vẫn lấy nhau, ta thì không bụng nào làm thế được ; hậu-tang là văn-hóa Tàu mà tang cha mẹ vợ chỉ để ba tháng, ta thì ít ra cũng phải một năm; người Tàu rất nghiêm giới hạn nam-nữ mà sự dâm đãng lại thấy có nhiều, ta thì giới hạn nam nữ không quá nghiêm mà sự tình dục lại rất ít, đàn bà thủ tiết cơ hồ khắp chốn hương thôn; đại-khái những điều thuộc về phong-tục luân-lý như thế, đối với văn-hóa cổ Á-đông, ta có thể tự-qui mà cho mình là hậu hơn người Tàu vậy.

Đất nước ta về cổ thời

Sử cổ-thời là sử chép theo, nên cương-giới cổ thời không thể nào biết cho đích xác được. Sử đời vua Hùng đã có hai thuyết khác nhau : Ông Nguyễn-Thiên-Túng chua sách địa-dư ông Nguyễn-Trãi, đem 15 bộ vua Hùng đối vào tên đất về sau thì nước Văn-lang bấy giờ chỉ có xứ Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ, đó là một thuyết. — Sử cũ chép rằng nước Văn-lang đông giáp Nam-hải, tây đến Ba-thục, (Tứ-xuyên) bắc đến hồ Động-đình (Hồ-nam giáp Hồ bắc), nam giáp nước Hồ tôn (Bình-định), vậy thì nước ta bấy giờ gồm có phía bắc Trung kỳ, Bắc kỳ, Quảng-đông, Quảng-tây, Hồ-nam, Qui-châu, đó lại là một thuyết.

Người theo thuyết trên thì cho rằng Quảng-đông, Quảng-tây vốn không phải là đất nước ta, ta không nên tiếc. — Người theo thuyết dưới thì cho rằng Quảng-đông, Quảng-tây và cả Hồ-nam Qui-châu xưa kia đều là đất nước ta cả, đời vua Triệu-Đà cũng còn có cả lưỡng Quảng; Vua Ngô-Quyền độc lập chỉ lấy được phần Giao-châu (tức là xứ Bắc kỳ và phía bắc Trung-kỳ), còn phần Quảng-châu ta mất đất nhiều lắm ; mà cái nguyên-do mất đất lưỡng Quảng là gốc bởi đời Đông-Ngô chia đất Giao-châu và Quảng-châu làm hai.

Người theo thuyết trên thì lấy sử cũ và những truyện chép trong sử như truyện vua Lạc-long lấy vợ truyện Sơn-tinh, Thủy-tinh đều nói đến Động-đình làm chứng. — Người theo thuyết dưới thì lấy sách Địa-dư-chí ông Nguyễn-Trãi làm bằng.

Việt-sử Khâm-định cũng lấy sách Địa-dư ông Nguyên-Trãi m chuẩn mà bác lời sử cũ nói « tây giáp Ba-thục, bắc giáp ộng đình » là vu. Nhưng sách địa dư ông Nguyễn-Trãi mà ng Nguyễn Thiên-Túng chua như thế kia chẳng qua cũng là ỷ đoán phỏng về sau. Xem những tên đất 15 bộ đời vua Hùng ầu hết trùng với những tên châu tên huyện đời Hán, đời gô, đời Đường mới đặt về sau, vậy thì biết đâu tên 15 bộ ấy hẳng tự người sau thời-kỳ Bắc-thuộc nhân tên châu tên huyện ã quen mà ghép vào 15 bộ đất vua Hùng như thế, rồi ông guyễn-thiên-Túng lại nhân những tên đất ấy khảo cứu các ịa-lý-chí của Tàu, so với địa-dư đời nhà Lê mà chua vào như ế kia ? Sách địa-lý-chí của Tàu là những sách chép trong ời-kỳ Bắc-thuộc ; những tên Giao-chỉ, Chu-diên, Cửu-chân, ửu đức, Dương-tuyền, Phúc-lộc, Cửu-chân, Hoài-hoan v. v. hép ở trong sách ấy toàn là những tên châu tên huyện về phần iao-châu-tức là địa p ận Bắc-kỳ và phía ắc Trung-kỳ - của ời Hán đời Đường cả, nêu lấy những châu huyện ấy làm chuẩn lịch cho 15 bộ đời vua Hùng thì bảo sao đất vua Hùng chả huôn vào xứ Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ? Như vậy thì thuyết ày đã lấy gì làm bằng chắc. Việt-sử Khâm định là sách của Bản-triều, các quan phụng chỉ mà làm, sở dĩ phải nhận hẳn huyết nọ, bác bẳn thuyết kia, là cốt để tỏ ra rằng đất ước ta từ cổ đến nay chưa bao giờ được rộng bằng Bản-triều nà thôi [1].

---

1) — Lời án trong Việt-sử K âm-định rằng : « Nước ta từ Trần, Lê rở về trước đông đến bể, â giáp Vân-nam, Lão quà (Ai-lao), nam iáp Chiêm-thành, bắc giáp Quảng-đông, Quảng-tâ so với các sách địa-lư Tàu nói cũng giống như thế. Đế Bản-triều đức Thế-tổ Cao-hoà g đế đại định thiên-hạ, đông đến bể, tây g áp Vân-r am, nam giáp Cao-man, bắc giáp lưỡng Quảng, địa-đồ o rộng, trước nay hưa bao giờ có ; song ới Động-đình, Ba-thục còn cách r hau xa lắm. Thế mà sử cũ nói rằng ước Văn-lang tây đến Ba-thục, bắc đến Động-đình, không hay là nói q á ự thực c ăng ? Hồ. Động-đình ở chỗ giáp-giới Hồ-nam và Hồ - bắc đó là o ía bắc đất Bách-việt thật ; chứ Ba-thục có cách Tuỳ-Điền (giờ thuộc Vân-nam), đất không tiếp giáp, sử cũ nói cho to lên, cũng với truyện Thục-vương về sau đều là lời truyền hư vậy. Phương chi 15 bộ vua Hùng khôn ; thấy một bộ nào ở đất Tàu, đủ ứng rằng sử cũ là vu vậy.

Xem lời án này cũng đủ biết ý các quan vậy.

Việt-sử Khâm-định bác lời sử cũ là vu, có hai lẽ làm bằng : Một lẽ là xét tên 15 bộ đời vua Hùng không thấy bộ nào ở đất Tàu cả ; một lẽ là đất Ba-thục còn cách Tủy-điền (nay thuộc Vân nam) không tiếp giáp với ta. Lẽ thứ nhất — như trên kia đã nói — nếu 5 bộ đời vua Hùng mà do người sau lấy tên châu tên huyện của Hán, Đường đặt về phần đất Giao-châu mà ghép vào thì trong đất Tàu — nghĩa là từ Quảng-châu trở đi — không có những tên đất ấy là phải. Còn lẽ thứ hai thì : Ba-thục chính là đất Tứ-xuyên ; Tứ-xuyên giáp Quí-châu ; Quí-châu giáp Quảng-tây, nếu Quảng-tây với Quí châu là đất vua Hùng thì không phải là đất không tiếp giáp.

Nay xét trong địa-dư và lịch-sử âu thì mấy tỉnh Quảng-đông, Quảng-tây, Hồ-nam, Quí-châu vốn xưa kia không phải đất Tàu

Tỉnh Hồ nam cứ như sách Tàu thì : Xưa kia là đất Tam-miêu, đời nhà Hạ là đất Kinh-châu. Vậy thì Hồ-nam mới thuộc Tàu về đời nhà Hạ (23 thế-kỷ trước Tây-lịch). Lại khảo về các hầu-quốc đời nhà Chu thì những nước ở tận phía nam bấy giờ là Việt, Sở, Ba, Thục. Ba và Thục là đất Tứ-xuyên bây giờ ; nước Việt thì ở Chiết-giang, một phần tỉnh Phúc-Kiến, một phần tỉnh Giang-tây ; nước Sở trước ở đất Hồ-bắc. Đến đời Xuân-thu (thế kỷ thứ năm trước Tây-lịch) Sở mạnh lên mới đánh lấy đất Hồ-nam.

Quảng-đông và Quảng-tây thì đầu đời nhà Tần cũng chưa thuộc về Tàu. Sách địa-dư âu nói rằng « cách huyện Hưng-an 40 dặm về phía tây có di-tích cái thành cũ, tương truyền là của Tần-Thủy-Hoàng đắp để ngăn nước Việt, đá xây thành bây giờ hãy còn ». Huyện Hưng-an ở phía bắc tỉnh Quảng-tây, vậy thì Quảng-tây bấy giờ còn là đất nước Việt. Mà nước Việt này có lẽ là nước Âu-lạc. Lời truyền ngôn lầm với nước Nam-việt của vua Triệu-Đà về sau chăng ?

Đến năm Đinh-hợi (214 Tr. T. L.) Tần sai Đồ Thư, Sử-Lộc lấy đất Lĩnh-nam đặt ba quận Quế-lâm, Nam-hải và Tượng-

nận, 1 đến đó lưỡng Quảng mới thuộc về Tàu. Sách Linh-goại-đại-đáp lại chép rằng: «Thủy-hoàng lấy đất Dương Việt ặt ba quận Quê-lâm, Nam-hải và Tượng-quận», xét ra tiếng Dương-Việt» người Tàu thường dùng để gọi giống người ở iang-tay 2 mà đất Giang-tây và Phúc-kiến là đất Dương châu rong Vũ-cống, vậy thì không những lưỡng Quảng, mà có một phần đất Giang-tây và Phúc-kiến cũng đến trận này mới nuộc về Tàu:

Còn đất Quí-châu trong sách Tàu nói rằng: «Đời nhà Ân là ất-Quỉ-phương; đời nhà Hán thuộc những rợ mọi phía tây-am là Dạ-lang, Thả-lan v.v.., Hán Vũ đế lấy ít nhiều đặt ra uận Tường-kha, nhưng cũng chưa hết; nhà Nguyên, nhà Minh ở mang dần dần; mãi đến nhà Thanh mới đặt thành tỉnh»; ại nói rằng dân ở đây là nòi giống Tam-miêu chạy trốn đến ở.

Coi đó, bốn tỉnh ấy đều là đất của Tàu mới lấy về sau cả Khi bốn tỉnh ấy chưa thuộc về Tàu thì có phải là đất nước ta không? — Vua Hùng dựng nước vào khoảng 27 thế-kỷ trước Tây lịch, vậy đất bốn tỉnh ấy dù chưa dám quyết là đất của ta, nhưng cũng có lẽ; nếu không phải là đất của ta thì cũng là bộ lạc rợ mọi, vì xưa nay không có nước nào thành-lập ở đó cả. Riêng một tỉnh Hồ nam tuy trong sách Tàu nói rằng xưa kia là đất Tam-miêu, nhưng người Tam miêu — tức là dân Mèo — vốn thiên tỉ vô thường, khắp các miền núi phía tây-nam nước Tàu, miền thượng du nước ta, Ai-lao, Diễn-điện đâu đâu cũng có mà chẳng thành nước bao giờ. — Tỉnh Quí-châu sách Tàu nói rằng

---

1) — Ba quận này sư cũ — cả sử Khâm-định chua rằng Quế lâm là đất Quảng tây, Nam-hải là Quảng-đông, Tượng quận là đất nước ta. Nhưng có lẽ không phải. Vì nếu thế thì vua An dương đã diệt ngay từ năm ấy, (214 Tr. T. L), không còn đâu đến năm Quí-Tỵ (208 Tr. T. L.) mới mất về Triệu-Đà. Nay xem địa dư Tàu: Quảng-đông có huyện Nam hải, Quảng-tây có huyện Quế lâm và huyện Tượng: sách địa-dư Tàu về tỉnh Quảng-tây lại có câu rằng «đời nhà Tần là Quế-lâm, Tượng quận», vậy thì ba quận kia đều là đất lưỡng Quảng cả.

2). — Sách Tàu chia: Ô việt ở Chiết-giang, Mân-việt ở Phúc-kiên, Dương việt ở Giang-tây, Nam việt ở Quảng đông, Lạc việt ở nước ta mà gọi chung là Bách việt.

đời nhà Ân là đất nước «Qui-phương» mà sử ta thì đời Hồng-àng người Tàu gọi ta là «Xích-quỉ». Trong kinh Dịch có câu rằng «Cao tôn phạt Quỉ-phương» (vua Cao-Tôn nhà Ân đánh nước Quỉ-phương); mà trong sử ta đức Phù-đổng đánh giặc Ân cũng vào khoảng ấy. Lại xem trong sử Tàu về đời Cao dương (2513-2434 Tr. T. L.) và đời Đường-Nghiêu (2357-2254 Tr. T. L.) đều nói rằng : «phía nam giáp đất Giao-chỉ». Về đời này bốn tỉnh kia chưa thuộc về Tàu mà phía nam nước Tàu giáp Giao-chỉ, vậy bốn tỉnh ấy rõ ràng là đất Giao-chỉ vậy. Giao-chỉ ấy có phải là ta chăng ? Đem điển-cố hai bên mà đối chiếu lại thì bảo đất lưỡng Quảng, Hồ-nam và Qui-châu xưa kia là đất nước ta không phải là không có bằng chứng, mà lời sử cũ nói «nước Văn-lang tây giáp Ba-Thục, bắc giáp Động-đình» tưởng cũng không đến nỗi vô lý vậy.

Nếu đất nước ta về cổ-thời quả như lời sử cũ thì Quí-châu ta mất về người Dạ lang, người Thả-lan, không biết về thời kỳ nào; đất Hồ-nam ta mất về đời nhà Hạ hoặc mất về nước Sở. Còn đất lưỡng Quảng lần thứ nhất mất về đời Tần Thủy-hoàng (214 Tr. T. L.), lần thứ hai mất về Hán Vũ-đế, lúc nhà Triệu mất nước (111 Tr. T. L.), lần thứ ba mất về Hán Quang-vũ, lúc vua Trưng thất thế, theo Tây lịch là năm thứ 43 sau Thiên-chúa giáng-sinh, tưởng không đợi đến nước Đông Ngô chia hai Giao-Quảng, vua Ngô Quyền độc-lập không lấy lại được Quảng-châu, ta mới nên tiếc vậy. Việc đời hoang-cổ, bút sử mật mờ, nẫng xin lưu cái án ngờ, để đợi người sau khảo cứu .

Nhà Ngô

(939 — 965)

TIỀN NGÔ-VƯƠNG

(939 — 944)

Năm kỷ hợi (939), mùa xuân, vua Ngô lên ngôi, đóng đô ở Cổ-pa (thuộc huyện Đông-anh, tỉnh Phúc-yên) lập bà Dương thị con gái ông Dương Diên-Nghệ) làm vương-hậu.

Vua sửa sang việc chánh-trị, đặt trăm quan, định nghi lễ trong riều và các sắc phẩm phục, qui-mô đế-vương cũng đã hầu đủ. Tiếc thay chỉ làm vua được 6 năm, đến năm Giáp-thìn (944) thì mất, thọ 47 tuổi .

Dương Tam-kha cướp ngôi (945 — 950). — Khi Ngô-vương bệnh nặng, dặn lại Dương-Tâm - Kha là em Dương hậu giúp con cả là Xương-Ngập lên nối ngôi. Vua Ngô mất rồi, Tam Kha bèn cướp ngôi của cháu, tự xưng là Bình-vương.

Ngô-Xương-Ngập **sợ nạn,** chạy ra Nam-sách (Hải - dương) vào ẩn ở nhà Phạm-lệnh-công ở Trà-hương (huyện Kim-thành). Dương-Tam-Kha sai Dương-Cát-Lợi, Đỗ-Cảnh-Thạc đem quân đi bắt Xương-Ngập, ba lần đi đều không bắt được Lệnh-công đem giấu Xương-Ngập vào trong núi, Tam-Kha dò biết lại cho người đi bắt cũng không được Dương Tam-Kha lấy con thứ hai Ngô-vương là Ngô-Xương-Văn làm con nuôi. Còn hai người con trưởng Ngô vương là Nam-Hưng, Càn-Hưng hãy còn nhỏ, đều nương tựa bà Dương-hậu.

Năm Canh-tuất (950), có dân ở hai thôn [1] Thái - bình, [2] nổi loạn. Dương-Tam-Kha sai Xương-Văn cùng Dương - Cát-Lợi, Đỗ-Cảnh - Thạc đem quân đi đánh. Xương - Văn đi đến

---

1.) — Sử cũ chép rằng hai thôn Đường, Nguyễn ở Thái-bình.

2.) — Thái bình này có lẽ cũng ở đâu Sơn-tây, chỗ Triệu-Việt vương và Lý-Phật-tử đánh nhau ngày trước .

huyện Từ-liêm, bảo hai tướng kia rằng: «Tiên-vương ta khi trước có ơn đức thấm khắp lòng dân, phàm ra chính lệnh, chẳng ai là chẳng vui lòng tuân theo. Chẳng may Tiên-vương ta xa bỏ quần-thần, Bình-vương là người bất nghĩa, tự làm sự thoán đoạt, kẻ tội không gì to bằng. Nay lại sai chúng ta đi đánh cái ấp vô cô; may mà được, thì thôi; bằng nó không chịu thì làm thế nào?». — Hai tướng đều nói rằng: «Xin tùy mệnh lệnh ngài». — Xương-Văn nói rằng: «Nay ta muốn đem quân trở lại đánh Bình-vương, khôi phục nghiệp nhà, có nên chăng?» — Hai tướng đều bằng lòng, bèn trở lại đánh bắt Tam-Kha. Chúng muốn đem giết, nhưng Xương-Văn nghĩ tình cậu cháu và ơn nuôi mình, không nỡ, bèn giáng xuống làm Trường dương-công và cho đất để lấy thuế mà ăn.

HẬU-NGÔ-VƯƠNG

(930 – 965)

Năm Tân-hợi (95) Ngô-Xương-Văn đã bỏ được Dương-Tam-Kha rồi, bèn lên ngôi xưng là Nam-tấn vương, tức là Hậu-Ngô-vương.

Nam-Tấn-vương sai người đi rước anh là Ngô Xương-Ngập ở Nam-sách về cùng coi việc nước. Xương-Ngập xưng là Thiên-sách vương.

Thiên-sách vương có ý thu quyền về một mình, nhưng đến năm giáp-dần (954) thì mất. Nam-Tấn vương mới tóm quyền chính-trị. Muốn biết tình hình Nam-hán thế nào, Nam tấn-vương bèn lấy điều cầu phong, sai sứ sang Nam-hán dò xem hư-thực. Vua Nam-hán là Lưu-Thạnh sai Lý-Dư đem tiết việt sang phong Nam-tấn vương làm Tĩnh-hải-quân Tiết-độ-sứ kiêm chức Đô-hộ. Nhưng Lý-Dư đi đến giữa đường, Nam-tấn-vương sai người ngăn lại nói rằng giặc bể quấy rối, đường-sá không thông, xin đừng sang nữa. Dư lại trở về.

Từ khi Dương-Tam-Kha tiếm đoạt ngôi vua, các thổ-hào nổi loạn cũng nhiều. Nam-tấn vương tuy khôi phục được nghiệp cũ, nhưng cũng không thống nhất được giang-sơn. Nam-tấn-vương phải tự đem quân đi đánh. Có tên tướng giặc là Chuế hái nổi

loạn ở quận Thao-giang, Nam - tấn-vương thân chinh chém được Thái. Rồi lại đem quân đi đánh hai thôn ở Thái - bình. Quân vừa đến nơi, bỏ thuyền lên bộ, Nam-tấn-vương bị tên nỏ của phục binh giặc bắn trúng, mất ở quân. Bấy giờ là năm Ất-sửu (965). Nam-tấn-vương làm vua được 15 năm.

Thập-nhị sứ quân

(955—967) 1

Nam-tấn-vương mất rồi trong nước lại càng rối loạn. Các thổ-hào kẻ trước người sau nổi lên tứ phía. Con Thiên-sách-vương là Ngô-Xương-Xí lên nối nghiệp nhưng thế nhà vua bấy giờ đã suy nhược quá, không ai phục tùng nữa Ngô - Xương-Xí chỉ giữ được đất Bình-kiều; tướng nhà Ngô là Đỗ Cảnh-Thạc cũng đem quân ra giữ sông Đỗ-động, cùng với các thổ - hào khác mỗi người chiếm giữ một khu, hùng trưởng một vùng, chẳng ai chịu ai cả. Thành ra trong nước chia làm 12 khu, mỗi khu một người hùng-trưởng, gọi là 12 sứ-quân :

1 Ngô-Xương-Xí, là con Thiên-sách-Vương, giữ Bình-kiều(?)

2 Đỗ-Cảnh-Thạc, tướng cũ nhà Ngô, giữ sông Đỗ - động 2

3 Trần-Lãm, xưng là Trần-Minh - công giữ cửa Bố - hải 3

4 Kiều-công-Hãn, xưng là Kiều-Tam-Chế, giữ Phong- châu 4

1.)— 12 Sứ quân kể trước người sau, có người khởi lên ngay từ lúc Dương-Tam-Kha chiếm ngôi (945), chứ không phải cùng khởi một lúc. Song những năm trước còn là đời Ngô, từ năm Ất-sửu (965) mới đủ 12 sứ quân. Vậy nên đời Thập-nhị sứ quân cũng kể từ năm này.

2.)— Là một con sông chảnh chảy vào sông Nhuệ-giang, thuộc huyện Thanh-oai. Sách sử ông Ngô-thời-Sĩ chua rằng: Ở làng Bảo - đà huyện Thanh-oai có nền cũ thành sứ quân.

3.)— Tức là làng Kỳ-bá ở tỉnh-lỵ Thái bình. Nay mấy làng Kỳ-bá, Bồ-xuyên ở đấy còn có đền thờ. Ngày xưa đây là cửa bể.

4.)— Ở xã Phù-lập huyện Bạch hạc (Vĩnh-yên) có di-tích thành sứ quân.

5· Nguyễn-Khoan, xưng là Nguyễn Thái-bình, giữ núi Tam đới 1

6· Ngô-Nhật-Khánh, họ vua Ngô, xưng là Ngô - Lãm - công, giữ Đường-lâm (Phúc-thọ, Sơn-tây).

7· Lý-Khuê, xưng là Lý-Lãng-công, giữ Siêu - loại (Thuận - thành, Bắc-ninh).

8· Nguyễ -Thủ-Tiệp, xưng là Nguyễ n-lệnh công, lại có hiệu là Ba-an quân, mình cao, tiếng lớn như sấm, người ta gọi là Lôi-công ông sấm), giữ Tiên du (Bắc-ninh) ; sau gồm cả đất Vũ-ninh, gọi là Vũ-ninh-vương.

9· Lã Đường, xưng là Lã-Tá-công, giữ Tề-giang (Văn giang, Bắc-ninh

10· Nguyễn Siêu, xưng là Nguyễn-Hữu-công, giữ Tây - phù liệt (Thanh-tri, Hà-đông)

11· Kiều-Thuận, xưng Kiều lệnh-công, giữ Hồi-hồ Cầm-khê Sơn-Tây [2].

12· Phạm-Bạch-Hổ, xưng là Phạm-Phòng-ất, giữ Đằng-châu (Hưng-yên [3]).

Mười hai sứ quân ấy cứ đánh lẫn nhau, dân gian khổ sở không còn phải nói nữa Loạn lắm mong bình, lòng người tất nhiên như thế ; bĩ rồi đến thái, đạo giời vốn cũng không sai; cùng thời-kỳ này ở nước Tàu, qua đời Ngũ-quí rồi loạn thì có Tống-tổ khai cơ; ở nước Nam, qua đời Thập-nhị sứ - quân thì đến Đinh - hoàng thống nhất, có thời thế ấy tất có anh-hùng ấy, có một phen chia xẻ mới có lâu năm hỗn đồng, vậy thì đời Thập-nhị sứ quân này có lẽ là một dịp cầu tất phải qua cho dân ta đến bước yên vui, nước ta đến chốn hoàn-toàn vậy. Mà thời-kỳ loạn ly xâu xé của ta chỉ ngắn ngủi có hơn 10 năm so với đời Ngũ-quí bên Tàu hơn kém 60 năm giời thì dân ta tưởng cũng còn là may hơn vậy.

1.) — Thuộc phủ Vĩnh-tường (Vĩnh-yên). Nay ở làng Vĩnh - mỗ huyệ Yên-lạc có núi Ngu ẫn-gia loan, một tên là Đạc-nhĩ-sơn, một tên là Bi sơn, có chùa thờ ông Nguyễn-Khoan. Nguyên xưa Nguyễn-Khoan đóng ở núi ấ .

2.) — Làng Trương xá có di-tích thành Kiều công.

3.)— Nay làng Đằng-châu, huyện Kinh động có đền thơ.

Sử để chép việc, việc gần dễ khảo, việc xa khó tìm, đời Hùng vương là đời thái cổ, sự thuộc diều mang; đời Bắc thuộc là lúc quyền người, đã không có nước làm gì có sử; cho nên trong thời kỳ này chế-độ thiêu thôn, thống- kỷ lung-tung, công việc phần nhiều là nghi-ngờ và vụn vặt. Bởi thê Việt-sử-khâm-định -ấy từ Thập-nhị-sứ quân trở lên đặt riêng làm một phần gọi là Tiền biên, cho khác với phần sử Chính-biên, là lúc nước đã độc-lập, người đã khai thông, văn-hóa đã rỡ ràng, sử sách đã xác thực vậy.

Phụ lục

Trò xiếc

Ở đất Phong-châu, đời thượng cổ có một cây cổ thụ rất lớn, tên là cây «Chiên-đàn». Cao ước hơn nghìn trượng, cành lá riêm rà, che rợp một khu đất rất rộng. Trên cây ấy có hạc làm tổ cho nên người đời bấy giờ đặt tên xứ ấy là đất Bạch hạc.

Cây ấy sống lâu không biết đã mấy nghìn năm, đến lúc già cỗi khô héo, hóa thành con yêu tinh. Con yêu tinh này biến hiện thiên hình vạn trạng, dữ tợn độc ác, làm chết nhiều người. Vua Kinh-dương lấy phép thần yểm trừ. Yêu tinh phải lui. Song nay đây mai đó biến hóa đi khắp mọi nơi, để bắt người ăn sống. Dân gian sợ hãi phải lập đền thờ yêu tinh. Mỗi năm cứ đến ngày ba mươi tết, dân phải bắt một người để làm lễ cúng yêu-tinh thì dân mới được yên ổn. Tục gọi là Xương-cuồng - thần.

Phía tây-nam nước ta bấy giờ tiếp giáp với nước Tiền - hầu. Người trong nước cứ nhờ giống mán «Phì-lộ» (ở phủ Diễn-châu), bắt người mường mọi rừng nước Tiền hầu cúng Yêu-tinh. Năm nào cũng phải theo lệ ấy. Đến đời vua Tần Thủy - hoàng sai Nhâm-Ngao làm quan lệnh Long-xuyên. Nhâm - Ngao nhân cách bỏ cái tục ấy. Cấm không cho dân bắt người sống mang cúng yêu-tinh. Yêu-tinh tức giận, làm chết Nhâm-Ngao. Từ đó dân gian càng sợ hãi, ai ắt người sống mang cúng như cũ.

Đến đời vua Đinh-Tiên-Hoàng nhờ có pháp-sư tên là Dũ-văn Mâu tu đã đắc đạo, hơn 40 tuổi đi chơi khắp các nước, thông thuộc cả tiếng các mán mọi. Có phép kim - nha đồng-sĩ. Khi ấy tuổi đã ngoài tám mươi, Vua Tiên-hoàng thờ làm thầy. Dũ-văn-Mâu mới dậy những cách làm trò, lừa cho thần Xương - cuồng đến xem để mà bắt giết. Phép làm trò như sau này, dựng lầu Phi-vân, cao ước 12 trượng. Gióng một cái cột ở giữa, lấy dây làm giây dài ước 136 trượng. Hai đầu giây chôn xuống đất, giữa giây bắc lên đầu cột. Một người chạy trên giây, chạy lên chạy xuống mấy lần không ngã, thế gọi là «Thượng - kỵ» — Hoặc. Chăng giây trên không, dây dài 150 trượng, lại chăng một cái

giây ngang vào cái giây kia thành ra ngã ba, rồi cho hai người cầm cờ đi trên giây đến chỗ ngã ba thì tránh nhau, đi lại lên-xuống ung dung mà không ngã, thế gọi là «Thượng - can». — Hoặc lấy một tấm gỗ vuông một thước ba tấc, dầy 7 phân, đặt lên đầu cái cột; một người leo lên trên tấm gỗ, múa lộn nhầy nhót, lui tiến ngửa nghiêng như bởn, thế gọi là «Thượng thát», — Hoặc lấy một cái sọt đan bằng tre như hình cái thời đơm cá, một người đâm đầu vào mà đứng sững không đổ, thế gọi là nhượng toái» — Hoặc cho người lộn bụng ngửa ra, lưng cong lại, hai gót chân đằng sau quặt vào cổ đằng trước, múa và nhầy nhót làm đủ trò vè, như thế gọi là « thượn gcâu». — Hoặc cho người đứng lên lưng ngựa đánh cho ngựa chạy, lại ngồi xuống quặp chân lên lưng ngựa buông đầu trở xuống mà nhặt những vật ở dưới đất lên được gọi là «Lạc mã nhân—» Hoặc cho một người nằm ngửa, giơ bàn chân lên hứng lấy cái sào dựng ngược, rồi cho đứa trẻ con leo lên cái sào, như thế gọi là « thượng hiểm » .

Ở trong Vân- lâu người thì làm trò, người thì đàn nhạc hát xướng. Lại giết trâu giết bò, để dâng lễ tế yêu tinh. Khi Yêu-tinh đến, uống rượu xem trò Pháp sư miệng niệm thần - chú, vung gươm chém giết. Thần Xướng-cuồng và bộ- hạ đều chết hết. Từ đó bỏ được cái tục giết người tế thần.

∴

Chuyện này tức là truyện «Mộc-tinh» chép trong Linh-nam-trích-quái, có thật hay không? — Xem như trên thì người pháp-sư này chính là một người làm trò xiếc. Trò xiếc lúc mới xuất hiện ở cổ-thời thì chắc ai cũng lấy làm kinh dị mà cho là phù- phép chi đó. Người xiếc kia bèn lợi dụng cái tâm-lý ấy mà tự phô mình là phù-thủy cao tay, rồi vẽ ra cuộc chém yêu để

ai nấy yêu trí là thần Xương-cuồng đã bị chém rồi, thì tục giết người tế thần tự khắc bỏ được đó thôi. Vậy thì người Xếc này không những giỏi Xiếc mà lại giỏi cả khoa ứng dụng tâm-lý nữa.

Xem đây biết trò xiếc đã xuất hiện ở nước ta từ đời này.

•Quán Ven Đường, Góp Nhặt Sách Xưa (người đi lượm sách Huỳnh Chiếu Đẳng)•

Mục lục tập thứ nhất

Hùng-vương	Trang số	10
Thục An dương vương	—	26
Triệu Vũ-đế	—	35
Thuộc Tàu lần thứ nhất	—	49
Trưng-vương	—	54
Thuộc Tàu lần thứ hai	—	64
Sĩ-vương	—	72
Thuộc Tàu lần thứ ba	—	76
Tiền lý Nam đế	—	91
Triệu Việt vương	—	96
Hậu-lý Nam-đế	—	100
Thuộc Tàu lần thứ tư	—	101
Mai Khắc đế	—	106
Bố-cái đại vương	—	109
Họ Khúc	—	172
Tiền Ngô-vương	—	143
Hậu Ngô vương	—	144
Thập nhị sứ quân	—	145

Kho sách xưa Quán Ven Đường

Cải chính

Những chữ sai về tập thứ nhất

Số trang	Số dòng	Chữ lầm	Sửa lại
30	4	năm (207)	năm (208)
30	7	năm (207)	năm (208)
35	1	năm (207)	năm (208)
35	10	năm (207)	năm (208)
35	14	năm 197)	năm (198)
47	8	năm 207)	năm (208
64	18	năm Nhâm dần (89	năm Nhâm-dần (102)
66	3	ca	ta
66	14	chết trân	chết trận
71	2	đạo-lý	địa lý
72	25	phải đắc cách	phải cách
73	1	yếu mến	yêu mến
73	14	và Chu-phù	là Chu-Phù
73	19	Cửu-châu	Cửu-châu
73	Cuối	Lai-Cung	Lai-Cong
74	4	tức là	tước là
74	14	Canh dần (201)	Canh dần (210)
74	23	tức là	tước là
74	24	tức	tước
76	14	Cố lại	cố-lai
77	2	Lã-đạt	Lã-Đại
95	14	Lưu tử-hùng	Lư-tử-hùng
96	6	người tráng	người hùng tráng
102	20	đen quân	đem quân
107	4	đánh Mai Hắc-đế	đánh úp
107	20	thuận quốc	thuộc quốc
109	14	đôi	đời
130	26	Kang sơn	Hang-Son
136	21	thết thấy	bết thầy
149	9	nhượng-toái	Thượng toái

IMPRIMERIE NATIONALE IMPRIMES